

324.2597070959758

L302S

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
TỈNH NINH THUẬN

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH NINH THUẬN (1975 - 2000)

ST

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
TỈNH BÌNH THUAN
(1975-2000)

Mã số: $\frac{3K1(V.227)}{CTQG-2005}$

Chịu trách nhiệm nội dung:

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY NINH THUẬN

Biên tập:

Nguyễn Bắc Việt, Thạc sĩ lịch sử, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Lê Nhân Hiệt, nguyên Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

Biên soạn:

Trần Ngọc Quế, Cử nhân lịch sử, Trưởng Phòng Tuyên truyền

Nguyễn Đình Tấn, Cán bộ cao cấp

Nguyễn Thị Hoàng Liên, Cử nhân lịch sử, Phó phòng phụ trách lịch sử Đảng

Tư liệu:

Phòng Lịch sử Đảng - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Ninh Thuận là một tỉnh thuộc khu vực cực Nam Trung Bộ, có điều kiện tự nhiên rất khắc nghiệt, điều kiện kinh tế xã hội cũng rất khó khăn. Sau khi chiến tranh kết thúc, đất nước thống nhất, tỉnh Ninh Thuận bắt tay vào công cuộc khôi phục và xây dựng từ một xuất phát điểm kinh tế, xã hội rất thấp. Bên cạnh đó, các thế lực thù địch tập trung chống phá cách mạng bằng mọi thủ đoạn, chúng lợi dụng tôn giáo để lừa mị đồng bào các dân tộc thiểu số, dựng lên các vấn đề về dân tộc... hòng xuyên tạc đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chống phá chính quyền cách mạng.

Trong công cuộc kháng chiến cứu nước của dân tộc, Đảng bộ và nhân dân Ninh Thuận đã chung vai sát cánh chiến đấu và đã chiến thắng, góp phần xứng đáng viết lên những trang sử hào hùng của dân tộc, thì ngày nay, khi đất nước hoàn toàn giải phóng, Đảng bộ và nhân dân Ninh Thuận lại đang chung vai sát cánh vượt qua mọi khó khăn, thách thức viết tiếp những trang sử vàng chói lọi trong công cuộc dựng xây non sông đất nước ngày càng tươi đẹp hơn. Từ khi giành lại được độc lập

đến nay, đứng trước khó khăn của điều kiện tự nhiên, những khó khăn về tổ chức chia tách rồi sáp nhập... Đảng bộ và nhân dân Ninh Thuận không sờn lòng, đoàn kết thành một khối thống nhất, nhanh chóng ổn định tổ chức, tìm hướng đi mới cho công cuộc xây dựng hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh... Và ngày nay, mặc dù Ninh Thuận còn rất nhiều khó khăn, nhưng những thành quả mà Đảng bộ và nhân dân Ninh Thuận giành được là rất to lớn và đáng khâm phục.

Để ghi lại truyền thống kiên cường trên những chặng đường gian nan đó, Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận đã cùng với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia tổ chức biên soạn và xuất bản cuốn sách **LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ TỈNH NINH THUẬN (1975-2000)**. Cuốn sách sẽ là một tài liệu bổ ích về những bài học của những người đi trước nhằm giáo dục truyền thống cho các thế hệ đi sau tiếp tục noi theo, xây dựng tỉnh Ninh Thuận nói riêng, đất nước nói chung ngày càng giàu đẹp hơn, đàng hoàng hơn.

Xin giới thiệu cuốn sách và mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc.

Tháng 7 năm 2005

**NHÀ XUẤT BẢN
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA**

LỜI GIỚI THIỆU

Hai mươi lăm năm sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, cùng với cả nước Ninh Thuận bước vào chặng đường mới xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội, đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh tình hình quốc tế có những biến động phức tạp, cùng với những khó khăn trong nước đã đặt Đảng bộ và nhân dân Ninh Thuận trước những thử thách gay gắt.

Dạn dày qua chiến tranh cách mạng trên một địa bàn điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt, với những khó khăn gian khổ của vùng đất cực Nam Trung Bộ đã tôi luyện cho Đảng bộ Ninh Thuận bản lĩnh chính trị vững vàng, sẵn sàng đương đầu và vượt qua những thách thức. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, trong giai đoạn cách mạng mới, nhân dân Ninh Thuận không ngừng phấn đấu vươn lên về mọi mặt và đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng.

Ghi lại thành quả cách mạng của Đảng bộ tỉnh và các ban, ngành địa phương là một việc làm thiết thực và có ý nghĩa.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận đã ra chỉ thị sâu tằm, nghiên cứu, biên soạn Lịch sử truyền thống và Lịch sử Đảng bộ. Thường vụ Tỉnh ủy xác định cần tiếp tục xuất bản cuốn Lịch sử Đảng bộ Ninh Thuận giai đoạn 1975-2000. Được sự chỉ đạo trực tiếp, sâu sát của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và sự cố gắng của Ban biên soạn, biên tập thuộc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, đến nay cuốn sách đã hoàn thành.

Cuốn sách “Lịch sử Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận (1975-2000)” đã tái hiện một thời kỳ cách mạng không kém phần khó khăn, thử thách, tập trung phản ánh một cách có hệ thống những sự kiện tiêu biểu, chân thật và sống động, làm rõ vai trò lao động cần cù, năng động sáng tạo và tinh thần đoàn kết, tự lực tự cường của nhân dân các dân tộc Ninh Thuận dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Qua đó khơi dậy niềm tự hào và củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, góp phần giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân trong tỉnh.

Trong quá trình biên soạn, cuốn sách được sự đóng góp tận tình của nhiều đồng chí Tỉnh ủy viên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, của các thế hệ cán bộ công tác qua nhiều thời kỳ, của những cán bộ nghiên cứu lịch sử Trung ương và địa phương. Tuy nhiên, thời kỳ 1975-2000 là một thời kỳ có nhiều biến động về phân chia lại địa giới hành chính, tổ chức cán bộ và hàng loạt vấn đề kinh tế, xã hội mà đến nay tiến trình đó vẫn đang còn tiếp tục nên việc tổng

kết đánh giá có căn cứ khoa học các sự kiện diễn ra trên địa bàn là rất khó khăn, không thể tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Do vậy, chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp, phê bình của bạn đọc để lần xuất bản sau đạt chất lượng cao hơn.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận xin chân thành cảm ơn Viện Lịch sử Đảng thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các cấp, các ngành trong và ngoài tỉnh, các đồng chí lãnh đạo qua các thế hệ, đồng bào và chiến sĩ trong tỉnh cùng Nhà xuất bản Chính trị quốc gia đã giúp đỡ và tạo điều kiện cho cuốn sách được ra mắt bạn đọc.

Nhân kỷ niệm 60 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh (2-9-1945 – 2-9-2005) Ban Thường vụ Tỉnh ủy Ninh Thuận xin trân trọng giới thiệu cuốn sách: *Lịch sử Đảng bộ Ninh Thuận (1975-2000)* đến cán bộ, đảng viên, đồng bào trong tỉnh và bạn đọc gần xa.

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY NINH THUẬN

Chương I

ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, ỔN ĐỊNH TÌNH HÌNH KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI (1975-1976)

I. TÌNH HÌNH NINH THUẬN SAU GIẢI PHÓNG

Ninh Thuận được giải phóng vào ngày 16-4-1975 trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, tuyến phòng ngự Sài Gòn từ xa của quân ngụy bị đập tan đã tạo thế mở đường cho đại quân ta tiến vào giải phóng Sài Gòn, kết thúc Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Chiến tranh kết thúc nhưng nó cũng để lại nhiều hậu quả nặng nề trên mọi lĩnh vực kinh tế-xã hội; nhu cầu và nguyện vọng của nhân dân ta lúc này là xây dựng lại quê hương đất nước, xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu, mọi người có cuộc sống ấm no hạnh phúc. Chuyển

sang giai đoạn mới, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Ninh Thuận phải đương đầu với rất nhiều khó khăn, trước mắt là phải khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định trật tự xã hội, ổn định cuộc sống cho nhân dân.

Ninh Thuận thời kỳ này là một tỉnh thuần nông nhưng sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi còn phân tán, nhỏ lẻ, kỹ thuật lạc hậu...; một số cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn tồn tại đến ngày giải phóng chủ yếu là công nghiệp sửa chữa ô tô và chế biến nông lâm sản (tẩm gỗ, muối, đường...), quy mô sản xuất nhỏ, manh mún, hoạt động cầm chừng. Các cơ sở thủ công nghiệp phần lớn thuộc sở hữu tư nhân, tiểu chủ.

Điểm xuất phát nền kinh tế của tỉnh cũng như trình độ dân trí còn thấp. Kết cấu hạ tầng nghèo nàn thiếu thốn, thời tiết khắc nghiệt, tỷ lệ phát triển dân số cao (hơn 3%), nhân dân các dân tộc trong tỉnh, nhất là ở vùng căn cứ kháng chiến, vùng sâu, vùng xa phần lớn thiếu ăn, thiếu mặc, không được học hành.

Chiến tranh và sự thống trị của chế độ thực dân, đế quốc đã để lại những vết thương nặng nề trong đời sống kinh tế-xã hội, nhiều tệ nạn như nạn trộm, cướp, cao bồi, xì ke, ma túy, gái điếm, cờ bạc, rượu chè, mê tín dị đoan... đang là gánh nặng cho xã hội mà chính quyền cách mạng không thể giải quyết ngay trong một sớm một chiều. Sau giải phóng, hàng nghìn người tha phương

trở về, hàng chục ngàn ngụ quân, ngụ quyền đầu hàng đang thiếu công ăn việc làm, nạn thất nghiệp gia tăng, nhiều gia đình nông dân không có ruộng đất. Bên cạnh đó còn phải giải quyết chế độ cho các gia đình thương binh, liệt sĩ, người có công với cách mạng... Hàng loạt vấn đề xã hội cấp bách đang đặt ra, đòi hỏi chính quyền cách mạng phải giải quyết.

Trật tự an ninh sau chiến tranh còn nhiều diễn biến phức tạp. Bọn ngụ quân, ngụ quyền ngoan cố, không chịu ra trình diện, lẩn tránh tìm cách chống phá cách mạng... Chúng tuyên truyền xuyên tạc đường lối cách mạng, gây hoang mang, lo sợ ở một số người, nhất là các gia đình có liên quan với chế độ cũ. Tháng 5-1975, một số ngụ quân, ngụ quyền, Đảng phái phản động ngóc đầu dậy hoạt động trong vùng đồng bào Chăm do Huỳnh Ngọc Sảng cầm đầu. Chúng lén lút tập hợp lực lượng, móc nối với mục sư Tin Lành là Hà Giáo ở vùng Krông Pha xây dựng mật cứ chống phá cách mạng, làm mất ổn định ở một số nơi, gây ảnh hưởng xấu trong nhân dân.

Bộ máy Đảng, chính quyền, đoàn thể mới thành lập chưa ổn định. Tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên chỉ có ở 31/54 xã, phường. Cán bộ, đảng viên tại chỗ ít, trình độ chuyên môn kinh tế-kỹ thuật chưa nhiều, chưa có kinh nghiệm trong việc quản lý đô thị nên còn nhiều khó khăn, lúng túng trong lãnh đạo, chỉ đạo, chưa kịp

thích nghi với yêu cầu nhiệm vụ mới.

Tuy còn nhiều khó khăn, phức tạp, nhưng Đảng bộ và nhân dân Ninh Thuận bước vào công cuộc xây dựng quê hương có những thuận lợi cơ bản: quần chúng nhân dân rất vui mừng, phấn khởi vì quê hương được giải phóng, đất nước thống nhất, một cuộc sống hòa bình tự do đang mở ra. Cơ sở vật chất kỹ thuật ta tiếp quản được gần như nguyên vẹn. Đảng bộ và nhân dân giàu truyền thống cách mạng; đội ngũ cán bộ, đảng viên được tôi luyện trong kháng chiến nay được củng cố và phát triển trong hòa bình. Các dân tộc trong tỉnh có tinh thần đoàn kết gắn bó, tự lực tự cường, cần cù trong lao động. Ninh Thuận còn là tỉnh có nhiều thế mạnh về nông-lâm-ngư nghiệp, thủy điện, thủy lợi, giao thông... Đó là những yếu tố rất thuận lợi để Đảng bộ phát huy thế mạnh của tỉnh nhà, động viên được sức mạnh to lớn của quần chúng nhân dân vươn lên thực hiện nhiệm vụ trong thời kỳ mới, tạo thế và lực cho bước phát triển của giai đoạn sau.

II. KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, ỔN ĐỊNH TÌNH HÌNH KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, XÃ HỘI (1975-1976)

Ngay từ khi tỉnh nhà vừa được giải phóng, ta đã nhanh chóng tiếp thu, tiếp quản các cơ sở quân sự, kinh tế, văn hóa, hành chính...; thiết lập chính quyền

cách mạng lâm thời các cấp, thành lập Ủy ban quân quản thị xã Phan Rang-Tháp Chàm, ban bố lệnh thiết quân luật để giữ gìn an ninh trật tự, ổn định tình hình địa phương. Đồng thời huy động sức người, sức của, lương thực, xăng dầu, xe máy... phục vụ quân chủ lực tiến vào giải phóng Sài Gòn và các tỉnh Nam Bộ.

Về tổ chức hành chính, tỉnh Ninh Thuận được sắp xếp lại gồm có: thị xã Phan Rang-Tháp Chàm và 4 huyện: Ninh Hải, An Phước, Ninh Sơn, Bác Ái, với 54 xã phường và hơn 262.000 dân (trong đó vùng căn cứ khoảng 12.000 dân)¹.

Quán triệt các nghị quyết của Trung ương Cục miền Nam và Khu ủy Khu 6, tháng 5-1975, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận đã đề ra những nhiệm vụ khẩn cấp, chỉ đạo các huyện thị, ban ngành phải khẩn trương triển khai thực hiện:

- Kiên quyết truy quét địch, nhanh chóng thiết lập trật tự trị an, nhằm sớm ổn định tình hình để tạo thuận lợi cho việc đẩy mạnh xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội trong tình hình mới.

- Ra sức củng cố và xây dựng lực lượng chính trị vũ trang, xây dựng củng cố chính quyền cách mạng, lấy công nông chuyên chính làm nền tảng, chính quyền

1. Theo thống kê của tỉnh tính đến 30-4-1975.

phải thực sự của dân, do dân và vì dân, trước hết tập trung xây dựng chính quyền ở thôn, xã và từng bước triển khai bộ máy tỉnh, huyện.

- Tranh thủ khôi phục và phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân; từng bước giải quyết những tệ nạn xã hội do chế độ cũ để lại. Chú ý xây dựng và phát triển nông nghiệp; giải quyết đời sống cho dân lao động ở thị xã.

- Từng bước chuyển tư tưởng, chuyển chỉ đạo và củng cố xây dựng bộ máy của các cấp, các ngành phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới.

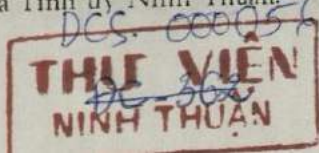
Nhằm ổn định đời sống nhân dân, Đảng bộ khẩn trương triển khai một số nhiệm vụ trước mắt: tổ chức cứu thương, cứu đói, cứu đau cho nhân dân. Chi nhiều triệu đồng để mua thuốc chữa bệnh cho nhân dân, cấp hàng trăm tấn lương thực cứu đói, hàng chục tấn muối. Tổ chức hồi cư cho nhân dân các thôn Vĩnh Hy, Thái An và Mỹ Hòa về tái lập xã Vĩnh Hải và các thôn Vĩnh Trường, Từ Thiện và Sơn Hải về tái lập xã Phước Dinh. Vận động nhân dân nông thôn bị địch dồn vào thị xã trở về làng cũ và đưa 375 hộ đi xây dựng vùng kinh tế mới. Trợ cấp một phần vật chất và tiền bạc cho nhân dân hồi cư và đi xây dựng kinh tế mới. Tổ chức sửa chữa cầu, đường bị chiến tranh phá hoại, khôi phục giao thông đường bộ, đường sắt Nam Bắc, đường

11 (Quốc lộ 27) đi Đà Lạt và các đường đến huyện, xã.
Khôi phục hệ thống điện từ Krông Pha về Phan Rang
- Tháp Chàm - Ninh Chữ...

Thực hiện chính sách 10 điểm, xóa bỏ hận thù của Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, đối với lực lượng ngụy quân, ngụy quyền, chính quyền cách mạng đã tuyên truyền giáo dục, kêu gọi họ ra trình diện; cương quyết truy lùng, trấn áp số tàn binh còn lẩn trốn, bọn phản động tự xưng là lực lượng thứ ba. Tính đến 30-4-1975, có hơn 11.150¹ ngụy quân, ngụy quyền ra trình diện hoặc bị bắt. Số ra đăng ký trình diện được phân loại để giáo dục cải tạo theo từng cấp. Những người cải tạo tốt được trả về gia đình, địa phương sinh sống. Riêng đối với số công chức cũ đã chọn lựa lưu dụng 1.654 người làm công tác giáo dục, y tế, kinh tế... Chính sách khoan hồng, rộng mở của cách mạng làm cho quần chúng nhân dân, nhất là ngụy quân, ngụy quyền và thân nhân họ bớt hoang mang lo lắng, tin tưởng vào đường lối của Đảng và Nhà nước, cùng chung sức, chung lòng xây dựng cuộc sống mới trên quê hương.

Các thế lực thù địch trong và ngoài nước lợi dụng những khó khăn của ta sau ngày giải phóng, tìm cách cấu kết, tổ chức hoạt động chống phá chính quyền

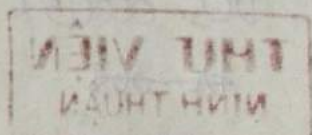
1. Theo Báo cáo số 70/WT của Tỉnh ủy Ninh Thuận.



cách mạng như tổ chức “Việt Nam quốc hận Đảng Sơn Hà”, “Lực lượng giải phóng Việt Nam cộng hòa”. Chúng ra sức tuyên truyền, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta; dụ dỗ, lôi kéo một số người nhẹ dạ vượt biên ra nước ngoài. Nổi lên là các tổ chức phản động do tên Nguyễn Phụng và Linh mục Nguyễn Luân¹ cầm đầu. Âm mưu của chúng là dựa vào lực lượng nguy quân, nguy quyền trốn cải tạo và những phần tử bất mãn làm bạo loạn lật đổ chính quyền cách mạng. Chúng tổ chức in ấn, rải truyền đơn, tuyên truyền kích động quần chúng, giáo dân; vạch kế hoạch tác chiến, cất giấu vũ khí, quyên góp tiền bạc trái phép... để phục vụ cho hoạt động của chúng. Nhưng âm mưu, ý đồ của chúng chưa thực hiện được thì tên Phụng và đồng bọn bị ta bắt giữ vào cuối tháng 9-1975, tổ chức của chúng bị tiêu diệt tận gốc; cái gọi là “Lực lượng giải phóng Việt Nam cộng hòa” do tên Luân xây dựng cũng bị đập tan vào tháng 1-1976, tất cả bọn tội phạm đã lần lượt bị bắt giam với những chứng cứ xác thực.

Trên địa bàn Ninh Thuận còn có bọn phản động Fulro do Pháp và Mỹ tổ chức xây dựng và nuôi dưỡng, hoạt động chủ yếu trong vùng đồng bào dân tộc Chăm. Sau giải phóng chúng tự xưng là “lực lượng thứ ba” đòi

1. Tên Nguyễn Phụng trú tại ấp Văn Sơn, xã Văn Hải, huyện Ninh Hải. Tên Nguyễn Luân thuộc giáo xứ Thủy Lợi, xã Hộ Hải, huyện Ninh Hải.



“chia đất, chia quyền lãnh đạo”. Cầm đầu gồm các tên Huỳnh Ngọc Sảng, Vạn Thanh Bình, Kiều Ngọc Quyên quyết liệt chống đối ta bằng các hoạt động vũ trang. Chúng đã lén lút vào các thôn, ấp người Chăm, lôi kéo lừa mị hơn 300 thanh niên chạy ra rừng lập căn cứ chống lại cách mạng. Ngày 10-6-1975, lực lượng vũ trang của tỉnh tiêu diệt và làm bị thương một số tên, bắt sống 105 tên đưa về địa phương giáo dục cải tạo, cho gia đình nhận lãnh quản lý. Qua đợt truy quét này, các cấp ủy Đảng rút kinh nghiệm, xác định: đối với Fulro, cần phân hóa cô lập những phần tử cầm đầu, khoan hồng với những người quay về với nhân dân.

Bị lực lượng vũ trang truy quét và được nhân dân kêu gọi, từ ngày 5-8-1975, nhiều người bỏ hàng ngũ Fulro trở về trình diện với chính quyền cách mạng. Qua năm 1976, lực lượng này chỉ còn khoảng 20 tên do Huỳnh Ngọc Sảng chỉ huy nhưng bị bộ đội và công an tỉnh truy bắt rất gắt gao, bọn chúng phải trốn vào rừng sâu, không dám hoạt động mạnh. Với thắng lợi này, ta đã ngăn chặn sự tác động lôi kéo của Fulro đối với thanh niên Chăm, kịp thời phá tan âm mưu hoạt động chống phá của địch, củng cố khối đoàn kết các dân tộc trong tỉnh.

Đi liền với truy quét, cải tạo các đối tượng phản động; các cấp, các ngành còn thực hiện kế hoạch giáo dục phát động quần chúng hưởng ứng các hoạt động

cách mạng như: tổ chức mít-tinh chào mừng ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam và tỉnh Ninh Thuận, mít tinh kỷ niệm 85 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đặc biệt trong ngày 15-5-1975, hòa cùng không khí đạt dào niềm vui của cả nước mở hội mừng chiến thắng lịch sử 1975, các cấp ủy đảng và chính quyền trong tỉnh đã tổ chức mít tinh trọng thể chào mừng thắng lợi giải phóng miền Nam. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ diễn ra sôi nổi. Tỉnh tổ chức diễu binh, diễu hành thể hiện ý chí của toàn Đảng bộ, toàn dân và toàn quân trong tỉnh quyết tâm phát huy những thành quả giành được, nỗ lực xây dựng quê hương đất nước ngày càng giàu đẹp. Từ tháng 6-1975 trở đi, tỉnh tổ chức nhiều đợt tuyên truyền giáo dục, phát động quần chúng tham gia phong trào cách mạng tại địa phương. Mở đầu làm thí điểm ở phường Đạo Long (thị xã Phan Rang), xã Hộ Hải (huyện Ninh Hải), xã Phước Sơn (huyện An Phước), thôn Tầm Ngân (huyện Ninh Sơn). Mỗi nơi có 1 đoàn cán bộ của tỉnh, huyện phụ trách phát động trong 10-15 ngày, làm xong họp rút kinh nghiệm, triển khai ra diện rộng.

Qua các đợt tuyên truyền giáo dục đã giúp nhân dân, nhất là ở vùng mới giải phóng hiểu sâu sắc hơn ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, làm cho nhân dân tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Bước đầu phát động quần chúng nhân dân hăng hái tham gia các phong

trào cách mạng ở địa phương như: vận động nguy quân, nguy quyền ra trình diện và giao nộp vũ khí, tài liệu cho chính quyền cách mạng, báo cho cơ quan chức năng biết số còn ẩn nấp, trốn tránh; vận động thanh niên gia nhập lực lượng vũ trang, vận động công chức, giáo chức tham gia khôi phục cơ sở sản xuất, trường học, bệnh viện; giới thiệu người tốt tham gia vào công tác chính quyền các cấp...

Để nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân, Đảng bộ tập trung lãnh đạo quân và dân trong tỉnh ra sức khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, nhất là sản xuất lương thực thực phẩm. Chính quyền cách mạng cố gắng giải quyết hàng triệu lít xăng dầu, hàng ngàn tấn phân hóa học, hàng trăm tấn giống lúa mới cho nhu cầu khôi phục sản xuất. Huy động được hàng ngàn công lao động đi tu bổ tuyến kênh Bắc và nạo vét, tu sửa kênh mương nội đồng bảo đảm nước tưới lúa vụ hè thu và vụ mùa 1975. Kết quả nông dân đã gieo trồng 25.519 ha, sản lượng thu hoạch trên 50.000 tấn. Đối với vùng đồng bào dân tộc Raglai và vùng kinh tế mới canh tác hoa màu trên rẫy cũ, mở rộng diện tích gieo trồng, khai hoang phục hóa được 781 ha. Ở vùng biển, chính quyền cố gắng giải quyết xăng dầu, vật tư, lương thực theo giá cung cấp để ngư dân luân phiên ra quân khai thác hải sản; trong quý 2 và quý 3 năm 1975 đã đánh bắt được 10.000 tấn hải sản các loại. Tích cực tạo điều kiện khôi phục hoạt động của các nhà máy

thủy điện Đa Nhim, nhà máy nước Phan Rang, nhà máy Toa xe Tháp Chàm, Sở muối Cà Ná, nhà máy đường Tháp Chàm, nhà máy cơ khí Phan Rang... để phát triển sản xuất và phục vụ đời sống nhân dân.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ, ngày 10-8-1975, Ninh Thuận cùng với các tỉnh ở miền Nam tổ chức lực lượng đồng loạt ra quân kiểm kê xử lý cải tạo tư sản mại bản¹. Có 31 nhà tư sản được kiểm kê toàn bộ tài sản, hàng hóa, nhà ở và cửa hàng kinh doanh, chuyển sang các cơ sở Nhà nước để mở rộng kinh doanh. Qua đó đã xử lý 20 chủ, tịch thu và trưng thu một phần tài sản, 11 chủ được trả lại. Việc làm trên đã có tác dụng làm chuyển biến tư duy kinh doanh của các nhà tư bản, đưa họ vào con đường sản xuất kinh doanh chính đáng, bài trừ kiểu làm ăn bóc lột, buôn gian bán lận, nâng cao vị thế của người lao động.

Từ ngày 22 đến ngày 25-9-1975, thực hiện chỉ đạo của Trung ương, tỉnh Ninh Thuận đã tổ chức đổi tiền của chế độ cũ sang tiền của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Cả tỉnh đã thu đổi 4.549.198.960 đồng tiền cũ. Công tác đổi tiền đã góp phần ổn định đời sống nhân dân trong tỉnh. Tuy nhiên, việc triển khai công tác ngân hàng và giải quyết việc

1. Gọi là chiến dịch X2.

rút tiền chậm có ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống.

Ngày 29-9-1975, Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ra Nghị quyết về “Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới”. Nghị quyết nêu rõ: “*Nhiệm vụ chiến lược* của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới là: Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Miền Bắc phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; miền Nam phải đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội”¹.

Tiếp thu chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Ninh Thuận mở hội nghị triển khai, quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam tới cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, cấp huyện và đề ra một số nhiệm vụ trước mắt: Điều chỉnh lại ruộng đất; tăng cường cải tiến quản lý kinh tế, quản lý xã hội; đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng...

Từ tháng 11-1975 đến cuối năm 1976, Tỉnh ủy và Ủy

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t. 36, tr. 397.

ban nhân dân đã đưa hàng trăm cán bộ quân dân chính Đảng xuống cơ sở mở đợt học tập, vận động nhân dân thực hiện chính sách ruộng đất ở nông thôn.

Qua học tập, đại bộ phận nông dân hiểu được chủ trương của Đảng và Chính phủ, phải đấu tranh xóa bỏ chế độ chiếm hữu ruộng đất, bóc lột của địa chủ, thực dân mới ở nông thôn, đem lại quyền làm chủ ruộng đất cho nông dân. Đoàn công tác đã tiến hành điều tra, khảo sát, nắm bắt tình hình ruộng đất của các thành phần. Tùy theo từng đối tượng, tỉnh có chính sách cụ thể để tịch thu, trưng thu hoặc trưng mua ruộng đất của họ. Từ việc làm điểm ở một huyện, rút kinh nghiệm rồi mở ra diện rộng, tính đến cuối năm 1976 tỉnh đã cơ bản hoàn thành chính sách ruộng đất ở nông thôn. Toàn tỉnh tị u hồi được 8.572 ha ruộng đất của giai cấp bóc lột đem chia cho 15.777 hộ gồm 90.076 nhân khẩu không có hoặc thiếu ruộng đất; bình quân mỗi nhân khẩu được chia 950 m². Nhìn chung, kế hoạch tiến hành từng bước khá chặt chẽ, đạt yêu cầu, đảm bảo sự đoàn kết giai cấp và dân tộc ở nông thôn.

Nông dân được chia ruộng đất, hăng hái tham gia các tổ, đội đoàn kết, đổi công, hợp tác lao động, sản xuất đạt nhiều kết quả hơn trước. Tu bổ hệ thống thủy lợi Nha Trinh, đập Ly Mơn (Mông Nhuận) kịp thời phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Vụ hè thu năm 1976, diện tích cây lương thực được mở rộng năng suất

lúa bội thu so với cùng kỳ năm trước. Diện tích mía cũng được phục hồi, đáp ứng một phần nguyên liệu cho nhà máy đường Tháp Chàm. Số lượng heo, trâu, bò... tăng khá nhanh. Nhờ vậy, nông dân hăng hái làm tròn nghĩa vụ nộp thuế lương thực và bán lúa cho Nhà nước. Nhiều gia đình bán lúa vượt chỉ tiêu giao, được Nhà nước động viên, khen thưởng.

Ở miền núi, tỉnh tổ chức xây dựng mới các lâm trường để quản lý rừng và trồng rừng; tổ chức khai thác gỗ, củi, lâm sản cung cấp cho các cơ sở sản xuất và nhân dân. Giáo dục vận động đồng bào Raglai ở vùng cao của Bắc Ái và Anh Dưng xuống vùng thấp định canh định cư ở Phước Hà, Ma Nối, Trà Co, Tà Lú, Ma Ty để ổn định cuộc sống. Thực hiện chính sách giảm dân của Nhà nước, tỉnh tích cực vận động nhân dân ở thị xã đi xây dựng vùng kinh tế mới ở Nhị Hà, Hòa Sơn, Bảo Vinh, Đá Trắng với 6.124 nhân khẩu. Đồng thời giúp đỡ nhân dân khai hoang, phục hóa ruộng đất để sản xuất, làm nương đập, đường sá, công trình công cộng, giao đất rừng cho nhân dân quản lý. Hệ thống chính quyền, đoàn thể ở vùng sâu, vùng xa đã sớm đi vào hoạt động.

Ngành giao thông vận tải tập trung tu sửa các cầu đường bị chiến tranh tàn phá, kiểm kê thu hồi quản lý các loại xe của địch. Sắp xếp lại các xe vận chuyển khách, hàng hóa trên các tuyến trong và ngoài tỉnh.

Tỉnh tiếp tục đầu tư sửa chữa, phục hồi một số cơ sở công nghiệp như: nhà máy Sản xuất trụ điện, nhà máy đường, xí nghiệp Tẩm gỗ, sở muối Cà Ná... và các cơ sở khác nhanh chóng đi vào hoạt động.

Các ngành dịch vụ được hình thành và triển khai hoạt động có hiệu quả. Ty Tài chính lo tiếp thu, tiếp quản tài sản, kho, quỹ của chế độ cũ để lại và tích cực thu từ các nguồn đóng góp trong dân. Đến tháng 8-1975, tỉnh thu các khoản, kể cả cấp trên chi viện được 160.971.000 đồng tiền của chế độ cũ, tạm đủ chi trong năm 1975. Sau đổi tiền, hoạt động của ngân hàng đi dần vào nề nếp, ngoài việc bảo đảm chi tiêu theo ngân sách, đã tích cực vận động nhân dân gửi tiền tiết kiệm được 877.000 đồng; cho các hộ nông dân vay 384.000 đồng và một số hộ ngư dân vay 99.800 đồng. Ngành thương nghiệp và lương thực vừa giáo dục cải tạo tư thương, vừa xây dựng thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Ngành đã triển khai mạng lưới hợp tác xã mua bán và cửa hàng thương nghiệp khắp trong tỉnh, chủ yếu mua bán các mặt hàng công nghệ phẩm và nông sản thực phẩm, góp phần giữ giá, ổn định thị trường, cung cấp các mặt hàng thiết yếu phục vụ cho sản xuất và đời sống nhân dân.

Về lĩnh vực giáo dục và y tế, tỉnh đã tích cực tiếp thu, tiếp quản và triển khai công tác theo sự chỉ đạo hướng dẫn của Trung ương. Ngày 17-6-1975, Ban Bí thư

Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 221-CT/TW về công tác giáo dục ở miền Nam sau ngày hoàn toàn giải phóng là: “tích cực xóa nạn mù chữ và đẩy mạnh bổ túc văn hóa, phát triển mạnh và đều khắp các trường phổ thông, từng bước xây dựng ngành mẫu giáo, xây dựng thật tốt các trường đào tạo và bồi dưỡng cán bộ và giáo viên, cải tạo cơ sở giáo dục cũ của Mỹ, ngụy, xây dựng bộ máy quản lý giáo dục các cấp, tiến hành điều tra cơ bản về giáo dục để có cơ sở chuẩn bị tốt cho việc xây dựng kế hoạch giáo dục trong những năm tới, phát động phong trào quần chúng tham gia xây dựng giáo dục”¹. Thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng, ngày 20-10-1975, toàn tỉnh bước vào khai giảng năm học mới với 143 trường gồm 1.104 lớp với 47.908 học sinh và 1.321 thầy cô giáo (trong đó có trên 1.000 thầy cô được lưu dụng). Hệ thống giáo dục bổ túc và bình dân học vụ có 327 lớp gồm 11.294 học viên. Với tinh thần khắc phục khó khăn để giảng dạy theo chương trình giáo dục mới, các trường lớp hoạt động khá tích cực và thu hút ngày càng đông người đến trường lớp, nạn mù chữ được thu hẹp dần.

Ngành Y tế nhanh chóng đi vào hoạt động nhằm phục vụ sức khỏe cho cán bộ và nhân dân. Sau giải phóng, lực lượng cán bộ y tế gồm 60 đồng chí từ căn cứ

1. Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t. 36, tr. 235-246.

về, 9 đồng chí ở trên chi viện, 250 y bác sĩ lưu dụng, được tỉnh phân bổ cho các cơ quan y tế, bệnh viện, bệnh xá trên địa bàn toàn tỉnh. Đến tháng 8-1975, mạng lưới y tế hình thành từ tỉnh, huyện tới xã, phường. Ngành Y tế trực tiếp quản lý 26 cửa hàng dược đông, tây y tư nhân, buôn bán thuốc phục vụ nhân dân; mở một lớp đào tạo y tá, được tá với 125 học viên. Là một tỉnh có khí hậu khắc nghiệt, thất thường nên công tác phòng chống dịch bệnh được quan tâm hàng đầu, tỉnh đã tổ chức tiêm phòng, ngăn chặn kịp thời các dịch bệnh, không để lây lan ra diện rộng. Công tác điều trị, khám chữa bệnh được triển khai nghiêm túc, tích cực với số thuốc đạt giá trị hàng chục triệu đồng, đã góp phần hạn chế số người tử vong vì bệnh, làm cho nhân dân yên tâm tin tưởng đối với ngành y tế cách mạng.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, ngành Văn hóa - Thông tin hướng dẫn và tổ chức những cuộc mít tinh, lễ kỷ niệm có hàng vạn nhân dân tham dự. Tuyên truyền giáo dục sâu rộng trong nhân dân về tình hình và nhiệm vụ cách mạng, các chính sách của Đảng và chính phủ; vận động bài trừ văn hóa phẩm phản động, thu hồi và tiêu hủy hàng chục tấn sách báo, băng đĩa đồi trụy, phản động. Tổ chức phát hành sách báo cách mạng, chiếu phim lưu động và tại các rạp được 551 buổi có trên 285.000 lượt người xem. Ngành cũng mời đoàn văn công của Liên Khu V, Khu VI, tỉnh Yên Bái về biểu diễn khắp các xã, phường, thôn xóm

thu hút đông đảo người xem, được nhân dân nhiệt tình ủng hộ.

Để đảm bảo đường dây liên lạc được thông suốt, từ ngày 17-4-1975, cán bộ và chiến sĩ của ngành giao bưu và thông tin liên lạc gồm 41 đồng chí từ căn cứ về tiếp quản Ty Bưu điện Ninh Thuận và các chi cục bưu điện quận, thu nhận công sở, thiết bị và 40 nhân viên thông tin của chế độ cũ. Ngành tổ chức cho cán bộ giao bưu sinh hoạt quán triệt tình hình và nhiệm vụ cách mạng, nhiệm vụ của ngành trong giai đoạn mới. Phân công, sắp xếp công tác, điều chuyển cán bộ xuống các cơ sở. Chỉ trong một thời gian ngắn, mạng lưới thông tin liên lạc trên địa bàn tỉnh được thông suốt, nối liền từ tỉnh đến Trung ương và đến các tỉnh thành trong cả nước. Ngày 1-10-1975, Tổng cục Bưu điện miền Nam được thành lập trực thuộc Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Theo cơ cấu tổ chức mới, được Trung ương tăng cường cán bộ chuyên môn, kỹ thuật nghiệp vụ, Ty Bưu điện Ninh Thuận được thành lập vào tháng 11-1975, đã bắt tay ngay vào xây dựng mạng lưới thông tin liên lạc phục vụ sự lãnh đạo của Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể và nhu cầu của nhân dân. Ngành Bưu điện tỉnh từng bước được củng cố xây dựng, vươn lên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Sau khi nước nhà thống nhất, ngày 3-1-1976, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 228-CT/TW về việc

lãnh đạo cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước và nhấn mạnh: “cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội tới đây là một dịp biểu dương lực lượng đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc... là cuộc biểu dương lực lượng chính trị quan trọng của toàn dân dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân nhằm xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa”¹. Ngày 25-4-1976, cử tri cả nước nô nức đi bỏ phiếu bầu 492 đại biểu Quốc hội. Ở Ninh Thuận, hơn 90% cử tri tỉnh nhà đã trực tiếp bỏ lá phiếu bầu chọn đại diện của mình vào cơ quan quyền lực cao nhất của nước Việt Nam thống nhất. Thắng lợi của tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước là sự thể hiện ý chí và mong muốn của toàn dân ta đối với việc xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất và chủ nghĩa xã hội.

Từ ngày 24-6-1976 đến ngày 2-7-1976, Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất họp kỳ thứ nhất tại Hà Nội. Quốc hội quyết định đổi tên nước là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Quốc kỳ: cờ đỏ sao vàng; Quốc huy hình tròn màu đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng 5 cánh, xung quanh có bông lúa, có nửa bánh xe răng cưa và dòng chữ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Quốc ca là bài Tiến quân ca; Thủ đô ở Hà Nội;

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.37, tr.4.

“thành phố Sài Gòn-Gia Định” được vinh dự mang tên “thành phố Hồ Chí Minh”. Quốc hội bầu đồng chí Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch nước, đồng chí Trường Chinh làm Chủ tịch Quốc hội, đồng chí Phạm Văn Đồng làm Thủ tướng Chính phủ. Nhân dân cả nước chăm chú theo dõi diễn biến của kỳ họp này và rất đồng tình, ủng hộ những quyết định quan trọng của Quốc hội.

Ngày 24-5-1976, Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa III ra Quyết định số 253-QĐ/TW về việc thống nhất các đoàn thể nhân dân và thống nhất Mặt trận. Ninh Thuận phát động các đợt thi đua, củng cố phát triển hội viên, xây dựng tổ chức của các đoàn thể. Đến cuối năm 1976, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh có 44 chi đoàn, 396 đoàn viên. Hội Phụ nữ tỉnh xây dựng được 29 Ban Chấp hành xã, phường gồm 177 ủy viên. Hội Nông dân tỉnh xây dựng được 21 Ban Chấp hành xã, phường gồm 83 ủy viên. Tổ chức công đoàn có 968 đoàn viên sinh hoạt trong 1 số cơ quan và xí nghiệp. Các đoàn thể mở nhiều lớp huấn luyện bồi dưỡng cán bộ và cốt cán về điều lệ của Hội, nhiệm vụ cách mạng, đạo đức tư cách cán bộ và lễ lối làm việc của Ban Chấp hành. Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng được thành lập trong kháng chiến, sau giải phóng được củng cố tăng cường và chuẩn bị tiến hành Đại hội Mặt trận thống nhất các cấp.

Về chính quyền, Ban Thường vụ Tỉnh ủy khẩn trương chỉ đạo xây dựng củng cố bộ máy chính quyền từ tỉnh đến cơ sở để quản lý điều hành các mặt công tác. Qua các đợt phát động lấy ý kiến quần chúng, đã chỉ định 251 người tham gia vào chính quyền của 54 xã, phường; 800 người làm trong Ban nhân dân 255 thôn và khu phố. Mặc dầu còn mới mẻ, nòng yếu nhưng hoạt động của chính quyền cách mạng các cấp bước đầu có hiệu lực, góp phần ổn định tình hình địa phương, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và thực hiện các công tác cấp bách của Đảng và Chính phủ đề ra, đạt một số kết quả khả quan. Sự chi viện kịp thời cán bộ chuyên môn của Trung ương đã giúp tỉnh sớm ổn định và đưa vào hoạt động các ngành quan trọng như Tài chính, Ngân hàng, Thương nghiệp, Nông nghiệp, Công nghiệp...

Lực lượng quân sự của tỉnh cũng được quan tâm củng cố và phát triển. Đến cuối năm 1975, xây dựng được 3.000 du kích thôn, 411 du kích xã, phường và tuyển 718 tân binh; củng cố, nâng cao sức chiến đấu của Tiểu đoàn 610 và các cơ quan quân sự tỉnh-huyện. Ngành Công an nhân dân của tỉnh có 40 đồng chí trong kháng chiến cùng với 41 đồng chí do Bộ Công an chi viện, được phân bổ hình thành bộ máy Công an tỉnh và huyện; đồng thời tuyển 455 tân binh để thành lập các đơn vị Công an nhân dân vũ trang (gồm cả bộ đội biên phòng ngày nay) bảo vệ bờ biển, biên giới và cơ quan. Cán bộ công an tỉnh, huyện được đưa xuống cơ sở xây

dựng các Ban an ninh xã, phường, thôn, khu phố. Ngành Quân sự và Công an tỉnh thực sự là cánh tay đắc lực của Đảng bộ, lập được nhiều thành tích to lớn, góp phần xây dựng và bảo vệ tỉnh nhà trong những năm đầu mới giải phóng.

Sau giải phóng, Ban Thường vụ Khu ủy Khu 6 chỉ định Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Ninh Thuận gồm 15 đồng chí¹, do đồng chí Trần Đệ (Ba Công) Khu ủy viên khu VI làm Bí thư, đồng chí Phan Việt Sơn (Năm Tính) làm Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh. Ngày 12-7-1975, Tỉnh ủy ra quyết định thành lập Ban Chấp hành Đảng bộ các huyện An Phước, Ninh Hải, Ninh Sơn, Bác Ái và thị xã Phan Rang-Tháp Chàm. Ban Chấp hành Đảng bộ các cấp nhanh chóng đi vào hoạt động, ổn định tổ chức và đội ngũ đảng viên; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các mặt công tác của địa phương. Đến tháng 8-1975, Đảng bộ Ninh Thuận có 105 chi bộ cơ sở với 1.790 đảng viên, trong đó có 31 chi bộ xã phường, 8 chi bộ thôn, 35 chi bộ cơ quan dân đảng tỉnh và huyện, 31 chi bộ các cơ quan chính quyền và lực lượng vũ trang.

Nhằm quán triệt đường lối, chủ trương, chính sách

1. Trần Đệ, Phan Việt Sơn, Nguyễn Đình Tấn, Nguyễn Đức Thành, Chamaléa Chấn, Nguyễn Văn Trách, Nguyễn Kim Thanh, Nguyễn Văn Bửu, Trần Hữu Phương, Nguyễn Ninh, Ô Rai Tiêu, Phạm Thân, Trần Minh, Nguyễn Văn Diểu, Trần Dương.

của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, toàn Đảng bộ đã triển khai sâu rộng việc học tập, nghiên cứu các Nghị quyết của Khu ủy 6, Nghị quyết của Trung ương Cục miền Nam và Nghị quyết 24 của Ban Chấp hành Trung ương khóa III đến tận cơ sở. Qua học tập, cán bộ, đảng viên được củng cố nâng cao quan điểm, lập trường cách mạng, nhất là chuyển biến nhận thức tư tưởng theo giai đoạn cách mạng mới, nâng cao ý chí chiến đấu. Hầu hết cán bộ, đảng viên đều nhiệt tình công tác, bám dân, bám địa bàn, hoạt động có hiệu quả, gây được ấn tượng tốt trong nhân dân.

Thời gian này, bên cạnh niềm vui quê hương, đất nước được giải phóng trọn vẹn, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Ninh Thuận lại được vinh dự đón tiếp các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước như: đồng chí Lê Duẩn-Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng; đồng chí Trường Chinh-Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội; đồng chí Phạm Văn Đồng-Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ... về thăm và chỉ đạo công tác. Đây là sự cổ vũ, nguồn động viên to lớn thôi thúc quân dân Ninh Thuận vượt qua gian khó, hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của tỉnh.

Ngày 20-9-1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 245-NQ/TW bỏ khu, hợp tỉnh. Theo chủ trương này, Khu 6 (gồm 4 tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận,

Lâm Đồng, Tuyên Đức) giải thể và thành lập tỉnh Thuận Lâm. Sau đó, thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị về việc điều chỉnh hợp nhất một số tỉnh từ Khu 6 trở vào, các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Tuy được sáp nhập thành tỉnh Thuận Hải¹. Ngày 6-1-1976, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ra Quyết định số 05-NQ.NS.TW “về nhân sự Ban Chấp hành lâm thời tỉnh Đảng bộ Thuận Hải” gồm 31 đồng chí², chỉ định Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 9 đồng chí do đồng chí Lê Văn Hiến làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Trần Độ làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy. Tháng 2-1976, tỉnh Thuận Hải chính thức đi vào hoạt động, tỉnh lỵ đặt tại thị xã Phan Rang-Tháp Chàm³.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, từ ngày 10 đến ngày 18-11-1976, Đảng bộ tỉnh Thuận Hải tổ chức Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ II (vòng 1), Đại hội đã nghiên cứu đề cương Báo cáo chính trị của Trung ương Đảng, dự thảo Điều lệ Đảng (sửa đổi) và bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV. Từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV đã được tổ chức trọng thể tại Hà Nội. Trên cơ sở phân tích đặc điểm tình hình, Đại hội đã

1. Theo Thông tri số 03/TT/TV ngày 24-12-1975 của Khu ủy Nam Trung Bộ.

2. Xem phần Phụ lục.

3. Tháng 6-1977, tỉnh lỵ chuyển vào thị xã Phan Thiết.

đề ra đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta là: “Năm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học-kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xóa bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội”¹.

Tỉnh ủy đã tổ chức triển khai học tập quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV cho đông đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, tạo nên một cuộc sinh hoạt chính trị rộng lớn, có tác động mạnh mẽ đến đời sống chính trị, tư tưởng và kinh tế xã hội của tỉnh nhà.

Sau gần 2 năm hàn gắn vết thương chiến tranh, ổn

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t. 37, tr. 523-524.

định và xây dựng cuộc sống mới, Đảng bộ và nhân dân Ninh Thuận đã vượt qua nhiều khó khăn phức tạp, đạt được những thắng lợi quan trọng bước đầu, tạo nên những biến đổi sâu sắc, tích cực trong các mặt đời sống xã hội:

- Đập tan tàn dư của ngụy quyền từ tỉnh đến cơ sở, nhanh chóng triển khai lực lượng chiếm lĩnh và làm chủ các địa bàn trọng yếu và chủ động kịp thời tấn công truy quét bọn tàn quân, bọn Fulro và các lực lượng phản cách mạng khác; ngăn chặn, phá tan và làm thất bại âm mưu của chúng. Nhờ đó tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội sớm đi vào ổn định.

Cùng với việc ổn định trật tự trị an, các cấp ủy Đảng tích cực phát động quần chúng tham gia vào phong trào cách mạng địa phương. Hoạt động của phong trào quần chúng diễn ra khá sôi nổi trên nhiều lĩnh vực từ thành thị đến nông thôn. Bước đầu tạo được niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa, củng cố ngày càng vững mạnh khối đoàn kết các dân tộc. Hệ thống chính quyền và các đoàn thể cách mạng từng bước phát huy vai trò, chức năng và tác dụng trong việc quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, tích cực góp phần thực hiện bầu cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân đạt thắng lợi.

- Tỉnh sớm giải quyết những vấn đề còn lại của cuộc

cách mạng dân tộc dân chủ, tiến hành có hiệu quả cuộc vận động thực hiện chính sách ruộng đất, xóa bỏ chế độ chiếm hữu ruộng đất của địa chủ, các hình thức bóc lột phong kiến, thực dân mới ở nông thôn, đem lại quyền làm chủ ruộng đất về tay nông dân lao động.

- Đảng bộ bước đầu phát huy được thế mạnh của các ngành nông nghiệp, ngư nghiệp, nghề rừng, tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, giải quyết cơ bản vấn đề lương thực thực phẩm cho địa phương; từng bước khôi phục và phát triển hoạt động các ngành Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp, Giao thông vận tải, Bưu điện... đạt một số kết quả quan trọng. Các ngành Tài chính, Ngân hàng, Thương nghiệp phục vụ kịp thời cho yêu cầu sản xuất đời sống, góp phần ổn định sinh hoạt bình thường cho nhân dân.

Bên cạnh việc vận động nhân dân đẩy mạnh sản xuất, công tác cứu đói, chữa bệnh cho đồng bào được tiến hành kịp thời. Hàng vạn nhân dân trong thị xã, thị trấn được vận động hồi cư hoặc đi lập nghiệp ở các vùng kinh tế mới. Hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế diễn ra khá sôi động từ tỉnh đến huyện xã, đã giải quyết một phần các tệ nạn xã hội. Nhờ đó, quần chúng nhân dân ngày càng gắn bó với Đảng, càng tin yêu chế độ mới.

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng đáp ứng

kịp thời nhiệm vụ của địa phương trong giai đoạn cách mạng mới. Từng bước củng cố, xây dựng hình thành bộ máy của tỉnh, huyện, xã, phường. Đội ngũ cán bộ, Đảng viên trưởng thành hơn trước, đại đa số thể hiện tinh thần tích cực, tận tụy, giữ vững phẩm chất và truyền thống, hăng hái thực hiện nhiệm vụ mới.

Đó là thành quả cách mạng của Đảng bộ và nhân dân Ninh Thuận dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Ban Chấp hành Trung ương, Trung ương Cục miền Nam và Ban Chấp hành Khu ủy Khu 6; sự nỗ lực của Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh. Tuy nhiên, so với yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ và phong trào cách mạng của quần chúng vẫn còn một số hạn chế nhất định, đó là:

- Hoạt động ở các ngành, các vùng trong tỉnh phát triển không đều, chưa cân đối và đồng bộ. Một số ngành kinh tế nông- công nghiệp chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch. Các ngành lưu thông phân phối chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất và đời sống. Sự nghiệp y tế, văn hóa, giáo dục có phát triển về số lượng nhưng chất lượng còn hạn chế.

Từ cuối năm 1975, ta đưa hàng loạt đồng bào các xã miền núi xuống vùng thấp trong lúc chưa quy hoạch các vùng định canh định cư, chưa có cán bộ chuyên môn nông, lâm nghiệp để hướng dẫn cách sản xuất,

sinh sống ở vùng đồng bằng nên nhân dân gặp nhiều
lúng túng, khó khăn, chính quyền các cấp phải tập
trung lo cứu đói, chữa bệnh cho nhân dân.

- Phong trào quần chúng có chuyển biến vươn lên
nhưng chưa mạnh, có bề rộng nhưng thiếu bề sâu, chưa
liên tục và đồng đều giữa các địa phương. Đời sống các
tầng lớp nhân dân nhìn chung còn nhiều khó khăn,
nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc, vùng căn cứ
kháng chiến cũ, vùng kinh tế mới và vùng hồi cư.
Quần chúng tuy đã qua nhiều đợt giáo dục phát động
nhưng ở một bộ phận, ý thức cách mạng chưa cao, quyền
làm chủ tập thể chưa được phát huy.

- Sự điều hành của chính quyền các cấp có tiến bộ
trên một số lĩnh vực, nhưng chưa đáp ứng đầy đủ cho
yêu cầu nhiệm vụ. Bộ máy chính quyền, đoàn thể được
xây dựng từ tỉnh đến cơ sở nhưng chưa thực sự vững
mạnh. Một số cán bộ, đảng viên có những biểu hiện
tiêu cực như quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham ô,
lãng phí... gây phiền hà cho nhân dân.

Tuy còn một số khó khăn, khuyết điểm, nhưng trong
2 năm 1975-1976, tỉnh đã đạt nhiều thành tựu quan trọng,
mở ra những khả năng và nhân tố mới để Đảng bộ
tiếp tục tiến lên hoàn thành nhiệm vụ.



Thủ tướng Phạm Văn Đồng thăm cán bộ và nhân dân
Ninh Thuận ngay sau ngày giải phóng

Chương II

ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, TIẾP TỤC KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (1977-1985)

I. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IV CỦA ĐẢNG VÀ CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ I, II (1977-1982)

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thuận Hải lần thứ I¹ (vòng 2) được tiến hành từ ngày 27-2 đến ngày 7-3-1977 tại thị xã Phan Rang-Tháp Chàm. Đại hội diễn ra trong không khí vui mừng, phấn khởi của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh trước sự thành công của Đại hội

1. Từ năm 1976, các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Tuy được hợp nhất thành tỉnh Thuận Hải. Đến 1992, tỉnh Ninh Thuận được tái lập. Đại hội này tính là Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận lần thứ IV.



Cắt băng khánh thành đường sắt ga Tháp Chàm
sau ngày Ninh Thuận được giải phóng 16-4-1975

đại biểu toàn quốc lần thứ IV và những kết quả bước đầu đạt được trên các lĩnh vực chính trị-kinh tế-xã hội của tỉnh. Nhận định tình hình, nhiệm vụ trong thời gian qua, Đại hội đánh giá: “Từ sau giải phóng, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Đảng bộ ta vừa khẩn trương lãnh đạo xây dựng và củng cố nền chuyên chính vô sản để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, góp phần thực hiện thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, vừa tập trung sức lực khắc phục hậu quả chiến tranh, tiến hành từng bước công cuộc cải tạo xã hội cũ xây dựng xã hội mới”.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV và căn cứ vào tình hình địa phương, Đại hội đề ra phương hướng nhiệm vụ chung của tỉnh trong 2 năm (1977-1978) là: “Động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tăng cường đoàn kết nhất trí, nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, tinh thần tự lực, tự cường, chủ động và sáng tạo, ra sức thiết lập và tăng cường chuyên chính vô sản, thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng, kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng với cải tạo, nhanh chóng khắc phục nhược điểm và khó khăn, phát huy mọi thuận lợi, tận dụng mọi khả năng vốn có của địa phương, đặc biệt coi trọng phát huy các ưu thế của nghề nông, nghề biển, nghề rừng và khả năng lao động trong tỉnh, tập trung mọi nỗ lực nhằm thực hiện hai mục tiêu vừa cơ bản vừa cấp

bách là cải thiện cơ bản một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân và xây dựng một bước cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Đồng thời không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, tăng cường an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội”.

Đại hội đề ra những nhiệm vụ cụ thể: Tập trung mọi nỗ lực, ra sức đẩy mạnh khôi phục và phát triển kinh tế và văn hóa. Hoàn thành một bước cơ bản về cải tạo quan hệ xã hội cũ, xây dựng quan hệ xã hội mới. Ra sức thiết lập và không ngừng tăng cường chuyên chính vô sản vững mạnh, thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Ra sức tăng cường công tác xây dựng Đảng.

Đại hội thống nhất xác định các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 1978: toàn tỉnh Thuận Hải đạt 300.000 tấn lương thực; 165.000 ha gieo trồng; 20.000 ha bông vải; 40.000 ha khai hoang; vận động 100.000 dân các thị xã, thị trấn và vùng biển đi xây dựng vùng kinh tế mới và nông trường quốc doanh. Vận động định canh định cư 8.000 dân, khai thác 60.000 m³ gỗ tròn; trồng 15.000 ha rừng; đánh bắt 120.000 tấn cá; chế biến 25 triệu lít nước mắm, thu mua 65.000 tấn lương thực. Thanh toán mù chữ cho những người trong độ tuổi, xây dựng mạng lưới điện thoại xuống các huyện thị và 1/3 số xã, xây dựng 100% số xã có trạm y tế; đưa 60% lao động nông ngư

nghiệp, thợ thủ công vào các tổ đội sản xuất hợp tác.

Đại hội bầu Ban Chấp hành mới gồm 38 đồng chí (4 đồng chí dự khuyết). Ban thường vụ Tỉnh ủy có 10 đồng chí, Ban Chấp hành bầu đồng chí Lê Văn Hiến - Ủy viên Trung ương Đảng làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Trần Độ làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Trần Ngọc Trác làm Phó Bí thư Tỉnh ủy - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, thực hiện Quyết định số 124/CP ngày 27-4-1977 của Hội đồng Chính phủ, các huyện, thị thuộc tỉnh Ninh Thuận cũ có sự thay đổi về mặt hành chính: hợp nhất huyện An Phước, huyện Ninh Sơn, huyện Bác Ái, thị trấn Tháp Chàm thành huyện An Sơn. Hợp nhất huyện Ninh Hải, thị trấn Phan Rang¹ và 4 xã (An Hải, Phước Hải, Phước Diêm, Phước Dinh) của huyện An Phước thành huyện Ninh Hải. Như vậy, từ thời gian này tỉnh Ninh Thuận cũ bao gồm 2 huyện là An Sơn và Ninh Hải.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thuận Hải lần thứ I, ở hai huyện phía bắc tỉnh, nền kinh tế đang đi dần vào thế ổn định, một số lĩnh vực có chiều hướng phát triển; có thế mạnh về sản xuất nông-lâm-

1. Gồm 6 phường: Đạo Long, Phủ Hà, Mỹ Hương, Thanh Sơn, Kinh Dinh và Tấn Tài.

ngư nghiệp; có 3 vùng kinh tế đồng bằng, ven biển, miền núi; thích hợp cho việc trồng các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như nho, mía, bông vải, thuốc lá... và chăn nuôi bò đàn, dê cừu...; có thủy điện Đa Nhim và thủy lợi Nha Trinh-Lâm Cẩm... tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, xã hội.

Trong sản xuất nông nghiệp, công tác thủy lợi được Đảng bộ xác định là giải pháp hàng đầu để thâm canh tăng vụ, mở rộng diện tích gieo trồng, nên Đảng bộ chỉ đạo cho chính quyền các cấp giành một phần kinh phí và huy động mọi nguồn lực trong dân cho công tác này. Với tinh thần hăng hái, thi đua lao động nhân dân đã tham gia hàng ngàn công lao động, đóng góp hàng chục ngàn ngày công để xây dựng, củng cố các hệ thống tưới tiêu, kênh mương nội đồng. Không khí lao động sôi nổi, khẩn trương khắp nơi trong tỉnh. Trên địa bàn huyện An Sơn và Ninh Hải đã tập trung hoàn thành công trình thủy lợi Sông Pha, kênh tiêu lũ Sông Lu 1, xây mới trạm bơm Ba Tháp, tu bổ nạo vét hệ thống thủy lợi Nha Trinh-Lâm Cẩm... Ngoài ra, tỉnh còn phát động phong trào "sản xuất giỏi, năng suất cao", vận động nhân dân đi khai hoang phục hóa, mở rộng diện tích các cây màu và lương thực như: cao lương, bắp, khoai lang, mì...; thực hiện tốt việc trao đổi hai chiều giữa Nhà nước với nhân dân, với các hợp tác xã. Nhờ vậy, mặc dù những năm 1977-1978, thời tiết diễn biến không thuận, nắng hạn kéo dài, sâu rầy nghiêm trọng,

số diện tích gieo trồng ở huyện An Sơn và Ninh Hải vẫn tăng 7.769 ha so với năm 1976, đạt bình quân 42.500 ha; lương thực thu hoạch được 85.559 tấn tăng 11.770 tấn so với năm 1976, giải quyết cơ bản nhu cầu lương thực của địa phương. Để phát triển cây bông, tỉnh bước đầu xây dựng thí điểm một số nông trường trồng bông như nông trường 16/4, Quán Thử (An Sơn), Thành Sơn (Ninh Hải). Các cây trồng như hành, tỏi, mía, thuốc lá đều tăng so với trước. Đáng chú ý là trong chăn nuôi đàn trâu, bò, heo tăng hơn 10.000 con, đáp ứng một phần nhu cầu về thực phẩm, tăng sức kéo, bổ sung nguồn phân bón cho đồng ruộng, tăng năng suất cây trồng.

Đối với vùng rừng núi, Đảng bộ chỉ đạo ngành lâm nghiệp tăng cường công tác bảo vệ rừng, phát động phong trào trồng cây gây rừng trong nhân dân. Công tác kiểm lâm nhân dân được triển khai khá tốt. Bước đầu nhân dân đã có ý thức trong việc bảo vệ và trồng rừng, biết khai thác lâm sản hợp lý.

Ngành hải sản tổ chức học tập, đăng ký hợp đồng kinh tế hai chiều giữa ngư dân và Nhà nước, theo nguyên tắc pháp lý giao kết trách nhiệm giữa việc thực hiện sản xuất đánh bắt và thu mua phân phối hải sản. Nhờ đó tạo được sự an tâm, phấn khởi của ngư dân đối với lao động nghề biển. Sản lượng đánh bắt hải sản trên địa bàn Ninh Thuận tăng hơn trước, với gần 1.000 thuyền lớn nhỏ bình quân hàng năm đạt 10.000 tấn hải sản,

Nhà nước thu mua 5.000 tấn. Sản lượng đánh bắt tăng đã thúc đẩy một số nghề chế biến hải sản phát triển như: chế biến cá khô, chế biến nước mắm (khoảng 2 triệu lít/năm)... Nghề sản xuất muối cũng được nhân dân ở huyện Ninh Hải mở rộng sản xuất, hàng năm sản lượng đạt khoảng 30.000 tấn, chủ yếu tiêu thụ trong nước và giành một phần cho xuất khẩu.

Về công nghiệp, tỉnh khôi phục hoạt động của nhà máy toa xe lửa Tháp Chàm, nhà máy Điện Tháp Chàm, nhà máy đường Tháp Chàm, nhà máy cơ khí sửa chữa Phan Rang, nhà máy nước Phan Rang... Đồng thời đầu tư xây dựng nhà máy xi măng Phương Hải (Ninh Hải), nhà máy gạch Đạo Long, nhà máy chế biến gỗ và nhà máy xay xát lương thực Phan Rang. Khuyến khích các cơ sở tiểu thủ công nghiệp tư nhân khôi phục lại sản xuất. Năm 1978, toàn ngành sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu đạt giá trị 3.850.000 đồng. Riêng về muối công nghiệp, Cà Ná được đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, đảm bảo sản xuất muối đạt số lượng và chất lượng. Ngành Xây dựng được củng cố phát triển đáp ứng một phần nhu cầu sản xuất vật liệu, thi công xây lắp công trình ở địa phương.

Để tiếp tục cải tạo quan hệ sản xuất trong nông nghiệp, tỉnh tiến hành điều chỉnh ruộng đất giữa các hộ nông dân, giữa các xã liền kề. Củng cố, xây dựng các tổ đoàn kết sản xuất, tổ hợp tác lao động nông

nghiệp, xây dựng thí điểm một số hợp tác xã rồi nhân ra diện rộng. Nông dân lao động có ruộng rất phấn khởi, tự nguyện tham gia vào các hợp tác xã, các tổ hợp tác lao động nông nghiệp. Đến tháng 8-1979, trên địa bàn Ninh Thuận đã xây dựng 68 hợp tác xã, 31 tổ đội sản xuất, 9 tổ đội máy kéo. Qua củng cố xây dựng, nhiều hợp tác xã bước đầu làm ăn có hiệu quả, trình độ cán bộ nông nghiệp được nâng cao hơn, cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường, đời sống của xã viên ngày càng tốt hơn.

Cùng với việc cải tạo ruộng đất ở nông thôn, Đảng bộ đã tiến hành cải tạo quan hệ sản xuất vùng biển, xóa bỏ hoàn toàn các hình thức bóc lột nặng nề của đầu nậu, chủ vừa, giải phóng cho ngư dân và tạo điều kiện thúc đẩy nghề biển phát triển. Hầu hết ngư dân được đưa vào làm ăn tập thể. Đến năm 1978 đã xây dựng thí điểm một số hợp tác xã nghề cá ở Đông Hải, Vĩnh Hy... với quy mô hàng chục thuyền và hàng trăm lao động tham gia. Có kế hoạch sản xuất hàng năm, có ký kết hợp đồng hai chiều giữa các hợp tác xã và công ty hải sản.

Cụ thể hóa Nghị quyết số 254-NQ/TW ngày 15-7-1976 của Bộ Chính trị về những công tác trước mắt ở miền Nam, trong đó nêu rõ phương hướng và nội dung tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh, Đại hội Đảng bộ tỉnh Thuận

Hải lần thứ nhất chỉ rõ: "...đồng thời phát triển kinh tế văn hóa, phải tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, đi đôi với tăng cường xây dựng lực lượng các thành phần kinh tế quốc dân...". Đến cuối năm 1978, trên địa bàn Ninh Thuận đã thực hiện cải tạo trên 130 cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, giao thông vận tải... với hơn 2.440 chủ và thợ, xây dựng hình thành các đơn vị hợp tác sản xuất, công tư hợp doanh đi vào hoạt động phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân¹. Thu hồi trên 100 căn nhà thuộc diện đối tượng cải tạo, vượt biên giao cho các cơ quan nhà nước quản lý sử dụng và cho nhân dân thuê. Đi đôi với cải tạo tư thương, các địa phương tích cực vận động, tổ chức thành lập được 30 hợp tác xã mua bán gồm 77.368 cổ phần, 2.912.000 đồng tiền vốn. Mậu dịch quốc doanh có 11 đơn vị kinh doanh tổng hợp và 35 điểm mua bán hàng ở vùng sâu, vùng xa.

Ngành Lương thực thu mua và phân phối lương thực theo nhu cầu, ngành Tài chính thu các thứ thuế bảo đảm cho chi tiêu, ngành Ngân hàng huy động vốn cho sản xuất và thu mua ngày càng tăng. Tháng 5-1978, thực hiện đổi tiền Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, lưu hành tiền Ngân hàng Nhà

1. Riêng Phan Rang-Tháp Chàm có: 250 xe khách, xe tải, xe ben và trên 70 máy xay xát đi vào xây dựng hợp tác xã và quốc doanh.

nước Việt Nam thống nhất cả nước đạt yêu cầu đề ra.

Ngành Bưu điện từng bước mở rộng hệ thống thông tin bưu chính xuống xã, phường. Hầu hết các cơ quan, đơn vị của Trung ương, tỉnh, huyện đóng trên địa bàn đều có điện thoại. Công tác phát hành tài liệu, báo chí, thư từ ngày càng tiến bộ, doanh thu mỗi năm được 160.000 đồng, đạt kế hoạch trên giao.

Lĩnh vực văn hóa xã hội có nhiều chuyển biến tiến bộ. Những năm 1977-1978, tỉnh chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nhiều cán bộ, giáo viên cũng như đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành giáo dục, văn hóa, y tế, thể dục thể thao theo phương hướng: đẩy mạnh cải cách giáo dục gắn với xây dựng nhằm tạo ra những con người mới "vừa hồng, vừa chuyên", có đủ tri thức và sức khỏe để phục vụ tốt cho xã hội. Tiếp tục xóa bỏ những tàn dư độc hại của văn hóa cũ, xây dựng nền văn hóa mới, cuộc sống mới xã hội chủ nghĩa. Tăng cường công tác chăm sóc, chữa bệnh cho nhân dân.

Ngành Giáo dục - đào tạo trong năm học 1978-1979 có 56.681 học sinh phổ thông theo học các cấp¹ và 7.681 cháu mẫu giáo. Bộ túc văn hóa có 147 lớp với 3.431 học viên cấp một; 689 học viên cấp hai và ba. Chất lượng dạy và học có tiến bộ, tỷ lệ lên lớp và thi tốt nghiệp

1. Từ cấp một đến cấp ba.

đạt cao hơn trước. Tính đến cuối năm 1977, toàn tỉnh đã căn bản hoàn thành công tác xóa mù chữ. Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của giáo dục, tỉnh đầu tư xây dựng củng cố các trường dân tộc: trường Pô Kô Lông ở Phan Rang, trường Dân tộc nội trú Ninh Sơn để giáo dục đào tạo con em dân tộc Chăm - Raglai; mở trường Sư phạm để đào tạo giáo viên cấp I, II; khôi phục trường Trung học nông nghiệp để đào tạo cán bộ nông nghiệp và cán bộ quản lý Hợp tác xã. Mở trường bổ túc văn hóa cho cán bộ xã, huyện, tỉnh và biên soạn sách chữ Chăm, dạy một số tiết song ngữ Việt-Chăm cho học sinh trường cấp I vùng đồng bào Chăm...

Ngành Văn hóa-Thông tin kịp thời chuyển tải những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phối hợp với các cơ quan tổ chức các ngày kỷ niệm để giáo dục truyền thống, động viên cán bộ, chiến sĩ và nhân dân thực hiện những nhiệm vụ mà Đảng bộ tỉnh đề ra, nhất là nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất lương thực thực phẩm, củng cố xây dựng hợp tác xã, cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, huy động nghĩa vụ lương thực, nghĩa vụ quân sự, đấu tranh chống các tư tưởng tiêu cực. Đồng thời xây dựng các tổ đội văn nghệ, đội tuyên truyền lưu động, trạm truyền thanh, phòng đọc sách báo; vận động nhân dân truy quét văn hóa phẩm đồi trụy, góp phần làm chuyển biến tình hình văn hóa thông tin cơ sở. Đặc biệt những ngày đầu tháng 5-1979 các huyện trong tỉnh tổ chức rước đuốc Bác Hồ, kỷ

niệm sinh nhật lần thứ 90 của Bác nhằm giáo dục, động viên cán bộ, chiến sĩ và nhân dân thực hiện khẩu hiệu "Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại".

Ngành Y tế tích cực thực hiện công tác củng cố xây dựng bệnh viện tỉnh và huyện, trạm y tế các xã, các đội vệ sinh phòng dịch, đội chống sốt rét. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Riêng huyện An Sơn đã khám 286.735 lượt người, chữa bệnh 49.524 người, tiêm phòng 642.430 người. Chủ động phát hiện và bao vây dập tắt được các ổ dịch, hạn chế tử vong đến mức thấp nhất. Vận động xây dựng hàng chục ngàn hố xí, 4.549 giếng nước và tham gia chống lụt bão. Hội Chữ thập đỏ được tổ chức tận cơ sở thu hút hàng nghìn hội viên làm công tác nhân đạo gây ảnh hưởng tốt trong nhân dân. Mở trường đào tạo y tá, hộ lý tại Phan Rang, đào tạo hàng trăm nhân viên y tế.

Ngành Lao động - Thương binh và Xã hội giải quyết được 2.056 lao động có việc làm trong các cơ quan, xí nghiệp và nông trường; tuyển sinh đào tạo nghề cho 180 người. Hoàn thành điều tra xác minh được 1.726 hồ sơ liệt sĩ, làm lễ công nhận và giải quyết chế độ được 1.217 liệt sĩ, đưa 193 mộ liệt sĩ về nghĩa trang, cung cấp cho đồng bào dân tộc, vùng căn cứ trên 100 tấn muối, hơn 1 vạn bộ quần áo và mũ mền. Qua đó, làm cho cán bộ và nhân dân hiểu rõ hơn sự quan tâm của Đảng

và Nhà nước đối với những người có công cách mạng và đồng bào dân tộc ở vùng căn cứ.

Lợi dụng tình hình chiến tranh ở biên giới Tây Nam (1977-1978) và sự căng thẳng ở biên giới phía Bắc, bọn phản động tại chỗ ngóc đầu dậy chống phá. Trung ương chỉ đạo các địa phương, đơn vị phải tăng cường củng cố xây dựng các lực lượng vũ trang, phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Tỉnh đã chủ động phối hợp cùng nhiều lực lượng, vừa truy quét các lực lượng phản động bên ngoài, vừa trấn áp bên trong. Đi đôi với việc giáo dục giác ngộ quần chúng hiểu rõ sự đúng đắn của chính sách tôn giáo, dân tộc của Đảng, Nhà nước; ta còn vận động nhân dân đề cao cảnh giác, tham gia rộng rãi phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Kết quả xây dựng dân quân tự vệ đạt tỷ lệ 3% dân số; tuyển quân hàng năm đạt 80% chỉ tiêu; xây dựng bộ đội các huyện đạt yêu cầu. Bộ đội và công an phối hợp tổ chức nhiều đợt truy quét bọn nguy quân trốn cải tạo và bọn Fulro, tiêu diệt, làm bị thương và bắt sống nhiều tên, thu hàng trăm súng. Tập trung cải tạo 281 Fulro và 147 nguy quân, nguy quyền. Ngăn chặn bọn vượt biên, phần đông là nguy quân, nguy quyền không chịu cải tạo. Truy nã 191 vụ tội phạm hình sự, kiên quyết xử lý một số tên trước tòa án, thu hồi tài sản trị giá 121.600 đồng, làm cho quần chúng phấn khởi tin tưởng vào chế độ xã hội chủ nghĩa, yên tâm làm ăn và tham gia xây dựng quê hương.

Đối với công tác dân tộc ở vùng sâu, vùng xa, ngay từ sau giải phóng tỉnh đã có những chính sách hỗ trợ, giúp đỡ đồng bào sớm có cuộc sống ấm no, ổn định. Thực hiện chủ trương của tỉnh, huyện An Sơn đầu tư xây dựng các khu vực định canh định cư cho đồng bào ở Phước Hà, Ma Nối, Trà Co gồm 12.307 nhân khẩu. Lúc đầu có khó khăn, các cấp tìm cách khắc phục dần, đến năm 1978 đã cung cấp một số giống lúa, khoai, bắp, phân thuốc hóa học, trâu bò kéo và công cụ sản xuất... giúp nhân dân cơ bản ổn định được ăn ở, sản xuất, an ninh, trật tự. Nhân dân mở rộng diện tích canh tác gần 3.100 ha, thu hoạch trên 3.200 tấn lương thực, đạt bình quân mỗi người 260 kg/năm. Đi đôi với trồng trọt, nhân dân nhận trồng rừng, bảo vệ rừng và khai thác lâm sản phụ; đàn gia súc gia cầm, đàn trâu, bò, heo... tăng nhanh hơn trước góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho đồng bào. Phần lớn các xã đều có trường học, trạm xá, trụ sở, đường xe ô tô, hàng hóa đã bớt phần khan hiếm, số nhà ở khang trang được xây dựng ngày càng nhiều. Một số gia đình có xe đạp, xe bò, radio, máy may, máy xay xát lương thực nhỏ. Con em của đồng bào vào học các trường Bổ túc văn hóa nội trú ở huyện, tỉnh được Nhà nước cấp sinh hoạt phí.

Bên cạnh việc chăm lo đời sống vật chất cho đồng bào, tỉnh rất chú trọng đến việc giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa lâu đời của đồng bào. Các phong tục tập quán, văn hóa tốt đẹp lâu đời của đồng bào

Raglai ở huyện An Sơn như thờ cúng tổ tiên, sinh hoạt lễ hội truyền thống... được cấp ủy và chính quyền địa phương tạo điều kiện, khuyến khích phát triển, đồng thời giáo dục, động viên bà con bỏ bớt những tập tục lạc hậu có hại, xây dựng đời sống mới tiến bộ, văn minh.

Công tác phát động quần chúng và xây dựng các đoàn thể được tiến hành nhiều đợt, nhất là đợt học Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV và các Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và Đảng bộ huyện. Mặt trận, hội, đoàn thể đều xây dựng chương trình kế hoạch cụ thể nhằm đẩy mạnh các mặt công tác của mình.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp tích cực hoạt động thực hiện đường lối, chính sách và nhiệm vụ công tác của Đảng và Nhà nước. Trong 3 năm (1977-1979) đã tổ chức 7 cuộc hội nghị, tọa đàm về các vấn đề dân tộc, tôn giáo thu hút trên 750 người tham dự để quán triệt chính sách Mặt trận, chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Trong thời gian này, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc từ huyện đến xã chính thức được thành lập. Mặt trận các cấp phối hợp với ban, ngành có liên quan tổ chức cho các tầng lớp nhân dân học tập quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương, tỉnh và huyện. Trên cơ sở đó tích cực tuyên truyền vận động nhân dân tham gia mạnh mẽ

vào các phong trào cách mạng tại địa phương. Hội Phụ nữ có phong trào "Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc", đội ngũ của hội có 23.513 hội viên, tăng hơn năm 1976 là 4.250 hội viên, đã mở 2 lớp huấn luyện 180 cán bộ cơ sở học tập. Đoàn Thanh niên mở nhiều lớp cảm tình đoàn cho 3.370 đối tượng, kết nạp được 886 đoàn viên mới, nâng tổng số đoàn viên trong tỉnh lên 4.442 đồng chí, tăng hơn 1978 là 737 đoàn viên, đã giới thiệu 83 đoàn viên ưu tú cho Đảng xem xét kết nạp. Hội nông dân thực hiện chỉ thị của Trung ương và của Tỉnh ủy, xây dựng Hội Liên hiệp nông dân tập thể và Ban Chấp hành hội từ huyện xuống 25 xã, kết nạp được 10.417 hội viên tham gia sinh hoạt trong các chi hội ở hợp tác xã và tập đoàn sản xuất. Công đoàn kết nạp thêm 426 đoàn viên mới, nâng tổng số đoàn viên toàn tỉnh lên 7.121 người tham gia sinh hoạt và công tác trong 44 tổ chức công đoàn cơ sở. Ban Chấp hành Công đoàn huyện mở 4 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho 311 cán bộ công đoàn từ tổ trưởng trở lên, giới thiệu 46 đoàn viên ưu tú để Đảng bồi dưỡng kết nạp đảng viên. Hoạt động của Mặt trận, hội, đoàn thể đã tạo điều kiện thúc đẩy phong trào cách mạng của quần chúng, khuyến khích phát triển những nhân tố mới, điển hình mới.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền các cấp có bước trưởng thành rõ nét. Giai đoạn từ 1978-1979, tình hình phức tạp ở biên giới phía Bắc và phía Tây Nam, thiên tai gây hại ở một số nơi... làm cho tình hình kinh

tế xã hội có nhiều khó khăn, đòi hỏi công tác chính trị tư tưởng phải được tăng cường một cách thường xuyên, liên tục. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp với các cấp, các ngành tổ chức triển khai, tuyên truyền sâu rộng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến các tầng lớp nhân dân trong tỉnh. Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn 3-2, 19-5, 2-9 nhằm ôn lại truyền thống cách mạng, động viên mọi tầng lớp nhân dân nỗ lực hoàn thành tốt chỉ tiêu, kế hoạch mà Đảng bộ đề ra. Đã có 95% đảng viên và 65% cốt cán, đoàn viên, hội viên các đoàn thể tham dự những buổi sinh hoạt học tập về tình hình nhiệm vụ mới. Qua đó, nâng cao ý thức cảnh giác, tinh thần cách mạng cho nhân dân, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong nội bộ Đảng và nhân dân.

Đội ngũ đảng viên ngày càng tăng hơn về số lượng và chất lượng, hạn chế một số hiện tượng tiêu cực của đảng viên, mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng ngày càng củng cố. Đội ngũ cán bộ được bồi dưỡng cả về chính trị và nghiệp vụ. Bộ máy chính quyền qua những đợt củng cố nâng được hiệu lực quản lý. Ủy ban kiểm tra các huyện, xã phối hợp với các ban ngành có liên quan tiến hành công tác kiểm tra, xác minh, xử lý các vụ việc đảng viên vi phạm kỷ luật.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thuận Hải lần thứ II họp từ ngày 16 đến ngày 23-10-1979 tại thị xã Phan

Thiết. Đại hội đã nhất trí khẳng định: Hơn hai năm thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất trong tình hình cả nước và trong tỉnh có nhiều khó khăn phức tạp. Nhưng với đường lối, chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, Đảng bộ đã nắm vững nguyên tắc chuyên chính vô sản, phát huy năng lực và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tinh thần cách mạng tiến công, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ý chí tự lực tự cường, cố gắng phấn đấu vượt qua mọi khó khăn thử thách đạt được nhiều thành tích, tạo sự chuyển biến sâu sắc và toàn diện về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh. Tỉnh đã xác định và từng bước phát huy các thế mạnh của nền kinh tế địa phương, bước đầu hình thành cơ cấu nông-công nghiệp, tiến hành cải tạo và đẩy mạnh sản xuất, đạt thành tích khá trong khai hoang phục hóa, tăng được sản lượng lương thực, tăng nguồn nguyên liệu cho công nghiệp. Bảo đảm được phần lớn chỉ tiêu thực phẩm cho địa phương và làm nghĩa vụ đối với Trung ương. Công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa về nông nghiệp và công thương nghiệp tư doanh cơ bản hoàn thành, cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng thêm. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội phát triển hơn trước. Công tác quốc phòng an ninh được củng cố. Công tác xây dựng, kiện toàn tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể tăng cả về số lượng, chất lượng, từng bước phát huy hiệu lực hơn.

Đại hội khẳng định, những thắng lợi đạt được vừa qua là to lớn, cơ bản và toàn diện. Tuy nhiên so với nhiệm vụ, mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất (1977 - 1978) đề ra và so với tiềm năng vốn có thì thắng lợi đạt được còn thấp, sự tiến bộ không đều, sản xuất các mặt phát triển chậm, năng suất lao động chưa cao, thu nhập quốc doanh thấp, lương thực chưa đủ ăn, nguyên liệu cho công nghiệp và hàng xuất khẩu đạt thấp, chăn nuôi tăng chậm...

Đại hội đề ra phương hướng nhiệm vụ trong hai năm (1980 - 1981) với 6 nhiệm vụ cụ thể là:

- Đẩy mạnh sản xuất toàn diện, trước hết tập trung cao độ đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp nhằm giải quyết vững chắc vấn đề lương thực và thực phẩm, bảo đảm đủ ăn và có dự trữ. Đồng thời, phát huy thế mạnh của địa phương về cây công nghiệp và các cây đặc sản bảo đảm nguyên liệu phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, tăng nhanh hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

- Tập trung xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho các ngành kinh tế, văn hóa bảo đảm yêu cầu phục vụ sản xuất, đời sống trước mắt và sẵn sàng chiến đấu.

- Ra sức thu mua năm nguồn hàng, cải tiến công tác lưu thông phân phối nhằm phục vụ tốt cho sản xuất, bảo đảm đời sống của nhân dân nhất là ăn, mặc, ở, đi lại, học hành, vui chơi giải trí, chữa bệnh.

- Hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các ngành kinh tế, gắn liền với củng cố và hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất, coi trọng việc phát triển lực lượng sản xuất mới. Tích cực củng cố hợp tác xã trong nông nghiệp, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Tăng cường và cải tiến công tác quản lý trong các xí nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh.

- Tăng cường công tác trật tự, an ninh và quốc phòng, bảo đảm ổn định đời sống và phát triển sản xuất, xây dựng hậu phương vững mạnh, làm tốt công tác nghĩa vụ quân sự, công tác hậu phương quân đội và làm tốt nghĩa vụ quốc tế.

- Tăng cường củng cố xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng vững mạnh nhất là ở cơ sở. Nâng cao hiệu lực của hệ thống chuyên chính vô sản, phát huy năng lực và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 44 đồng chí (trong đó có 4 ủy viên dự khuyết), Ban Thường vụ Tỉnh ủy 13 đồng chí. Đồng chí Lê Văn Hiến - Ủy viên Trung ương Đảng được bầu lại làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Trần Đệ làm Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy; đồng chí Trần Ngọc Trác làm Phó Bí thư Tỉnh ủy-Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban

Chấp hành Trung ương khóa IV, Đảng bộ Thuận Hải xác định nhiệm vụ trong những năm trước mắt: Nông nghiệp, ngư nghiệp là nhiệm vụ hàng đầu. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp tiếp tục phấn đấu hoàn thành tốt các chính sách về ruộng đất nhằm tạo chuyển biến mới trên mặt trận nông nghiệp, góp phần giải quyết nạn thiếu lương thực, thực phẩm vẫn còn diễn ra. Các biện pháp cơ bản là tăng cường năng lực chỉ đạo, điều hành của tổ chức cơ sở Đảng, chính quyền; phát huy vai trò của các đoàn thể và quyền làm chủ của nhân dân; đưa cán bộ về nông thôn trực tiếp giải quyết những yếu kém còn tồn đọng trong công tác nông nghiệp. Bước đầu điều tra, phân vùng và quy hoạch sản xuất. Đến giữa năm 1980, cuộc vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến công tác quản lý nông nghiệp được đánh giá là cơ bản hoàn thành.

Ngày 22-10-1980, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Thông báo số 22 ghi nhận những ưu điểm của cơ chế khoán và cho phép các địa phương làm thử dưới hình thức khoán sản phẩm đối với cây lúa. Tháng 12-1980, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IV) quyết định mở rộng việc thực hiện các hình thức khoán sản phẩm trong nông nghiệp. Ngày 13-1-1981, Ban Bí thư ra Chỉ thị 100-CT/TW về "Cải tiến công tác khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp". Chỉ thị 100 của Ban Bí

thư đã tạo điều kiện cho người nông dân có quyền chủ động trong sản xuất nông nghiệp, thực sự gắn bó với ruộng đồng. Đặc biệt, Chỉ thị đã mở ra một giai đoạn mới của quá trình nhận thức và đổi mới về con đường phát triển của nông nghiệp nước ta, là mốc quan trọng đánh dấu sự chuyển đổi từ cơ chế tập trung quan liêu sang hạch toán tự chủ. Chỉ thị 100 cũng tạo điều kiện cho sản xuất nông nghiệp của tỉnh có bước phát triển mới.

Từ năm 1980 trở đi, sản lượng lương thực của tỉnh tăng khá nhanh, đáp ứng được nhu cầu tại địa phương và làm nghĩa vụ với Trung ương. Đến năm 1981 sản xuất nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện. Cơ cấu cây trồng, vật nuôi, quy trình kỹ thuật, thời vụ dần dần được xác định phù hợp với đất đai và thời tiết trên từng địa bàn. Diện tích tưới tiêu chủ động tăng 4.000 ha đã điều chỉnh phân bố lao động tập trung cho nông nghiệp trên 2,5 vạn người, khai hoang phục hóa đưa vào sản xuất 16.000 ha, xây dựng các khu kinh tế mới và định canh, định cư cho trên 10 vạn người (có 2 vạn đồng bào miền núi). Các biện pháp trên đã thúc đẩy nông nghiệp phát triển khá toàn diện. Diện tích gieo trồng tăng lên từ 117.000 ha năm 1976 lên 129.000 ha năm 1981. Năng suất lúa từ 19,4 tạ/ha năm 1977 lên 26,8 tạ/ha năm 1981, có 50 hợp tác xã đạt trên 8 tấn/ha/năm (trong đó có 20 hợp tác xã đạt từ 10-14 tấn/ha/năm). Sản lượng lương thực từ 211.000 tấn (năm 1977) tăng lên

246.000 tấn (năm 1982). Về chăn nuôi, đàn trâu phát triển từ 12.000 con (1976) lên 21.321 con (1982); đàn bò từ 53.000 con (1976) tăng lên 80.762 con (1982); đàn heo từ 59.000 con (1976) tăng lên 106.951 con (1982). Nghề cá đã đánh bắt gần 100.000 tấn hải sản, thu mua 10.000 tấn, chế biến trên 30 triệu lít mắm.

Ngành Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp phát triển tương đối nhanh, nhất là công nghiệp quốc doanh (cả công tư hợp doanh) đã nâng giá trị tổng sản lượng từ 12,6 triệu đồng năm 1976 lên 26,5 triệu đồng năm 1982, bình quân hàng năm tăng 13,32% đã căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa trong công nghiệp. Đối với cải tạo xã hội chủ nghĩa nông nghiệp, tính đến 1982 đã có trên 78,2% diện tích và 82% lao động đã được tập thể hóa, xây dựng được 6 nông trường quốc doanh, tập thể hóa 49,7% số thuyền, 66,7% số mã lực và 67,4% lao động nghề cá. Ngành Tiểu thủ công nghiệp tập thể hóa được 57%... đã xóa bỏ về cơ bản giai cấp tư sản, xóa bỏ các hình thức và phương tiện bóc lột, hầu hết tư liệu sản xuất của các ngành kinh tế chủ yếu chuyển thành sở hữu toàn dân và tập thể, đã giải phóng hàng vạn lao động làm thuê thành người làm chủ tập thể.

Ngành Giao thông vận tải đã sửa chữa và làm mới nhiều cầu đường, góp phần phục vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa được thông suốt. Ngành bưu điện xây dựng khá nhanh cơ sở vật chất, trang bị kỹ thuật,

mở rộng mạng lưới thông tin liên lạc bảo đảm phục vụ yêu cầu lãnh đạo của các cấp. Công tác lưu thông phân phối cũng có những tiến bộ. Mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa được mở rộng, thu mua hàng, thu chi tài chính khá hơn trước.

Trên mặt trận văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục-thể thao đạt được một số tiến bộ và thành tích quan trọng, góp phần vun đắp, bồi dưỡng những nhân tố mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Hầu hết các xã đều có trường phổ thông cơ sở, các huyện đều có trường phổ thông trung học, 4 người dân có 1 người đi học, chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên, đội tuyển tham gia học sinh giỏi đạt giải cao toàn quốc. Huyện An Sơn năm học 1980-1981, số học sinh cấp 1 lên lớp đạt 90%, cấp 2 đạt 73%; huyện Ninh Hải có hơn 1.000 em đạt danh hiệu tiên tiến và cháu ngoan Bác Hồ, được phần thưởng của Bộ Giáo dục - Đào tạo. Các huyện và một số xã đã có thư viện, một số huyện có nhà văn hóa, 100% xã, phường và nhiều đơn vị sản xuất có đội văn nghệ quần chúng. Đặc biệt, nhân kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890 - 19-5-1980), Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Thuận Hải phối hợp cùng Viện nghiên cứu âm nhạc Việt Nam, mở lễ hội chính thức công bố việc phát hiện Đàn đá ở Bác Ái. Buổi lễ dâng Đàn đá cho Đảng và Nhà nước thực sự là một ngày hội lớn đối với đồng bào Raglai vùng Bác Ái (An Sơn), những hoạt động múa hát mang

đậm nét văn hóa dân tộc, cùng sự biểu diễn Dân đá điêu luyện của các nghệ nhân đã để lại ấn tượng khó quên đối với người xem. Đồng bào dân tộc Raglai bày tỏ niềm xúc động lớn lao trước sự gìn giữ, tôn vinh của Đảng và Nhà nước đối với những sản phẩm văn hóa độc đáo của các dân tộc; tin tưởng hơn vào con đường cách mạng do Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn; nguyện đoàn kết, phấn đấu đưa Bác Ái vượt qua đói nghèo, lạc hậu, bắt kịp sự phát triển chung của tỉnh và cả nước.

Công tác củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được tăng cường. Các cấp ủy Đảng kết hợp tốt công tác chăm lo đời sống vùng đồng bào dân tộc với tiến công truy quét bọn Fulro đã giải quyết cơ bản lực lượng vũ trang Fulro ngoài rừng và đập tan các cơ sở và tổ chức của chúng trong thôn xóm; đấu tranh ngăn chặn ngày càng có hiệu quả bọn vượt biên trốn ra nước ngoài; kịp thời phá tan một số tổ chức phản động, kể cả bọn phản động đội lốt tôn giáo.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền đoàn thể cũng có bước trưởng thành; số lượng và chất lượng đảng viên được nâng lên, được bồi dưỡng cả về lý luận chính trị và chuyên môn nghiệp vụ nhất là kiến thức quản lý kinh tế xã hội.

Bộ máy chính quyền được củng cố từng bước và

nâng cao hiệu lực quản lý. Các đoàn thể được củng cố, phát triển, mặt trận đoàn kết được mở rộng. Phong trào cách mạng của quần chúng ngày càng có nhiều những nhân tố tiến bộ mới. Đầu năm 1980, chấp hành Chỉ thị số 33 và Quyết định 139 của Hội đồng Chính phủ, tỉnh đã xây dựng 15 ban chuyên môn huyện và 5 ban cấp xã, bắt đầu từ ngày 1-4-1980 các Ban đi vào hoạt động. Qua sắp xếp, đã đưa đi học bổ túc văn hóa 60 đồng chí, mở lớp bồi dưỡng chương trình lý luận cơ sở cho 399 đồng chí, nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn của cán bộ chủ chốt các ban ngành và địa phương.

Để tạo thuận lợi cho các địa phương trong việc quản lý hành chính, tỉnh Thuận Hải đã đề nghị Trung ương chia tách 2 huyện An Sơn và Ninh Hải thành 4 huyện, thị. Ngày 01-9-1981, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Quyết định số 45/QĐ và Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải họp ngày 15-12-1981 có nghị quyết chia tách huyện An Sơn và Ninh Hải thành 4 huyện, thị là huyện Ninh Sơn, Ninh Phước, Ninh Hải và thị xã Phan Rang - Tháp Chàm, trực thuộc tỉnh Thuận Hải. Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ định Ban Chấp hành Huyện ủy, Thị ủy và Ủy ban nhân dân lâm thời các huyện, thị mới tách; chỉ đạo các ban ngành của tỉnh và các huyện, thị chuẩn bị chương trình kế hoạch công tác, sắp xếp tổ chức bộ máy và cán bộ, phân bổ ngân sách tài chính... để kịp triển khai theo kế hoạch; các huyện, thị mới đi vào

hoạt động từ tháng 1-1982. Đại hội Đảng bộ các huyện, thị được tổ chức vào quý IV năm 1982.

Qua những năm phấn đấu kiên trì, đầy quyết tâm của các cấp ủy Đảng và nhân dân trên địa bàn Ninh Thuận, thành tích đạt được trên các mặt trong thời gian qua là to lớn và tương đối toàn diện. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đảm bảo vững chắc vấn đề về lương thực, cơ sở công nghiệp còn nhỏ bé, lạc hậu. Hoạt động phong trào quần chúng chưa được mạnh mẽ. Đội ngũ Đảng viên tăng về số lượng nhưng chất lượng chưa đạt yêu cầu, còn không ít tổ chức cơ sở Đảng yếu kém còn nhiều, đội ngũ cán bộ chậm trưởng thành. Công tác giáo dục nâng cao trình độ chính trị tư tưởng còn hạn chế, một bộ phận cán bộ, Đảng viên sa sút phẩm chất. Chính quyền các cấp chưa vững chắc đồng bộ, nhất là chính quyền cơ sở, tệ quan liêu, cửa quyền, mệnh lệnh, thiếu trách nhiệm còn khá phổ biến. Những hạn chế này đòi hỏi các cấp ủy Đảng cần có hướng khắc phục, vươn lên trong thời gian tiếp theo.

II. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ V (THÁNG 3-1982) VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ III (TỪ THÁNG 3-1983 ĐẾN 1985)

Từ ngày 27 đến 31-3-1982 Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội.

Đại hội đề ra nhiệm vụ, phương hướng, mục tiêu chủ yếu về kinh tế-xã hội 1981-1985 và những năm 1980, đề ra 2 nhiệm vụ chiến lược của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta trong giai đoạn cách mạng mới là: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng phân tích những khó khăn to lớn của tình hình đất nước, phê phán tư tưởng nóng vội, bảo thủ và điều chỉnh một bước đáng kể về đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đây là sự phát triển mới trong nhận thức về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, xác định chặng đường đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Nội dung chính của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường trước mắt là: “Tập trung phát triển, đẩy mạnh nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng trong một cơ cấu công- nông nghiệp hợp lý”. Đặc biệt, Đại hội nhấn mạnh việc xây dựng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động theo cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, coi đó là vấn đề có ý nghĩa quyết định để hoàn thành những nhiệm vụ quan trọng và cấp bách trên.

Tháng 3-1983, tại thị xã Phan Thiết, Đại hội đại

biểu Đảng bộ tỉnh Thuận Hải lần thứ III được triệu tập. Đại hội đánh giá, kiểm điểm quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ II. Quán triệt và cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, Đại hội đã xác định phương hướng nhiệm vụ của tỉnh trong thời gian trước mắt cũng như trong những năm 80 là: Ra sức tăng cường lãnh đạo của các cấp Đảng bộ, phát huy hiệu lực quản lý của chính quyền và vai trò làm chủ thật sự của nhân dân lao động; đẩy mạnh sản xuất lưu thông kết hợp chặt chẽ với sắp xếp lại sản xuất và cải tạo quan hệ sản xuất, cải tạo thị trường, đổi mới công tác quản lý kinh tế; tự lực là chính, kết hợp với sự giúp đỡ của Trung ương, đưa nền kinh tế tỉnh nhà từ sản xuất nhỏ từng bước tiến vững chắc lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, trước hết là đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn, kết hợp ngay từ đầu công nghiệp với nông nghiệp trong cơ cấu thống nhất với quy mô, hình thức, nhịp độ phù hợp đặc điểm tình hình tỉnh nhà. Phát triển giáo dục, văn hóa, y tế, xã hội. Đồng thời ra sức xây dựng nền quốc phòng toàn dân, phát triển phòng tuyến an ninh nhân dân, xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, làm tốt nghĩa vụ quốc tế. Phấn đấu thực hiện các mục tiêu chủ yếu sau:

- Tăng cường sản phẩm xã hội, tăng sản phẩm xuất khẩu giải quyết tốt hơn các nhu cầu thiết yếu nhất của

đời sống, mức tăng sản phẩm xã hội hàng năm từ nay đến 1985 bình quân tăng 7%, về lương thực thực phẩm năm 1985 bình quân đầu người đạt 300 kg.

- Tiết kiệm tiêu dùng, tăng tích lũy để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện Nhà nước và nhân dân cùng làm. Phấn đấu thu ngân sách Nhà nước đạt mức bình quân hàng năm từ 20-25% thu nhập quốc dân.

- Tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các ngành kinh tế; phấn đấu đến năm 1985 có 90% số hộ nông dân tham gia làm ăn tập thể (chủ yếu là hợp tác xã) và thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải nắm trọn bán buôn và chi phối 60% bán lẻ.

- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, phòng tuyến an ninh nhân dân, xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

- Tiếp tục cuộc vận động xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 45 đồng chí (trong đó có 4 đồng chí dự khuyết) Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí, đồng chí Lê Văn Hiến-Ủy viên Trung ương Đảng được bầu lại làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Trần Đệ làm Phó Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí

Trần Ngọc Trác làm Phó Bí thư Tỉnh ủy- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Từ ngày 3 đến ngày 10-12-1983, Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V) được triệu tập, bàn về phương hướng nhiệm vụ kinh tế xã hội năm 1983 và mức phấn đấu đến năm 1985: Về đời sống, tập trung giải quyết nhu cầu ăn và mặc; về xây dựng là hoàn thiện một số công trình quan trọng và đưa vào sử dụng; về cải tạo xã hội chủ nghĩa là kiện toàn và nâng cao chất lượng của kinh tế quốc doanh, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất trong nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp; về quốc phòng và an ninh là tích cực đề cao cảnh giác, tăng cường quốc phòng toàn dân và bảo đảm các nhu cầu của công cuộc phòng thủ đất nước, đánh thắng kiểu chiến tranh nhiều mặt của địch.

Dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, các huyện, thị tích cực triển khai thực hiện các nghị quyết đạt nhiều thành quả trên các lĩnh vực.

Với quan điểm xác định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, là công tác trọng tâm tạo sự chuyển biến mới cho nền kinh tế. Các huyện, thị tiến hành quy hoạch lại đất đai, cơ cấu cây trồng, vật nuôi và ngành nghề thích hợp với sự phát triển kinh tế địa phương. Ngành nông nghiệp hướng dẫn áp dụng khoa học kỹ thuật trong việc tăng năng suất cây trồng và vật nuôi;

thực hiện khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động; củng cố tăng cường sự quản lý điều hành của các hợp tác xã. Nhờ đó, nhịp độ sản xuất các năm đều tăng, đến năm 1985 gieo trồng đạt 43.940 ha hoa màu các loại, sản xuất về lương thực được 105.946 tấn quy thóc. So với năm 1981, sản xuất tăng 1.440 ha gieo trồng, 20.387 tấn lương thực. Huyện Ninh Phước và thị xã Phan Rang-Tháp Chàm 3 năm liền (1983-1985) sản xuất nông nghiệp đạt kết quả cao, được Bộ Nông nghiệp công nhận vào Câu lạc bộ 8 - 10 tấn/ha, được ghi vào sổ vàng đơn vị thâm canh lúa giỏi, được tặng cờ và bằng khen. Các huyện Ninh Hải và Ninh Sơn cũng có nhiều cố gắng phát triển sản xuất lương thực: năm 1985 Ninh Hải sản xuất thu hoạch được 22.000 tấn lương thực, bình quân lương thực đầu người 315kg/năm, vượt chỉ tiêu 35kg. Huyện Ninh Sơn sản xuất lương thực năm 1985 được 13.229 tấn, tăng hơn năm 1984 hơn 2.000 tấn.

Di đôi với sản xuất lương thực các huyện còn tích cực trồng cây công nghiệp như thuốc lá, bông vải, mía và phát triển chăn nuôi. Riêng huyện Ninh Phước, năm 1985, trồng trên 1.000 ha thuốc lá, thu hoạch bán cho Nhà nước 2.750 tấn, tăng 1950 tấn so với năm 1982. Thị xã Phan Rang-Tháp Chàm trồng hành, tỏi xuất khẩu, năm 1985 đạt giá trị 1,8 triệu rúp-đôla. Về chăn nuôi của 4 huyện, thị đến năm 1985, có 10.950 con trâu, 47.140 con bò, 40.448 con heo và hàng ngàn con dê, cừu tăng

từ 20-30% so với năm 1982.

Ngành lâm nghiệp trồng được 79 ha với 150.000 cây rừng tập trung và cây phân tán, bước đầu giao đất giao rừng cho một số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số chăm sóc, giao 5.470 ha rừng cho trại cải tạo Sông Cái và nông trường bông 16-4 (Ninh Sơn) quản lý, đạt hiệu quả khá tốt.

Ngành biển phát triển khá nhanh, có nhiều tiến bộ so với trước. Thị xã Phan Rang - Tháp Chàm đến cuối năm 1984 xây dựng được 11 hợp tác xã, 35 tổ đoàn kết khai thác gồm 400 thuyền 6.729CV và 2.335 lao động biển; năm 1985 đánh bắt được 6.500 tấn, bán cho Nhà nước 3.800 tấn trong đó mực và tôm xuất khẩu đạt giá trị 777.000 rúp-đôla. Huyện Ninh Phước có nhiều cố gắng khắc phục hậu quả cơn bão số 9 (tháng 10-1983), đến năm 1985 có 178 thuyền gắn máy với 2.670 CV tăng hơn trước 806 CV; xây dựng được 6 hợp tác xã, bao gồm 612 lao động và 70% thuyền nghề; đánh bắt đạt cao hơn năm trước, thu mua hải sản xuất khẩu được 180 tấn, tăng gấp 5 lần so với năm 1982. Huyện Ninh Hải ngoài việc củng cố ngành nghề, tăng cường khai thác còn phát triển nghề nuôi tôm xuất khẩu trên 60 ha ở Đầm Nại có giá trị cao.

Công tác củng cố xây dựng hợp tác xã tiếp tục được đẩy mạnh theo chủ trương, chính sách của Trung ương.

Về nông nghiệp, đến cuối năm 1985 đã xây dựng được 96 hợp tác xã, 78 tập đoàn sản xuất với trên 90% số hộ và số lao động tham gia, trên 90% diện tích ruộng đất và trên 60% máy móc, trâu bò cày kéo được tập thể hóa. Đa số hợp tác xã và tập đoàn sản xuất thực hiện khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động (theo chỉ thị 100 của Trung ương) đạt kết quả năng suất và sản lượng cao, thu nhập nhiều hơn trước, đời sống xã viên được cải thiện, thực hiện nghĩa vụ bán lương thực thực phẩm cho Nhà nước khá tốt. Huyện Ninh Phước năm 1985 có 6 xã và 20 hợp tác xã đạt năng suất lúa 10 tấn/ha năm trở lên. Thị xã Phan Rang-Tháp Chàm có 9/14 hợp tác xã đạt năng suất lúa 10 tấn/ha/năm trở lên, huy động lương thực đạt 28% sản lượng thu hoạch.

Cơ sở công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp chủ yếu tập trung ở thị xã Phan Rang-Tháp Chàm, đến năm 1985 đã xây dựng được 12 hợp tác xã, 9 tổ hợp tác, 38 tổ đoàn kết sản xuất bao gồm trên 2.000 lao động, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân khá hơn trước. Sản phẩm làm ra được Nhà nước tiêu thụ đạt 85% kế hoạch, đạt giá trị từ 29 triệu đồng năm 1982 tăng lên 82 triệu đồng năm 1985. Thị xã Phan Rang-Tháp Chàm được tỉnh công nhận là đơn vị dẫn đầu của ngành Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp, vinh dự đón nhận 2 bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng và 5 bằng khen của Ban Chủ nhiệm Liên hiệp hợp tác xã Trung ương.

Huyện Ninh Phước tiếp nhận Xí nghiệp Gạch Đạo Long, phát triển thêm một số cơ sở sản xuất tiểu thủ công... Năm 1985, sản xuất đạt tổng giá trị sản phẩm 9,2 triệu đồng, đạt 148% chỉ tiêu đề ra. Các xí nghiệp, nông trường của Trung ương và tỉnh ở trên địa bàn huyện có nhiều cố gắng nâng cao chất lượng đơn vị, nhất là xí nghiệp muối công nghiệp Cà Ná sản xuất đạt sản lượng ngày càng cao, năm 1985 đạt trên 50.000 tấn nhiều hơn năm 1982 là 20.000 tấn.

Các huyện Ninh Hải và Ninh Sơn ngành nghề tiểu thủ công không nhiều, nhưng các hợp tác xã nông nghiệp phân công một số lao động làm nghề mộc, nề, sửa chữa, xay xát, may mặc... thành những tổ ngành nghề của hợp tác xã, phục vụ tập thể và xã viên. Ngành giao thông vận tải của huyện Ninh Phước và Ninh Sơn đáp ứng một phần nhu cầu vận chuyển hàng hóa và hành khách, xây dựng trên 100km đường xe ô tô bằng đất sỏi phục vụ việc đi lại của nhân dân ở một số xã miền núi như Phước Đại, Phước Trung, Ma Nối, Nhị Hà... đồng bào ở đây rất phấn khởi.

Trên lĩnh vực phân phối lưu thông, thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa V): “Nhà nước phải nắm hàng, nắm tiền, làm chủ thị trường và giá cả, tăng nhanh mọi nguồn thu, bảo đảm cung cấp đủ 9 mặt hàng theo đúng định lượng, chất lượng và thời gian cho người ăn lương...”. Các địa phương cố gắng phấn đấu

từng bước việc duy trì ổn định thị trường, phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Tổ chức nắm hàng bằng nhiều phương thức linh hoạt, thu thuế, thu mua theo giá chỉ đạo và giá thỏa thuận, chủ yếu là theo hợp đồng kinh tế hai chiều. Kết quả của 4 huyện, thị (phía bắc tỉnh) năm 1985, huy động lương thực được 28.504 tấn, tăng 10.304 tấn so với năm 1983. Huyện Ninh Phước thu mua thuốc lá 3.447 tấn, tăng 2.206 tấn so với năm 1982; mua bò, heo được 760 tấn, tăng gấp 4 lần năm 1982. Thị xã Phan Rang-Tháp Chàm thu mua hành tỏi xuất khẩu được hàng trăm tấn, tăng 24% so với năm 1982; thu mua hải sản được 1.521 tấn, tăng 386 tấn so với năm 1982.

Mạng lưới thương nghiệp của các huyện, thị được củng cố và phát triển, ngoài các cửa hàng tổng hợp và các đại lý bán lẻ của Nhà nước, còn có các hợp tác xã mua bán ở các xã đồng bằng, các cửa hàng mua bán của các hộ đăng ký kinh doanh thương nghiệp. Nhất là tỉnh và thị xã đã đầu tư 3.772.000 đồng xây dựng lại chợ Phan Rang với diện tích sử dụng 2.696 m², thu hút hàng trăm người đăng ký gian hàng buôn bán trong chợ. Nhìn chung hoạt động của ngành thương nghiệp đã góp phần tích cực phục vụ đời sống nhân dân, ổn định thị trường, ngăn chặn nạn đầu cơ, buôn lậu.

Ngành Tài chính tăng cường công tác thu thuế, nhờ vậy các khoản thu hàng năm đều tăng. Năm 1985, huyện,

thị nào cũng thu tăng gấp đôi so với các năm trước, đảm bảo đạt chỉ tiêu của địa phương. Ngành Ngân hàng phối hợp với các ngành liên quan, thực hiện chủ trương đổi tiền tháng 9-1985 đạt mục tiêu yêu cầu đề ra. Nhờ tích cực huy động và quản lý tiền mặt, khắc phục nhược điểm, từ bội chi ngân sách, đến năm 1985, thu ngân sách của tỉnh đã tăng gấp 6 lần năm 1982. Vì vậy, thu không những đủ chi, tỉnh còn có khả năng đóng góp cho Nhà nước. Tuy nhiên, sau thời gian đổi tiền, giá cả hàng hóa tăng cao, tiền mất giá: 10 đồng cũ đổi 1 đồng mới, sau 1 năm sức mua của một đồng mới bằng 1 đồng cũ; các ngành kinh tế chậm phát triển vì thiếu vốn nên cuộc sống của nhân dân gặp khó khăn.

Ngành Bưu điện tỉnh liên tục mở rộng mạng lưới thông tin liên lạc vô tuyến và hữu tuyến với các hệ thống, đồng thời mở lớp đào tạo bồi dưỡng cán bộ chuyên môn kỹ thuật nghiệp vụ cho ngành. Đến cuối năm 1985, ngành đã mở được 8 khóa với 300 anh chị em tham gia học tập nâng cao kiến thức chuyên môn kỹ thuật nghiệp vụ, tăng cường cán bộ cho các cơ sở bưu điện. Lãnh đạo Bưu điện huyện, tỉnh mạnh dạn cử cán bộ đương chức đi học nhiều lớp dài hạn, trung cấp, cao đẳng, đại học chuyên môn. Nhờ đó, ngành Bưu điện của địa phương có nhiều cán bộ giỏi nghiệp vụ, là lực lượng quan trọng để phát triển ngành Bưu chính viễn thông rộng lớn và hiện đại, hòa vào mạng lưới quốc gia và quốc tế sau này.

Thực hiện Nghị quyết về cải cách giáo dục của Bộ Chính trị, ngành Giáo dục tỉnh thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” trong việc xây dựng trường học, kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội để giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ. Năm học 1984-1985 có 66.111 học sinh, tăng 13.324 học sinh so với năm học 1982-1983, mẫu giáo có 8.110 cháu. Riêng huyện Ninh Sơn có nhiều cố gắng duy trì và phát triển giáo dục đối với vùng dân tộc, củng cố và nâng cao chất lượng trường dân tộc nội trú, tích cực thanh toán nạn mù chữ trước thời hạn, giáo dục phổ thông có 20 trường với 8.500 học sinh, số học sinh dân tộc tăng 2,6 lần so với năm học trước, chất lượng dạy và học có nhiều tiến bộ.

Ngành Y tế đẩy mạnh phong trào vệ sinh phòng bệnh, chữa bệnh từ cơ sở, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, tiêm phòng ngăn chặn các bệnh dịch. Củng cố Bệnh viện Phan Rang, xây dựng mới bệnh viện ở huyện Ninh Phước, Ninh Sơn, Ninh Hải và tiếp tục mở trường đào tạo y tá, hộ lý. Đưa cán bộ đi học y sĩ, bác sĩ ở tỉnh và Trung ương, bố trí các trạm xá xã có y sĩ phụ trách và hợp tác xã có y tá. Hàng năm tiến hành khám chữa bệnh cho hàng vạn người, trong đó trung tâm chữa mắt của Phan Rang-Tháp Chàm là đơn vị hoạt động có hiệu quả, được cấp trên khen thưởng. Ngành còn thực hiện nhiệm vụ khám tuyển thanh niên đi làm nghĩa vụ quân sự mỗi năm 2 kỳ đạt yêu cầu; chọn lựa người đưa đi học tập, đào tạo cán bộ chuyên môn do tỉnh,

Trung ương mở để đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành y tế huyện và xã. Huyện Ninh Hải từ 10 y bác sĩ năm 1983 tăng lên 44 y bác sĩ năm 1986 và tăng thêm 66 giường bệnh, kịp thời phát hiện dập tắt được dịch bệnh. Huyện Ninh Sơn có nhiều cố gắng trong việc phòng bệnh và chữa bệnh cho nhân dân, đã chữa khỏi cho 3.883/3.993 lượt người nằm điều trị tại bệnh viện, đa số là đồng bào dân tộc.

Công tác văn hóa thông tin có tiến bộ trong nội dung và hình thức hoạt động, lấy cơ sở làm địa bàn thực hiện nhiệm vụ chủ yếu của Đảng đề ra, trọng tâm là tuyên truyền giáo dục phát động quần chúng làm chủ, đẩy mạnh sản xuất tiết kiệm, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước, cải tạo xây dựng xã hội chủ nghĩa, quản lý thị trường, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa... góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Nhiều công trình văn hóa thông tin được xây dựng phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt ở các địa phương. Đó là đài truyền thanh, sân khấu ngoài trời, sân bóng đá, cung thiếu nhi, đội văn nghệ, thư viện, đội bóng đá, đội chiếu phim... Hoạt động phong trào văn nghệ quần chúng, thể dục thể thao ở các xã và hợp tác xã phục vụ nhân dân diễn ra khá sôi nổi. Ngành còn chú ý kiểm tra truy quét, thu hồi, thủ tiêu văn hóa phẩm đồi trụy, phản động, giải tỏa các điểm ca hát nhảy múa không lành mạnh. Nhằm ôn lại truyền thống và thành tích sau 10 năm giải phóng Ninh Thuận,

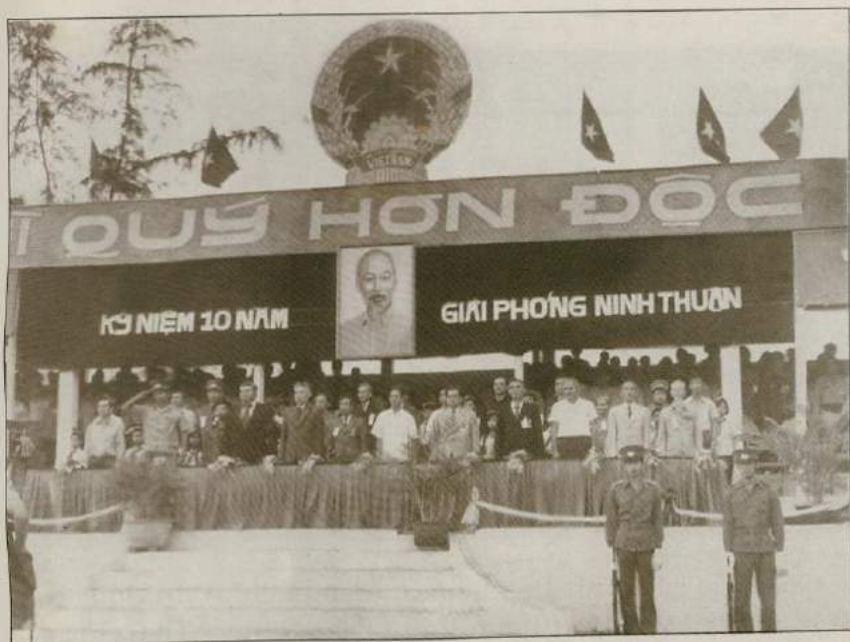
đồng thời động viên cán bộ, nhân dân các dân tộc phát huy những thành quả đạt được, tiếp tục phấn đấu hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đề ra, ngày 16-4-1985 trên địa bàn Ninh Thuận tổ chức trọng thể lễ kỷ niệm 10 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam và quê hương, đã thu hút sự quan tâm theo dõi và hưởng ứng nồng nhiệt của nhân dân địa phương.

Công tác chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, cán bộ về hưu và người có công với cách mạng được tỉnh quan tâm thực hiện theo chính sách và chế độ của Đảng và Nhà nước như: kê khai xét duyệt hồ sơ các đối tượng chính sách, trả trợ cấp cho các đối tượng, thực hiện khen thưởng đối với người có công, quy tụ mộ liệt sĩ về nghĩa trang, xây dựng đài liệt sĩ, nhà tình nghĩa, xóa đói, giảm nghèo trong các đối tượng chính sách, v.v..

Giữ vững quốc phòng-an ninh là một trong những nhiệm vụ chiến lược để ổn định và phát triển kinh tế-xã hội nên Đảng bộ và chính quyền các huyện, thị rất quan tâm chỉ đạo chặt chẽ. Xây dựng dân quân tự vệ từ 3,4% năm 1982 lên 4,17% năm 1985, các xã ven biển xây dựng dân quân kết hợp làm nhiệm vụ khai thác hải sản và bảo vệ an ninh vùng biển. Hàng năm, tiến hành công tác huấn luyện và tổ chức hội thao quốc phòng từ huyện đến cơ sở, từng lúc tổ chức diễn tập sẵn sàng chiến đấu ở cấp xã, tiến lên diễn tập ở cấp huyện và

BẢNG ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH NINH THUẬN





Lễ kỷ niệm 10 năm tỉnh Ninh Thuận giải phóng
(16-4-1975 – 16-4-1985)



Tổng Bí thư Đỗ Mười thăm gia đình anh hùng Pi năng Tắc
ở xã miền núi Phước Tiến - Ninh Sơn (tháng 4-1994)

tham gia diễn tập khu vực Cà Ná-Vĩnh Hảo. Bốn năm, từ năm 1982 đến 1985, các huyện, thị tuyển quân đều đạt chỉ tiêu trên giao. Hai năm 1983, 1984 lực lượng vũ trang của tỉnh được Hội đồng Bộ trưởng tặng thưởng 1 Huân chương Chiến công hạng nhất và một Huân chương Quân công hạng nhất. Tỉnh Thuận Hải được Bộ Quốc phòng trao cờ thưởng luân lưu là "Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 1984".

Bộ đội và Công an của tỉnh, huyện phối hợp truy quét, ngăn chặn hàng chục vụ vượt biển, truy quét có hiệu quả các toán Fulrô ẩn náu hoạt động vùng rừng núi các huyện Ninh Phước, Ninh Hải, Ninh Sơn. Đặc biệt, cuối tháng 8-1984, ta đã tiêu diệt toán Fulro do Y Majun tự xưng là Trung tá-Bộ trưởng an ninh Fulrô cầm đầu, cùng 14 tên hoạt động trên địa bàn xã Phước Nam. Từ đây, trên địa bàn Ninh Phước hầu như không còn lực lượng vũ trang Fulro hoạt động. Ở Ninh Sơn, bọn Fulro còn hoạt động lẻ tẻ, Tỉnh ủy chủ trương vận động quần chúng kêu gọi con em theo Fulro trở về với gia đình, đồng thời chỉ đạo lực lượng quân sự và công an phối hợp tiếp tục truy quét bọn tàn quân. Năm 1985, đã kêu gọi được một số tên đầu thú, làm tan rã 5 cơ sở và toán Fulro do tên Tô níp Đen (ở Đơn Dương-Lâm Đồng) cầm đầu, xuống hoạt động ở các vùng phía Tây Ninh Thuận. Trong thời gian này lực lượng vũ trang huyện phối hợp với tỉnh truy nã bắt toàn bộ bọn cầm đầu tổ chức gọi là "Cộng hòa phục quốc Viet Nam",



Đoàn đại biểu tỉnh Preahvihear (Campuchia) do đồng chí
Bí thư tỉnh dẫn đầu thăm thị xã Phan Rang - Tháp Chàm
(1984)



Nhớ ơn Mẹ Việt Nam anh hùng



Khám chữa bệnh miễn phí cho đồng bào thuộc diện khó khăn

phá tan bộ khung trung đoàn của chúng. Với những hoạt động tích cực, tinh đấu tranh ngăn chặn có hiệu quả bọn tội phạm phá hoại các công trình về an ninh quốc phòng, phá hoại tài sản xã hội chủ nghĩa; hạn chế được tình trạng vượt biên trốn ra nước ngoài. Các vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, vi phạm pháp luật và trật tự xã hội năm 1985 giảm 50% so với năm 1982, đồng thời củng cố xây dựng lực lượng công an cơ sở, mở lớp tập huấn cho hàng ngàn cán bộ xã, thôn. Năm 1985, các tổ an ninh nhân dân được xây dựng ở hầu hết các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất.

Tháng 2-1983, Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam, Campuchia và Lào họp, ra nghị quyết tuyên bố hàng năm sẽ rút một bộ phận quân tình nguyện Việt Nam về nước. Thực hiện Nghị quyết này, sau khi hoàn thành nghĩa vụ quốc tế ở tỉnh Preahvihear, giúp bạn ổn định tình hình, đến tháng 4-1985 một tiểu đoàn bộ đội của tỉnh Thuận Hải đã trở về nước.

Công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức được các cấp ủy quan tâm tổ chức thực hiện. Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần V và Đại hội Đảng bộ tỉnh, huyện thị, các nghị quyết của Trung ương và Đảng bộ được triển khai nhanh chóng đến tận cơ sở và quần chúng nhân dân. Hầu hết cán bộ, đảng viên đều tham gia học tập đầy đủ, nghiêm túc. Nhờ đó, nâng cao được lập trường quan điểm, đạo đức cách mạng, nhận thức

về tình hình nhiệm vụ cách mạng mới, tăng cường sự đoàn kết thống nhất ý chí và hành động... trong nội bộ Đảng và nhân dân.

Công tác tổ chức Đảng có tiến bộ trong phát triển và củng cố đội ngũ Đảng viên, xây dựng chi bộ và bộ máy. Từ năm 1982 đến năm 1985, 4 huyện, thị kết nạp được 445 Đảng viên mới, nâng tổng số Đảng viên lên 2.607 đồng chí, với 168 tổ chức cơ sở Đảng, trong đó có 162 cơ sở thuộc loại khá. Qua thực tế công tác, hàng trăm cán bộ đã được đề bạt làm trưởng, phó các ban ngành huyện, thị. Riêng Đảng bộ thị xã Phan Rang-Tháp Chàm triển khai tốt việc thực hiện chỉ thị 55 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, xây dựng được 67/67 cơ sở Đảng đạt loại khá và trung bình, được Thường vụ Tỉnh ủy công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Công tác kiểm tra Đảng đã giúp Đảng bộ đơn đốc việc chấp hành điều lệ và nghị quyết của Đảng. Đồng thời đi sâu, đi sát cơ sở phát hiện, xác minh và kết luận những vụ việc có liên quan đến cán bộ và Đảng viên, đề nghị xử lý những trường hợp vi phạm kỷ luật góp phần củng cố xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Đi đôi với củng cố xây dựng Đảng là kiện toàn bộ máy chính quyền và các đoàn thể nhân dân từ huyện, thị đến cơ sở. Nhìn chung, phát huy được hiệu lực trong việc giáo dục vận động nhân dân thực hiện các công

tác trọng tâm. Phong trào sản xuất kinh doanh, huy động lương thực thực phẩm, thu ngân sách, thực hiện nghĩa vụ quân sự, cải tạo xây dựng xã hội chủ nghĩa, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội... đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Các ngành kiểm sát, tòa án, tư pháp... của huyện, thị tích cực tuyên truyền phổ biến, giáo dục Hiến pháp (1982) và pháp luật nhà nước một cách rộng rãi trong nhân dân, đồng thời coi trọng công tác thanh tra, khen thưởng những đơn vị có thành tích, đồng thời xử lý nghiêm minh các địa phương, ban ngành có sai phạm, góp phần củng cố xây dựng tổ chức chính quyền, đoàn thể và Đảng bộ ngày càng vững mạnh, tạo sự đoàn kết tin tưởng của nhân dân đối với cách mạng.

Qua thực tiễn công tác, các tổ chức đoàn thể chọn lựa những người có năng lực đi bồi dưỡng, đào tạo cán bộ phong trào, nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận và các Hội đoàn thể, thu hút số đoàn viên tham gia ngày càng đông. Sự tăng cường hoạt động của các đoàn thể, có tác dụng tích cực trong việc thúc đẩy các phong trào thi đua cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất trong các cơ quan xí nghiệp: phong trào sản xuất thâm canh lúa giỏi, giao nộp sản phẩm đạt chỉ tiêu; phong trào phụ nữ tài năng, phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc; phong trào tiết kiệm mua công trái, phong trào xây dựng nếp sống và văn hóa mới... Qua đó, ý thức làm chủ tập thể trong nhân dân ngày càng được nâng lên.

Nhìn chung, toàn Đảng bộ, toàn dân và toàn quân trong tỉnh đã thực hiện 5 mục tiêu của Đại hội đề ra trong một bối cảnh chung có nhiều khó khăn. Điển hình là việc khắc phục hậu quả Cơn bão số 9 tháng 1-1983, gây thiệt hại nặng cho một số huyện phía bắc tỉnh Thuận Hải cả về người và của cải, tỉnh đã cùng các huyện, xã hợp lực khắc phục hậu quả, sớm phục hồi và phát triển hơn trước.

Thành tựu đáng ghi nhận là tỉnh đã căn bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực sản xuất, hoàn thiện một bước quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp và ngư nghiệp. Các mặt sản xuất có phát triển, nổi bật là đã đáp ứng nhu cầu lương thực thực phẩm cho địa phương và bước đầu có dự trữ. Tỉnh đã tập trung các nguồn vốn bằng ngân sách địa phương và Trung ương, xây dựng được một số cơ sở vật chất, kỹ thuật cần thiết. Công tác quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân đang đi vào chiều sâu, giải quyết cơ bản vấn đề Fulro và tàn dư ngụy quân, ngụy quyền. Tích cực chi viện các mặt cho tỉnh Preahvihear (Campuchia), giúp tỉnh bạn truy quét bọn diệt chủng, ổn định đời sống nhân dân. Công tác củng cố, xây dựng Đảng bộ và chính quyền trong sạch vững mạnh, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân có bước tiến bộ.

Tuy nhiên, ở một số lĩnh vực, sự phát triển của tỉnh chưa mạnh, chưa đều. Các mặt kinh tế-xã hội đều có

phát triển nhưng tốc độ tăng chậm so với tiềm năng và yêu cầu. Tỉnh đang đứng trước nhiều khó khăn gay gắt và yếu kém kéo dài, chưa đạt được mục tiêu ổn định tình hình kinh tế xã hội, ổn định đời sống nhân dân như Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III đề ra. Nguyên nhân là do các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể vận dụng chưa nhuần nhuyễn đường lối quan điểm của Đảng, trình độ, năng lực quản lý kinh tế-xã hội còn nhiều non yếu, tinh thần trách nhiệm, ý chí phấn đấu của người Đảng viên còn thấp, còn mắc các khuyết điểm chủ quan, nóng vội, quan liêu, tiêu cực...

Phát huy những kết quả đạt được, kiên quyết khắc phục những hạn chế, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh quyết tâm lãnh đạo toàn dân, toàn quân trong tỉnh kiên trì phấn đấu thu được những thành quả to lớn hơn để đưa tỉnh nhà tiến lên một bước mới.

Chương III

LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1986-1991)

I. ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ IV - BƯỚC CHUYỂN TRÊN CON ĐƯỜNG ĐỔI MỚI

Năm 1986, đất nước đang trong tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội nghiêm trọng. Những sai lầm vấp vấp về cải cách giá-lương-tiền chưa thể khắc phục sớm càng làm cho khó khăn thêm gay gắt. Các thế lực thù địch tiếp tục ra sức chống phá ta quyết liệt từ nhiều phía trên nhiều lĩnh vực. Đối với tình nền kinh tế cũng đang mất cân đối về nhiều mặt, công tác quản lý xã hội còn nhiều lúng túng, hạn chế. Trong bối cảnh khó khăn phức tạp đó, Đảng bộ vẫn tin tưởng, quyết tâm lãnh đạo nhân dân đi theo con đường mà Đảng ta đã chọn.

Thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng

về tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI; trên địa bàn Ninh Thuận, trong ba tháng 7, 8, 9 năm 1986, các Đảng bộ huyện thị và cơ sở đã tiến hành xong Đại hội. Các Đại hội tập trung thảo luận và tổng hợp ý kiến đóng góp của đảng viên vào các dự thảo văn kiện sẽ trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI.

Từ ngày 13 đến ngày 18-10-1986, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thuận Hải lần thứ IV được tiến hành tại thị xã Phan Thiết. Tại Đại hội, các đại biểu đã thảo luận, thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp của đảng viên và nhân dân vào các dự thảo văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI và báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ IV.

Mặc dù diễn ra trước Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, nhưng những tinh thần đổi mới của dự thảo các văn kiện của Trung ương đã được Đại hội Đảng bộ tỉnh tiếp thu, vận dụng vào tình hình địa phương để xây dựng phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế-xã hội của tỉnh trong 5 năm (1986-1990) là: "Hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất mới gắn với phát triển công tác khoa học kỹ thuật và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Đổi mới công tác quản lý kinh tế, xóa bỏ

cơ chế quản lý tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp, chuyển hẳn sang cơ chế quản lý hạch toán kinh tế kinh doanh xã hội chủ nghĩa... đưa nền kinh tế tỉnh nhà từ sản xuất nhỏ, từng bước vững chắc lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa". Trong xây dựng cơ cấu kinh tế nông-công nghiệp, Đại hội xác định: Nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, ngư nghiệp là mũi nhọn, đẩy mạnh công nghiệp chế biến, hàng tiêu dùng và xuất khẩu, đồng thời phát triển các ngành điện, cơ khí, vật liệu xây dựng, giao thông vận tải. Phát triển văn hóa giáo dục, y tế. Đồng thời ra sức tăng cường nền quốc phòng toàn dân, giữ vững an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội.

Theo phương hướng đó, Đại hội đề ra các mục tiêu chủ yếu sau:

- Phát triển sản xuất toàn diện, đẩy mạnh xuất khẩu, bảo đảm công ăn việc làm, ổn định và cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa cho nhân dân. Tốc độ phát triển bình quân của tổng sản phẩm xã hội là 8,5%, của thu nhập quốc dân là 7,8%. Giá trị sản lượng công nghiệp tăng bình quân năm là 12,2%, nông nghiệp tăng 8%, xuất khẩu đạt 30 triệu rúp-dôla. Thu nhập lương thực bình quân đầu người đạt 316kg. Thu ngân sách đạt mức 25% thu nhập quốc dân và dành 40% cho kiến thiết kinh tế. Phấn đấu 4 người dân có 1 người đi học.

- Với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, tiết kiệm tiêu dùng, tăng tích lũy để xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.

- Hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa, từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất mới. củng cố các đơn vị kinh tế quốc doanh, đảm bảo vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, đến năm 1990 thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải làm chủ 85% thị trường xã hội.

- Từng bước xây dựng xã hội mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Đó là con người có lý tưởng xã hội chủ nghĩa rõ ràng, có tinh thần quốc tế vô sản chân chính, có ý thức làm chủ tập thể, lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có năng suất cao, sống bằng thu nhập lao động chân chính của mình.

- Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân sẵn sàng chống xâm lược, phát triển thế trận đấu tranh chống phản cách mạng và các tội phạm khác, xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh.

- Tập trung sức xây dựng Đảng bộ cơ sở, Đảng bộ huyện, thị và tương đương vững mạnh, bảo đảm thực hiện tốt hơn cơ chế “Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý”.

Để thực hiện 6 mục tiêu trên, Đại hội đề ra 6 giải pháp:

- Xác định cơ cấu kinh tế chung của tỉnh và từng huyện, trong từng ngành cũng phải xác định cơ cấu nội bộ ngành, tập trung phấn đấu hình thành cơ cấu đó.

- Tổ chức lại sản xuất, phân bổ lại lao động là nhiệm vụ chiến lược hàng đầu.

- Hết sức chú trọng nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong tất cả các ngành kinh tế xã hội.

- Tích cực thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, tiếp tục thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị về xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang cơ chế quản lý hạch toán kinh tế kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

- Đẩy mạnh xây dựng huyện một cách toàn diện.

- Coi trọng phát động phong trào cách mạng của quần chúng, cải tiến phương thức hoạt động của các đoàn thể, khắc phục có hiệu quả các khuyết điểm về vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, bảo đảm cho quần chúng thực sự làm chủ mọi mặt.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 56 đồng chí (trong đó có 11 đồng chí dự khuyết), Ban Thường

vụ gồm 13 đồng chí, đồng chí Mãn Tấn Dũng¹ được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Ngô Triều Sơn làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Trung Hậu làm Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Thuận Hải lần thứ IV là mốc đánh dấu sự lãnh đạo của Đảng bộ trong triển khai thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.

Tháng 12-1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam được tiến hành. Đại hội đặt ra yêu cầu “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”. Đại hội nghiêm túc nhìn nhận ba khuyết điểm lớn: chủ quan duy ý chí; cơ cấu kinh tế và cơ cấu đầu tư không đúng; cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp... đã làm cho đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội. Đại hội đề ra chủ trương: phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh thực hiện ba chương trình kinh tế lớn về lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Để thực hiện tốt chủ trương trên, Đại hội nhấn mạnh: “Đảng phải đổi mới nhiều mặt: Đổi mới tư duy, trước

1. Tháng 4-1987, đồng chí Mãn Tấn Dũng bị kỷ luật, đồng chí Nguyễn Trung Hậu thay làm Bí thư.

hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức, đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác". Kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, phát triển những hình thức kinh tế phù hợp với trình độ tổ chức sản xuất, coi trọng việc kết hợp ba lợi ích (cá nhân, tập thể và xã hội). Trong chế độ phân phối, chú trọng chăm lo toàn diện và phát huy nhân tố con người. Đại hội VI của Đảng đã mở ra đường lối đổi mới toàn diện, đánh dấu bước chuyển biến rất quan trọng trong nhận thức của Đảng về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV diễn ra trong bối cảnh có nhiều khó khăn, thách thức gay gắt đòi hỏi sự lãnh đạo, chỉ đạo từ tỉnh đến cơ sở phải nhạy bén, sáng tạo và sâu sát hơn.

II. BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI

Cụ thể hóa các chủ trương của Trung ương về đổi mới quản lý kinh tế theo ba quan điểm lớn là đổi mới cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý và cải tạo xã hội chủ nghĩa, tỉnh đã tiến hành thí điểm một số chủ trương, chính sách mới trong sản xuất kinh doanh, ở một số đơn vị và ngành đã xuất hiện một số nhân tố mới.

Nhận thức của cán bộ, đảng viên và người lao động về cơ chế mới theo hướng đổi mới tư duy kinh tế được khởi động, tư tưởng trông chờ ỷ lại Nhà nước giảm dần. Các cơ sở sản xuất bước đầu phát huy quyền chủ động trong kinh doanh. Các cơ quan chức năng tập trung khắc phục tình trạng quan liêu, chồng chéo trong quản lý, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế. Tuy nhiên, nền kinh tế của cả nước nói chung và tỉnh nhà nói riêng vẫn tiếp tục sa sút, hàng hóa ít, giá cả tiếp tục tăng cao, lạm phát phi mã, thị trường không ổn định, lãnh đạo quản lý không chặt chẽ, còn nhiều bảo thủ, tiêu cực, trì trệ... làm hạn chế bước đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng.

Trong bối cảnh đó, tháng 4-1987, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ hai (khóa VI) đã tập trung bàn những vấn đề cấp bách về lưu thông phân phối, chủ trương phấn đấu “4 giảm” (giảm bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm lạm phát, giảm khó khăn về đời sống). Quyết định bỏ chế độ 2 giá, thực hiện 1 giá, xóa bỏ “cấm chợ, ngăn sông”, tạo thị trường thống nhất trong cả nước. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ ba (tháng 8-1987) quyết định: “chuyển hướng hoạt động của các đơn vị công nghiệp quốc doanh sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đổi mới quản lý Nhà nước về kinh tế”. Tháng 11-1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 217/QĐ-HĐBT thể chế hóa

Nghị quyết Trung ương 3.

Ngày 5-4-1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10 về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Nghị quyết xác định nông dân là động lực rất cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa, nông thôn là địa bàn trọng yếu của cách mạng dân tộc dân chủ cũng như cách mạng xã hội chủ nghĩa, nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Nghị quyết xác định hợp tác xã là đơn vị kinh tế tự chủ, tự quản, hộ gia đình, xã viên là đơn vị nhận khoán với hợp tác xã, thay thế cho cơ chế khoán theo Chỉ thị 100, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, xây dựng cơ chế kinh tế hạch toán tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị kinh tế quốc doanh cũng như hợp tác xã nông nghiệp. Nghị quyết 10 đáp ứng yêu cầu cấp bách của sản xuất và đời sống, hợp với lòng dân, trước hết là nông dân. Hiệu quả rõ nét chỉ một năm sau khi có Nghị quyết 10, năm 1989 nước ta bắt đầu xuất khẩu gạo.

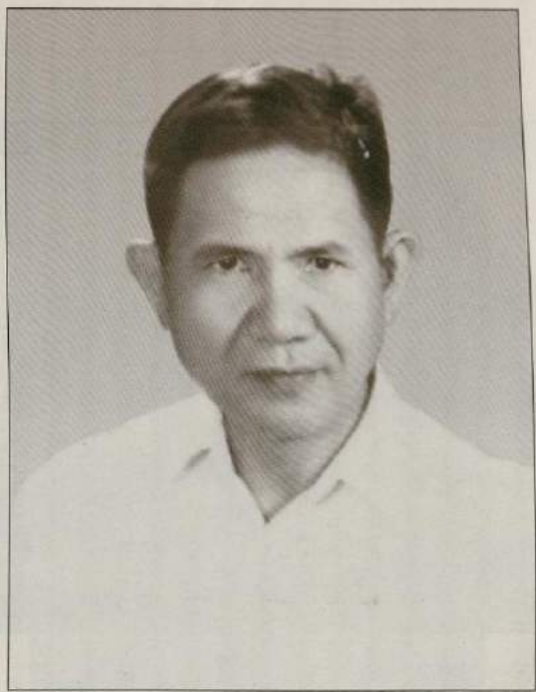
Vận dụng những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về điều chỉnh cơ cấu kinh tế, đổi mới cơ chế quản lý, Đảng bộ Thuận Hải tập trung chỉ đạo thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn. Nhằm thúc đẩy sản lượng lương thực tăng nhanh, ngành nông nghiệp đã tích cực đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, cung cấp giống mới, phân bón, thuốc trừ sâu, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất... Thực hiện khoán theo đơn giá giữa người nông dân và hợp tác xã, đồng

thời sắp xếp, củng cố các hợp tác xã về mặt quy mô và đội ngũ cán bộ. Kết quả sản xuất nông nghiệp tăng nhanh về sản lượng và diện tích, đặc biệt từ 1989 tỉnh Thuận Hải có đủ lương thực cho các nhu cầu, góp phần vào dự trữ của nhà nước và dành một phần cho xuất khẩu.

Ngày 20-12-1989, Ủy ban nhân dân tỉnh Thuận Hải sơ kết việc thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 5 của Tỉnh ủy về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp. Sau gần 2 năm thực hiện, tình hình sản xuất nông nghiệp có chiều hướng phát triển, sản lượng lương thực toàn tỉnh năm 1989 đạt 314.000 tấn, là năm cao nhất từ trước đến nay, trong đó thị xã Phan Rang-Tháp Chàm năm 1989 đạt và vượt cả 3 chỉ tiêu (diện tích, năng suất, sản lượng). Năm 1990, các huyện, thị trên địa bàn Ninh Thuận sản xuất thu hoạch được 116.748 tấn lương thực (tăng 11% so với năm 1985), huy động lương thực nghĩa vụ cho Nhà nước hàng năm đạt 20%, Nhà nước thu mua trên 50% sản lượng hải sản các loại. Bước đầu xuất hiện một số hợp tác xã bố trí sắp xếp cây-con thích hợp thay cho sự hình thành sản xuất tự nhiên lâu nay, như hợp tác xã Hộ Diêm 1 (Ninh Hải) sau nhiều năm sản xuất trên chân ruộng 100 ha chưa mặn năng suất thấp, nay mạnh dạn chuyển dần diện tích sang nuôi tôm nước lợ. Một số hợp tác xã ở Phan Rang-Tháp Chàm cũng đã bắt đầu đưa con tôm vào sản xuất tại các đầm, hồ tự nhiên, giải quyết được



Thế hệ trẻ lên đường bảo vệ Tổ quốc,
tiếp nối truyền thống hào hùng của dân tộc



Đồng chí Lê Văn Hiến
Bí thư Tỉnh ủy Thuận Hải
(Từ tháng 1-1976 đến tháng 9-1986)

thêm nhiều lao động có công ăn việc làm và thu nhập khá. Nuôi tôm xuất khẩu của thị xã Phan Rang - Tháp Chàm và huyện Ninh Hải là 65 ha thu hoạch đạt 1 tấn/ha, mở ra khả năng chuyển dịch ruộng đất nhằm mặn sang nuôi tôm xuất khẩu. Chăn nuôi gia súc, gia cầm tăng 4,6% so với năm 1986.

Trên địa bàn Ninh Thuận đã hình thành và phát triển khá nhanh các vùng chuyên canh cây công nghiệp và thực phẩm như thuốc lá, mía đường, hành tây, tỏi, nho. Huyện Ninh Phước trong 3 năm (1986-1988) thu hoạch thuốc lá bán cho Nhà nước được 3.940 tấn thuốc lá khô, trồng nho được 550 ha. Thị xã Phan Rang-Tháp Chàm trồng hành tây và tỏi xuất khẩu sang Liên Xô hàng năm đạt hàng triệu rúp-đô la.

Tiếp theo Nghị quyết 10, ngày 15-7-1988, Bộ Chính trị có Nghị quyết 16 về đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với các cơ sở sản xuất thuộc các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, khuyến khích các thành phần đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, khuyến khích mọi người làm giàu và tăng thu nhập một cách hợp pháp, chính đáng. Các huyện, thị trên địa bàn Ninh Thuận tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết 10 và Nghị quyết 16 của Bộ Chính trị theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Thuận Hải. Năm 1990, trong nhân dân bắt đầu có phong trào đầu tư vốn và lao động nhằm thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn. Ngoài các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất

đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, đã xuất hiện mô hình kinh tế trang trại của tư nhân trồng cây ăn trái, chăn nuôi gia súc, nuôi tôm xuất khẩu, trồng cây công nghiệp, cây lấy gỗ... Nhân tố phát triển sản xuất hàng hóa ở nông thôn xuất hiện ngày càng nhiều, thu nhập các thành phần sản xuất kinh doanh tăng lên, đời sống đa số xã viên được cải thiện.

Một số cơ sở công nghiệp quốc doanh bước đầu làm ăn có hiệu quả. Xí nghiệp muối công nghiệp Cà Ná sản xuất từ 30.000 tấn năm 1982 lên 50.000 tấn năm 1990. Trong hai năm 1989-1990 Nhà máy thủy điện Đa Nhim sản xuất 1.555.331 kw/giờ điện đạt 97,2% kế hoạch. Các đơn vị sửa chữa xe lửa Tháp Chàm, nhà máy đường Tháp Chàm, nhà máy xi măng Phương Hải, nhà máy gạch Đạo Long hoạt động hiệu quả, công nhân có thu nhập khá. Nông trường Quán Thử hàng năm trồng hàng trăm ha bông vải, cây điều, chăn nuôi trên 500 con bò... vượt kế hoạch đề ra, được Chính phủ tặng Huân chương lao động hạng Ba. Trại chăn nuôi Phú Sơn (Phước Thuận) sản xuất heo giống chất lượng cao, cung cấp cho thị trường hàng ngàn heo con và hàng trăm con heo thịt. Trung tâm nghiên cứu cây bông Nha Hố sản xuất kinh doanh có kết quả, được cấp trên khen thưởng. Các ngành tiểu thủ công nghiệp như: sản xuất gạch, ngói, đá chẻ, chế biến gỗ, xay sát nông sản... phát triển khá mạnh mẽ, sản xuất đạt giá trị hàng chục triệu đồng/năm.

Công tác xuất nhập khẩu được quan tâm hơn, một số sản phẩm, mặt hàng mới được phát triển như: tôm, mực, cá, hành tây, tỏi, măng trúc, ván sàn... Thị xã Phan Rang-Tháp Chàm là đơn vị đi đầu trong công tác này. Huyện Ninh Phước xuất khẩu từ 223.000 rúp-đôla (1986) tăng lên 620.000 rúp-đôla (1988). Ninh Hải xuất khẩu tăng 61% năm, đạt bình quân 5 rúp-đôla/người/năm...

Các ngành Thương nghiệp, Tài chính, Ngân hàng của các huyện, thị tăng cường hoạt động phục vụ 3 chương trình kinh tế lớn, tích cực tiêu thụ hàng nông sản thực phẩm của nông, ngư dân và mua về hàng công nghệ phẩm, vật tư, vật liệu xây dựng để cung cấp cho nhân dân. Nhưng từ năm 1989 trở đi thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán trên thị trường tự do không đạt kết quả nên lần lượt giải thể, hoạt động mua bán của tư nhân trên thị trường nhanh chóng phát triển mạnh, giá cả được bình ổn dần.

Công tác tài chính, thu thuế có nhiều tiến bộ so với trước. Năm 1989, huyện Ninh Phước đạt 1.790 triệu đồng, tăng 1.375 triệu đồng so với năm 1987; huyện Ninh Sơn thu đạt 94% kế hoạch; thị xã Phan Rang-Tháp Chàm thu 8,5 tỷ tăng 35-40% so với năm trước; huyện Ninh Hải thu đủ chi tiêu. Năm 1990, thực hiện miễn thu thuế nông nghiệp theo Di chúc của Bác Hồ, nông dân càng phấn khởi, mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất,

mức sống nâng cao hơn trước, tạo thuận lợi cho các huyện thu các loại thuế khác đạt khá, đầu tư xây dựng mới thêm nhiều công trình phục vụ đời sống và sản xuất như điện, đường, trường, trạm, trụ sở, bệnh viện... Ngành Ngân hàng huy động các nguồn vốn phục vụ công tác thu mua nông sản thực phẩm và cho một số đơn vị và hộ nông dân vay vốn sản xuất kinh doanh.

Ngày 2-5-1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 11 về các biện pháp chống lạm phát, chủ yếu tập trung sức phát triển và thu mua lương thực thực phẩm, nâng tỷ lệ huy động vào ngân sách đạt 25-30% tổng thu nhập quốc dân, giảm tối đa mức phát hành tiền Ngân hàng Nhà nước. Do đó, từ giữa năm 1988 trở đi tình hình kinh tế bớt căng thẳng, giá lương thực bắt đầu giảm, giá vàng và Đô la hạ, nhịp độ lạm phát và tăng giá giảm dần, hàng hóa trên thị trường ngày càng phong phú, niềm tin của nhân dân được tăng lên.

Lĩnh vực văn hóa-xã hội có nhiều khởi sắc. Sự nghiệp giáo dục-đào tạo ngày càng được củng cố phát triển, chất lượng dạy và học được nâng lên, thu hút ngày càng nhiều học sinh đến trường lớp. Huyện Ninh Phước, năm học 1988-1989, số học sinh tăng 7% so với năm học 1986-1987. Huyện Ninh Sơn thu nhận từ 70-75% em trong độ tuổi đến trường. Thị xã Phan Rang-Tháp Chàm có nhiều cố gắng đáp ứng yêu cầu về trường lớp, số học sinh tăng hàng năm trên 2.600 học sinh. Huyện Ninh

Hải duy trì được tỷ lệ 5 người dân có 1 người đi học. Trong 5 năm các huyện thị xây dựng thêm hàng trăm trường lớp và đóng mới hàng ngàn bộ bàn ghế, đào tạo hàng ngàn giáo viên, giảm dần tình trạng học ca 3.

Huyện, xã phối hợp cùng các hợp tác xã đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, tổ chức chiếu phim, biểu diễn văn nghệ, thể dục thể thao, phát hành sách báo... phục vụ nhân dân. Các huyện, thị đầu tư xây dựng sân vận động, sân khấu ngoài trời, phòng văn hóa thông tin. Một số xã xây dựng sân bóng đá, Nhà văn hóa thông tin, đội bóng đá, đội văn nghệ... đáp ứng một phần nhu cầu hưởng thụ văn nghệ, thể dục thể thao của nhân dân địa phương. Thực hiện chính sách đền ơn đáp nghĩa, các địa phương xây dựng đài liệt sĩ, sưu tập mộ liệt sĩ, xây cất nhà tình nghĩa, xét khen thưởng các đối tượng chính sách, lập quỹ đền ơn đáp nghĩa ở xã, huyện. Nhằm góp phần vào công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng của Đảng bộ địa phương đối với các tầng lớp nhân dân, thị xã Phan Rang-Tháp Chàm và huyện Ninh Phước đã cho xuất bản tập sách Lịch sử Đảng bộ của địa phương mình giai đoạn 1930-1975.

Công tác y tế tích cực triển khai đến tận cơ sở, hàng năm thực hiện tiêm phòng ngừa các dịch bệnh, khám bệnh cấp thuốc, tiếp nhận bệnh nhân điều trị, vận động sinh đẻ có kế hoạch... đạt hiệu quả cao. Chú trọng

đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa ở các huyện; đào tạo bồi dưỡng cán bộ sơ-trung cấp y dược cho các huyện, xã và hợp tác xã. Hệ thống phòng khám và nhà bán thuốc của tư nhân phát triển khá nhanh và hoạt động tích cực, giảm bớt sức ép đối với các cơ sở y tế nhà nước. Các hội Chữ thập đỏ, Y học dân tộc... hoạt động tích cực của góp phần tuyên truyền, hướng dẫn bảo vệ sức khỏe, phòng chữa bệnh cho nhân dân.

Ngành Bưu chính viễn thông của tỉnh tiếp thu Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI với nhiệm vụ "Nâng cao năng lực, chất lượng phục vụ và giảm nhẹ tình trạng lạc hậu về thông tin liên lạc, hiện đại hóa những khâu có điều kiện"¹. Áp dụng phương pháp quản lý mới và từng bước đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, hiện đại hóa mạng lưới Bưu chính viễn thông, trung tâm giao dịch Phan Rang được cải tạo nâng cấp mở rộng dịch vụ điện báo-điện thoại trong nước và quốc tế. Bưu điện các huyện, thị được xây dựng mới hoặc sửa chữa nâng cấp; 31/51 trạm bưu điện xã có máy điện thoại; toàn tỉnh đã lắp đặt được 499 máy điện thoại cho cơ quan, cơ sở và tư nhân; các tuyến đường thư vận chuyển công văn, tài liệu, báo chí được mở rộng, thư từ, báo chí chuyển được nhanh hơn. Đặc

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1987, tr. 52.

biệt, thái độ phục vụ khách hàng của cán bộ bưu điện bước đầu thể hiện phong cách văn minh lịch sự, thái độ hòa nhã, khiêm nhường. Qua 5 năm củng cố xây dựng (1986-1990), với tinh thần dám nghĩ dám làm, Bưu điện tỉnh mạnh dạn từng bước thay đổi thiết bị, nâng cao chất lượng công tác, tạo ra những sản phẩm bưu điện mới, phù hợp với hướng phát triển của toàn ngành, đáp ứng ngày càng hiệu quả nhu cầu xã hội.

Quán triệt Nghị quyết 02, 07 của Bộ Chính trị về quốc phòng, an ninh, Chỉ thị 135 và Quyết định 240 của Hội đồng Bộ trưởng, Đảng bộ chú trọng đẩy mạnh công tác tổ chức huấn luyện quân sự, bồi dưỡng chính trị cho bộ đội địa phương và dân quân, tổ chức hội thao quốc phòng, diễn tập quân sự... để nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng, năng lực chiến đấu cho các lực lượng vũ trang, làm nòng cốt trong phong trào an ninh nhân dân và quốc phòng toàn dân. Nhờ vậy, lực lượng dân quân tự vệ được xây dựng rộng khắp trên các địa bàn, ý thức bảo vệ Tổ quốc của nhân dân được nâng lên, công tác tuyển quân hàng năm đều đạt chỉ tiêu. Đồng thời, tổ chức chu đáo đón số quân hoàn thành nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia trở về và nhanh chóng ổn định cuộc sống cho họ. Qua 10 năm (1979-1989), lực lượng vũ trang tỉnh Thuận Hải đã trực tiếp giúp tỉnh bạn Preahvihear (Campuchia) khôi phục, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng đạt nhiều

thành quả đáng kể, góp phần giúp nhân dân tỉnh bạn thoát khỏi nạn diệt chủng, ổn định cuộc sống. Với những đóng góp to lớn trong việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế, các đơn vị vũ trang của tỉnh Thuận Hải như Tiểu đoàn 3, Tiểu đoàn 2, Tiểu đoàn 1 bộ binh thuộc Trung đoàn 812, Sư 309, Mặt trận 479 được Hội đồng Nhà nước phong tặng Danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang vào các năm 1983, 1985, 1989¹.

Lực lượng vũ trang và công an phối hợp tổ chức truy quét các vùng còn Fulro hoạt động, đến năm 1990 các tổ chức Fulro hầu như tan rã. Thực hiện Quyết định 135 ngày 14-5-1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, qua 2 năm (1989-1990) ngành Công an đã điều tra khám phá 186/287 vụ vi phạm hình sự, khởi tố 43 vụ gồm 62 tên, truy bắt 578 tên có lệnh truy nã, phối hợp với các ban ngành ở địa phương đưa 137 đối tượng ra kiểm điểm trước dân. Đồng thời tăng cường tổ chức giáo dục, răn đe các đối tượng có tiền án, tiền sự và đưa về địa phương quản lý. Ngăn chặn hiệu quả nhiều vụ vượt biên, xử lý nhiều vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, vi phạm hình sự góp phần ổn định tình hình, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội.

Trên tinh thần tiếp thu bài học “lấy dân làm gốc” mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI đã tổng kết,

1. Tài liệu lưu trữ tại phòng Lịch sử Đảng tỉnh Bình Thuận.



Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận lần thứ VIII



Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận lần thứ IX



Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh
(nay là Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam)
thăm và tặng ảnh Bác Hồ cho cán bộ
và nhân dân tỉnh Ninh Thuận (1999)



Thủ tướng Võ Văn Kiệt thăm đồng bào dân tộc miền núi
Ninh Sơn và tham gia bỏ phiếu bầu cử Đại biểu QH khóa X
(tháng 7-1997)

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể trong tỉnh đã tích cực tổng kết, triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy về công tác dân vận. Đến quý I năm 1990, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân từ tỉnh đến cơ sở đã tổ chức xong Đại hội. Qua Đại hội, các tổ chức tiếp tục được củng cố, nâng cao nhận thức tư tưởng, tăng cường trách nhiệm của cán bộ, hội viên và đoàn viên. Thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, Chính phủ về đoàn kết-bình đẳng-tương hỗ giữa các dân tộc, bước đầu tạo được sự chuyển biến quan trọng về kinh tế-xã hội ở vùng đồng bào dân tộc, góp phần thúc đẩy phong trào quần chúng thi đua sản xuất kinh doanh trong cơ chế kinh tế mới.

Với mục tiêu giữ vững ổn định chính trị, tháng 8-1989, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) đánh giá những sai lầm lệch lạc trong cải tổ, cải cách ở một số nước xã hội chủ nghĩa và sự chống phá của chủ nghĩa đế quốc, phê phán, uốn nắn những quan điểm, nhận thức sai lệch, dao động về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Khẳng định những luận điểm quan trọng, kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực kinh tế và chính trị, không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Xác định đúng đắn vị trí, mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và cải cách hệ thống chính trị. Hội nghị Trung ương lần thứ tám (tháng 3-1990) đã ra hai Nghị quyết về: "Tình hình quốc tế và



Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận lần thứ X



Đồng chí Nguyễn Trung Hậu

- Bí thư Tỉnh ủy Thuận Hải từ 1987 đến tháng 2-1992
- Bí thư Tỉnh ủy Ninh Thuận từ tháng 3-1992 đến tháng 3-1996

nhiệm vụ của Đảng ta” và “Đổi mới, tăng cường công tác vận động quần chúng”. Tháng 5-1990, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh bàn thực hiện Nghị quyết Trung ương 8, nhấn mạnh phải thường xuyên tiến hành công tác chính trị-tư tưởng, thống nhất ý chí và hành động trong công cuộc đổi mới, bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nghị quyết Trung ương 8 và Nghị quyết của Tỉnh ủy đã giúp các chi bộ, Đảng bộ hiểu sâu sắc hơn về đường lối đổi mới của Đảng, kiên định lập trường xã hội chủ nghĩa, phát huy tinh thần chủ động, tích cực góp phần tháo gỡ khó khăn về kinh tế-xã hội. Cùng với việc khẩn trương khắc phục nhận thức tư tưởng lệch lạc trong cán bộ, đảng viên, các cấp ủy Đảng tăng cường công tác tuyên truyền, mở hội nghị biểu dương đảng viên tiên phong gương mẫu, xuất sắc, động viên tích cực, tích chiến đấu của đội ngũ đảng viên. Các hoạt động kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1990), 100 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1990), 45 năm ngày Quốc khánh (2-9-1990) diễn ra sôi nổi. Cuộc thi về Đảng, Bác Hồ, về truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh thu hút hàng vạn cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia. Những hoạt động này góp phần khơi dậy niềm tự hào, củng cố niềm tin vào Đảng quang vinh, v.v.. Bằng việc chuyển tải kịp thời nghị quyết của Đảng, những định hướng tư tưởng lớn tới cán bộ, đảng viên và nhân dân, công tác xây dựng

Đảng về tư tưởng đã nâng cao nhận thức chính trị, tạo sự nhất trí giữa tư tưởng và hành động, góp phần ổn định tình hình tư tưởng và giữ vững ổn định chính trị.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần VI về công tác xây dựng Đảng: “cần có kế hoạch tiến hành *cuộc vận động làm trong sạch đảng, khắc phục những lưũ hổng trong bộ máy nhà nước, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trong xã hội*”¹; Đảng bộ các cấp tập trung tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV. Các đợt học tập Nghị quyết của Đảng thật sự là đợt sinh hoạt chính trị-tư tưởng sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, bước đầu tạo được sự đồng tình, nhất trí với đường lối đổi mới của Đảng. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên nâng cao phẩm chất và năng lực công tác, có lập trường tư tưởng vững vàng, ít có biểu hiện dao động trước các biến động phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu trước khó khăn gian khổ, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đội ngũ đảng viên được củng cố và phát triển nâng tổng số đảng viên lên 3.172 đồng chí, tăng 565 đồng chí so với năm 1985, sinh hoạt trong 178 tổ chức cơ sở Đảng. Qua tự phê bình và phê bình phân loại đảng viên trong đợt củng cố xây dựng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1987, tr. 140.

Đảng năm 1990 có 2.688 đảng viên đủ tư cách, 120 tổ chức cơ sở đảng vững mạnh và khá.

Đối với công tác tổ chức bộ máy và cán bộ, tháng 6-1988, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) ra Nghị quyết chỉ rõ: Đảng phải đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức, đổi mới đội ngũ cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo và nâng cao giác ngộ, bồi dưỡng lý tưởng, kiến thức và năng lực lãnh đạo, mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật. Vận dụng trong công tác tổ chức và cán bộ, tỉnh đã dần dần cải tiến theo hướng dân chủ tập thể trong các khâu lựa chọn, đào tạo, đề bạt, sử dụng, khen thưởng, kỷ luật cán bộ; khuyến khích cán bộ học tập nâng cao trình độ văn hóa, chính trị và nghiệp vụ; thực hiện trẻ hóa đội ngũ cán bộ. Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ tại chỗ, đưa đi học các trường trong tỉnh và Trung ương.

Triển khai Nghị quyết 34/NQ-TW của Bộ Chính trị (khóa V), Đảng bộ tỉnh tập trung sắp xếp kiện toàn lại bộ máy Đảng, tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước, làm rõ nhiệm vụ, chức năng, giảm đầu mối, tinh giảm biên chế gián tiếp, tăng cường cán bộ cho cơ sở. Ủy ban nhân dân tỉnh giảm được 15 đầu mối trực thuộc; các huyện, thị giảm hàng chục phòng ban. Công tác nội chính, kiểm tra chấp hành Điều lệ, Nghị quyết, Chỉ thị và kiểm tra kỷ luật Đảng được tăng cường. Cán bộ,

đảng viên và nhân dân trong tỉnh tích cực tham gia cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng, chính quyền, làm lành mạnh các quan hệ xã hội và hưởng ứng “Những việc cần làm ngay” của tác giả NVL¹ đăng trên báo Nhân dân.

Công tác kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng được thực hiện có tiến bộ, đã giúp cấp ủy rút kinh nghiệm, chỉ đạo thúc đẩy chấp hành chỉ thị, nghị quyết, góp phần chống tiêu cực trong nội bộ. Việc xem xét cán bộ, đảng viên vi phạm khuyết điểm, sai lầm có chú ý bảo đảm tính công khai dân chủ và tiếp thu ý kiến của công luận để xử lý được khách quan, công minh, thỏa đáng.

Tổ chức và hoạt động của các cơ quan Nhà nước theo hướng đổi mới đã có bước tiến bộ thể hiện sự phân định chức năng quản lý nhà nước về kinh tế với chức năng quản lý sản xuất kinh doanh, chức năng lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, Đảng không bao biện, làm thay công việc của Nhà nước, Nhà nước không can thiệp sâu vào công việc quản lý sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế.

Hội đồng nhân dân các cấp sau kỳ bầu cử tháng 11-

1. Bút danh của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, cũng mang hàm ý là “nói và làm”.

1989 đã đổi mới một bước về tổ chức và hoạt động. Các kỳ sinh hoạt được chặt chẽ và dân chủ hơn, thông qua Nghị quyết về nhiệm vụ, chỉ tiêu và biện pháp tương đối sát đúng, động viên được các ngành, các cấp và nhân dân thực hiện có hiệu quả. Quyền hạn và trách nhiệm của Đại biểu Hội đồng nhân dân được nâng cao hơn. Ủy ban nhân dân các cấp và các ban ngành chuyên môn được củng cố xây dựng theo sự phân định của cấp trên. Sau khi bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, việc chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, các khâu then chốt, các ngành mũi nhọn đạt nhiều kết quả hơn trước, nhất là thực hiện 3 chương trình kinh tế, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Qua những năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý Nhà nước, lãnh đạo các doanh nghiệp sản xuất-kinh doanh bước đầu đã đổi mới tư duy và có sự trưởng thành nhất định. Các cơ chế chính sách mới dần dần đi vào cuộc sống, đã có tác dụng tích cực khơi dậy, phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế và các tầng lớp nhân dân. Đời sống nhân dân trong tỉnh được nâng cao hơn trước, một bộ phận có cải thiện. Theo điều tra của tỉnh, trong 2.091 hộ tiêu biểu cho 6 vùng kinh tế khác nhau, năm 1990 có mức thu nhập bình quân tăng 9,6% so với năm 1986. Một số mặt kinh tế-xã hội giữ được

nhịp độ tăng trưởng và có chuyển biến. Diện tích, năng suất, sản lượng cây trồng, nhất là sản lượng lương thực phát triển và ổn định. Năng lực khai thác thủy sản phát triển, nuôi tôm xuất khẩu tăng khá, chế biến, tiêu thụ hải sản có tiến bộ. Kinh tế gia đình phát triển khá, nhiều hộ bung ra sản xuất kinh doanh. Ngành xây dựng cơ bản bảo đảm được các loại vật tư cho sản xuất và tiêu dùng, tiến độ xây dựng nhanh, mạnh hơn trước. Kim ngạch xuất khẩu tăng, hàng hóa trên thị trường phong phú, giảm bớt căng thẳng cung và cầu, nhịp độ lạm phát và tăng giá giảm dần. Chú trọng thực hiện trợ cấp khó khăn cho người hưởng lương và đối tượng chính sách. Công tác quốc phòng và an ninh được giữ vững... Tổ chức Đảng và hệ thống chính trị được củng cố kiện toàn, bước đầu đổi mới nội dung và phương thức hoạt động.

Tuy nhiên, những tồn tại, yếu kém vẫn còn nhiều, nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp và sự chủ quan, chưa lường hết những khó khăn, phức tạp của tình hình nên Đảng bộ đề ra nhiều chỉ tiêu thiếu căn cứ thực tiễn. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện chưa có biện pháp điều chỉnh, bổ sung kịp thời, hiệu quả, chưa chú trọng bổ sung quy hoạch tổng thể và đề ra chương trình kinh tế-xã hội có tính lâu dài. Nhìn chung, nền kinh tế-xã hội phát triển còn chậm, hiệu quả thấp, chưa tương xứng với lợi thế của địa phương, nhiều chỉ tiêu chưa đạt. Các nguồn thu

ngân sách từ bản thân nền kinh tế không đạt kế hoạch, tình trạng chiếm dụng vốn, nợ quá hạn và nợ khó đòi ngày một tăng, làm thiếu vốn cho sản xuất và kinh doanh. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền còn nhiều hạn chế, chậm đổi mới, công tác vận động quần chúng chưa theo kịp yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ.

Bước sang năm 1991, năm đầu thực hiện kế hoạch 5 năm 1991-1995, tình phải đối đầu với nhiều khó khăn do tác động của những biến động của tình hình thế giới nền kinh tế trong nước chưa ổn định. Nổi lên là sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu, các thế lực thù địch chưa từ bỏ chính sách bao vây, cấm vận, tiếp tục chống phá Việt Nam về các mặt chính trị, tư tưởng, kinh tế, xã hội; công cuộc đổi mới ở Việt Nam tuy đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, song nước ta vẫn chưa thoát khỏi sự khủng hoảng về kinh tế-xã hội. Thực trạng này đã tác động đến sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh trong giai đoạn bước đầu đổi mới không ít khó khăn, thách thức.

Trước những thử thách đó, Đảng bộ vẫn kiên trì tiếp tục đổi mới, tập trung vào việc ổn định tình hình kinh tế-xã hội, phấn đấu giảm bớt khó khăn về đời sống vật chất cho nhân dân, hạn chế mức thiếu đói cho đồng bào dân tộc, miền núi. Các cấp ủy Đảng và hệ thống chính trị, các cơ quan làm công tác tư tưởng

đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tuyên truyền giác ngộ quần chúng vững tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội do Đảng lãnh đạo. Đầu năm 1991, toàn thể đảng viên và đông đảo quần chúng nhân dân sôi nổi tham gia đợt sinh hoạt chính trị rộng rãi: đóng góp ý kiến vào Dự thảo các văn kiện của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII và tiến hành Đại hội Đảng các cấp.

Với ý thức trách nhiệm cao và sự quan tâm lo lắng đến vận mệnh đất nước, đến sự nghiệp cách mạng của Đảng, đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân tỉnh nhà đã đóng góp nhiều ý kiến cụ thể vào các Cương lĩnh chính trị, Chiến lược phát triển kinh tế xã hội đến năm 2000, Báo cáo xây dựng Đảng... Nhiều cấp ủy địa phương, ban, ngành tổ chức lấy ý kiến của những người cao tuổi, thanh niên, phụ nữ, đại diện các dân tộc và người ngoài Đảng. Với phương thức sinh hoạt dân chủ, đổi mới, đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân đều phấn khởi, quan tâm đến hoạt động của Đảng trong suốt quá trình diễn ra Đại hội các cấp.

Từ ngày 25 đến ngày 27-5-1991, Đảng bộ tỉnh Thuận Hải tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ V (vòng 1) tại thị xã Phan Thiết, có 326 đại biểu thay mặt cho hơn 12.000 đảng viên toàn Đảng bộ về dự. Các đại biểu nghe báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của đảng viên, quần chúng vào các văn kiện dự thảo sẽ trình Đại hội

đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam và góp ý vào bản dự thảo văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V. Ý kiến đa số đại biểu tập trung vào các vấn đề cơ bản, có tính thời sự, có quan hệ mật thiết đến sự phát triển bền vững của dân tộc, của đất nước và của tỉnh nhà như vấn đề nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng trước âm mưu “diễn biến hòa bình” của địch, trước tình trạng tệ nạn tham nhũng đang phát triển; kiên trì và quyết tâm đi theo con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng và nhân dân đã lựa chọn, tin tưởng và phấn đấu thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện cả về kinh tế và chính trị, trong đó lấy đổi mới kinh tế làm trung tâm...

Những ý kiến đóng góp của đảng viên và quần chúng đối với toàn Đảng, với Đảng bộ khá sâu sắc. Đại hội đã bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội cấp trên phản ánh những ý nguyện, tâm tư đó đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII. Đảng bộ cũng tiếp thu nghiêm túc ý kiến đóng góp để chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ tỉnh (vòng 2).

Với tinh thần thẳng thắn, tự phê bình và phê bình, Đại hội phân tích những vấn đề chưa được giải quyết, yếu kém trong quá trình chỉ đạo phát triển kinh tế-xã hội những năm qua:

- Còn lúng túng khi nắm bắt và vận dụng cơ chế

mới trong điều kiện sản xuất hàng hóa nhiều thành phần. Hiệu lực quản lý và điều hành của các ngành, các cấp trước hết là tỉnh, huyện còn thấp.

- Công tác tổ chức, vận động quần chúng chưa được coi trọng đúng mức, chưa tạo được phong trào hành động cách mạng sôi nổi, liên tục trong quần chúng.

- Công tác tư tưởng và tổ chức, công tác xây dựng Đảng chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ là nguyên nhân chính dẫn đến sự yếu kém trong công tác lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

Sau Đại hội, Đảng bộ tiếp tục động viên lực lượng của mọi tầng lớp nhân dân, phấn đấu vượt qua khó khăn thách thức. Nhiệm vụ trọng tâm là đẩy mạnh sản xuất, giải quyết việc làm, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, chú trọng miền núi và các vùng dân tộc, kiên định thực hiện chính sách đổi mới, mở cửa về kinh tế với quyết tâm từng bước thoát khỏi tình trạng yếu kém, nghèo nàn. Dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải, Đảng bộ các cấp đều có sự chuẩn bị về phương hướng phấn đấu, tư tưởng đón nhận và thực hiện các quyết định có tính lịch sử của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng.

Từ ngày 24 đến 27-6-1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII được tiến hành tại thủ đô Hà Nội. Đại hội thảo luận và thông qua các báo cáo kiểm điểm

sự lãnh đạo của Đảng từ Đại hội lần thứ VI (tháng 12-1986), Báo cáo sửa đổi Điều lệ Đảng và bầu Ban Chấp hành mới.

Đại hội Đảng đã thông qua Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả thời kỳ quá độ và Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội đến năm 2000, xác định cụ thể: Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng. Đại hội diễn ra trong không khí cởi mở, đoàn kết, thực sự là “Đại hội của trí tuệ-đổi mới-dân chủ-kỷ cương-đoàn kết”.

Đại hội tiếp tục khẳng định quyết tâm đi theo con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội, xác định 6 đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, 7 phương hướng cơ bản chỉ đạo quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn quá độ và những định hướng lớn trong chính sách kinh tế. Sau Đại hội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị tiếp tục thể chế hóa các quan điểm, phương hướng cơ bản đã nêu trong cương lĩnh, chiến lược.

Cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh rất chú ý, quan tâm theo dõi quá trình diễn biến và kết quả của Đại hội. Sau Đại hội, Đảng bộ đã khẩn trương tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội VII của Đảng gắn với việc tiến hành Đại hội Đảng các cấp

(vòng 2) và xây dựng chương trình hành động, phương hướng, nhiệm vụ cho kế hoạch 5 năm 1991-1995, trước mắt là thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế-xã hội năm 1991 của tỉnh.

Dự thảo văn kiện chuẩn bị cho Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V (vòng 2) được các Đảng bộ cơ sở, toàn thể đảng viên, các tổ chức quần chúng thảo luận, góp ý và dự kiến Đại hội sẽ được tổ chức vào cuối năm 1991, nhưng không tiến hành được vì thực hiện chủ trương của Trung ương chia tách tỉnh Thuận Hải thành hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận.

Tính đến cuối năm 1991, trên địa bàn Ninh Thuận đã đạt được một số chuyển biến bước đầu quan trọng trên các lĩnh vực: giải phóng được nhiều nguồn năng lực sản xuất; nguồn vốn trong nhân dân được huy động đầu tư mở rộng sản xuất nông nghiệp, đóng mới tàu thuyền tăng năng lực đánh bắt hải sản; nuôi tôm, bò, trồng cây công nghiệp và cây ăn trái phát triển. Tổng sản phẩm xã hội tăng 7,7% (trong đó công nghiệp chiếm tỷ trọng 23,8%, nông nghiệp 63,4%), thu nhập quốc dân tăng 7,9% so với năm 1990. Sản lượng lương thực quy thóc là 112.112 tấn, bình quân đầu người 274 kg. Kim ngạch xuất khẩu 3,795 triệu USD, thu ngân sách 20,3 tỷ đồng. Nhìn chung sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ đều có bước phát triển mới, kinh tế nhiều thành phần phát triển đa dạng, đời

sống nhân dân ở vùng đồng bằng được cải thiện khá, quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy một bước¹. Đây chính là tiền đề cho bước phát triển trong những năm sau của tỉnh Ninh Thuận mới tái lập.

1. Báo cáo Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận lần thứ VIII (tháng 10-1992).

Chương IV

ĐẢNG BỘ NINH THUẬN TÁI LẬP, TIẾP TỤC LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1992-2000)

I. NHANH CHÓNG ỔN ĐỊNH TỔ CHỨC, LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI (THÁNG 4-1992 ĐẾN 1993)

Theo đề nghị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh Thuận Hải, tại kỳ họp thứ 10 ngày 26-12-1991, Quốc hội khóa VIII đã quyết định tách tỉnh Thuận Hải thành hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. Tỉnh Ninh Thuận gồm 4 huyện thị: thị xã Phan Rang-Tháp Chàm, huyện Ninh Sơn, Ninh Hải và Ninh Phước. Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, ngày 15-1-1992, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp nhận định: tái lập tỉnh là một sự kiện quan trọng, liên quan đến mọi mặt hoạt động kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, tư tưởng, tổ chức bộ máy và cán bộ nên cần có sự chuẩn

bị chu đáo và chặt chẽ trên tinh thần bàn bạc dân chủ, công khai nhằm đảm bảo đoàn kết trong nội bộ Đảng và nhân dân hai tỉnh, sớm ổn định về mọi mặt, không kéo dài để ảnh hưởng tới kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 1992 của hai tỉnh mới. Từ những yêu cầu này, Đảng bộ đã bàn bạc và thống nhất một số nguyên tắc, chủ trương và biện pháp cần thực hiện trong quá trình tách tỉnh, xác định các vấn đề chủ yếu về tổ chức bộ máy và nhân sự, về tài chính, tài sản, các hồ sơ tài liệu; thành lập Ban chỉ đạo chia tỉnh gồm đại diện Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và một số ngành có liên quan, giúp Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo điều hành công tác chia tách tỉnh. Trong quá trình tiến hành, Đảng bộ thường xuyên nắm sát tình hình diễn biến từng nơi, từng lúc để kịp thời uốn nắn, chú trọng làm tốt công tác tư tưởng trong từng chi bộ, Đảng bộ, cơ quan, đơn vị, nhờ vậy công việc chia tách tỉnh được tiến hành nhanh gọn, thuận lợi, đúng tiến độ đề ra.

Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận được thành lập theo Quyết định số 266-NS/TW ngày 14-3-1992 của Bộ Chính trị gồm 20 đồng chí (trong đó có 5 đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy) do đồng chí Nguyễn Trung Hậu làm Bí thư. Tỉnh mới chính thức hoạt động từ ngày 1-4-1992. Trên cơ sở đánh giá những khó khăn của tỉnh mới tách, nhất là cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống nhân dân còn khá

nghèo nàn, thiếu thốn, nhu cầu xây dựng nhiều. Thu ngân sách địa phương chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư cơ bản xây dựng tỉnh mới. Nạn thiếu đói lúc giáp hạt, bệnh tật, thất học vùng đồng bào dân tộc ở miền núi thường xảy ra trên diện rộng. Tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ cấp tỉnh mới hình thành nhưng chưa đồng bộ, vừa thiếu lại vừa yếu... Ngay sau khi được tái lập, Tỉnh ủy đã bàn phân công các đồng chí trong Ban Chấp hành và sớm ra nghị quyết về chương trình hành động để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các mặt công tác trọng tâm và trước mắt của một tỉnh mới: Một là, chỉ đạo ổn định sớm bộ máy, cán bộ, ổn định tư tưởng, ổn định một bước về cơ sở làm việc, nơi ăn ở, đời sống của cán bộ, công nhân viên các cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh. Hai là, chỉ đạo thực hiện tốt những nhiệm vụ kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh năm 1992. Ba là, tích cực chuẩn bị Đại hội Đảng bộ tỉnh và tiếp tục giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình chia tách giữa hai tỉnh¹.

Qua 6 tháng triển khai thực hiện, tỉnh đã tập trung củng cố, sắp xếp, xây dựng hình thành bộ máy Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể cấp tỉnh. Do còn thiếu một số sở, ban, ngành khi chia tách từ tỉnh

1. Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận (từ ngày 1-4-1992 đến ngày 10-10-1992).

Thuận Hải, tỉnh đã thành lập mới 10 cơ quan, ban, ngành cấp tỉnh như: Ban Dân vận Tỉnh ủy, Báo Ninh Thuận, Sở Thủy lợi và nhiều đơn vị sự nghiệp, sản xuất kinh doanh dưới sở. Trong điều kiện nguồn cán bộ còn thiếu, tỉnh đã mạnh dạn điều động, sắp xếp bổ sung lực lượng cán bộ. Số biên chế các cơ quan Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể cấp tỉnh được bổ sung tăng lên gần 2 lần so với số được điều động từ Thuận Hải ra; đã điều động, đề bạt 15 đồng chí cấp trưởng và 31 đồng chí cấp phó các sở, ban, ngành để điều hành công việc. Lực lượng vũ trang cũng được sắp xếp, củng cố cho phù hợp với yêu cầu xây dựng tỉnh mới.

Đồng thời với việc ổn định tổ chức bộ máy và cơ sở làm việc, Tỉnh ủy đã chú trọng chỉ đạo phát triển kinh tế-xã hội, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, làm nền tảng cho sự phát triển toàn diện của tỉnh mới, tập trung 3 mặt công tác lớn: đẩy mạnh sản xuất, thu tài chính ngân sách, đẩy nhanh nhịp độ xây dựng cơ bản nhằm sớm tạo cơ sở vật chất cho tỉnh mới. Nhìn chung sản xuất giữ được ổn định và có mặt phát triển, sản xuất lương thực vụ Hè Thu, vụ Mùa tăng hơn cùng kỳ năm trước. Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu như xi măng, muối, đường, thạch cao... tăng khá, giá trị sản lượng công nghiệp toàn ngành tăng 12,3% so với cùng kỳ. Thu ngân sách vượt 11,3% kế hoạch, đồng thời tranh thủ nguồn chi viện của Trung ương (tổng thu ngân

sách trong 9 tháng là 41,7 tỷ) tập trung đầu tư các công trình phục vụ sản xuất và đời sống như đầu tư các công trình thủy lợi, làm đường giao thông, cải tạo mạng lưới điện, hiện đại hóa hệ thống thông tin liên lạc, xây dựng đài Phát thanh-truyền hình, trường học, bệnh viện... Đáng chú ý là đã đảm bảo được cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ quan cấp tỉnh làm việc đúng ngày 1-4-1992. Số đông cán bộ, công nhân viên ổn định được tư tưởng, yên tâm công tác nhờ tỉnh sớm có chính sách cấp đất và hỗ trợ nhà ở cho cán bộ được điều động chưa có nơi trú ngụ. Đời sống cán bộ, công nhân viên và các tầng lớp nhân dân ổn định, một bộ phận có cải thiện; an ninh, trật tự xã hội được giữ vững. Các hoạt động văn hóa lành mạnh, văn hóa dân tộc được đẩy mạnh, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân.

Kết quả bước đầu nói trên cho thấy chủ trương chia tách tỉnh phù hợp với nguyện vọng của cán bộ và nhân dân, phù hợp với năng lực quản lý điều hành của đội ngũ cán bộ. Các chủ trương của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đề ra là đúng đắn, bao quát được các mặt công tác, chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm trên các lĩnh vực, ổn định tư tưởng, ổn định tổ chức bộ máy, đồng thời tập trung vào các nhiệm vụ chính như sản xuất, thu tài chính, xây dựng cơ bản. Quá trình chia tách tỉnh bảo đảm được mối quan hệ đoàn kết hỗ trợ giữa hai tỉnh. Sự chỉ đạo và chi viện, giúp đỡ của Trung

ương tạo thuận lợi cho Ninh Thuận khắc phục được những khó khăn ban đầu.

Tuy nhiên, do tập trung giải quyết những công việc cấp bách trước mắt nên việc thực hiện các mặt công tác chưa sâu, chưa toàn diện. Hiệu quả nền kinh tế Ninh Thuận nói chung còn thấp, phát triển chưa vững chắc, chưa đồng đều giữa đồng bằng với miền núi và chưa ổn định trong sản xuất nông nghiệp và công nghiệp. Việc giải quyết các yêu cầu bức xúc về kinh tế xã hội miền núi và giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo còn nhiều bất cập, ít hiệu quả. Nguồn thu ngân sách không đủ chi, nguồn hàng xuất khẩu còn nhỏ bé chưa tương xứng với khả năng thực tế của tỉnh. Việc sắp xếp kinh tế quốc doanh, giao đất giao rừng, giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho nông dân còn chậm. Chưa quan tâm đúng mức củng cố hợp tác xã nông nghiệp và nghề cá. Sự chuyển dịch kinh tế tiếp cận với cơ chế thị trường còn chậm.

Với yêu cầu xây dựng và phát triển toàn diện của một tỉnh mới đòi hỏi cần nhanh chóng có một bộ máy lãnh đạo và quản lý chính thức, vững mạnh, thống nhất từ cơ sở đến tỉnh, có khả năng đề ra những quyết sách lớn nhằm thúc đẩy kinh tế-xã hội phát triển trong những năm tới. Nhận thức sự cần thiết này, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh vừa tập trung chỉ đạo những công việc cấp bách trước mắt, vừa khẩn trương

chuẩn bị cho các công việc của Đại hội Đảng bộ Ninh Thuận lần thứ VIII-Đại hội Đảng bộ đầu tiên của tỉnh mới tách. Dự thảo văn kiện của Đại hội được các Đảng bộ cơ sở, toàn thể đảng viên, các tổ chức quần chúng tích cực tham gia đóng góp ý kiến.

Sau thời gian chuẩn bị khẩn trương, nghiêm túc Đại hội Đảng bộ Ninh Thuận lần thứ VIII được tổ chức từ ngày 15 đến 17-10-1992 tại thị xã Phan Rang-Tháp Chàm, có 150 đại biểu chính thức đại diện cho hơn 3.600 đảng viên về dự. Đại hội diễn ra trong bối cảnh Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII thành công rực rỡ, Cương lĩnh của Đảng, Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế xã hội của nước ta đến năm 2000 đã tạo ra động lực mới cho sự phát triển toàn diện. Đại hội phân tích sâu sắc tình hình đất nước và trong tỉnh, nêu lên những kết quả bước đầu, những thuận lợi mà tỉnh có được và những khó khăn, tồn tại trên các lĩnh vực kinh tế-xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị... đi đến nhất trí khẳng định: tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện theo con đường xã hội chủ nghĩa do Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đề ra và các Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ ba, tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ kinh tế-xã hội của Ninh Thuận trong 4 năm 1992-1995 là: "Phát huy tối đa các lợi thế của tỉnh, khắc phục khó khăn của tỉnh mới tách, nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, động viên lực

lượng của mọi tầng lớp nhân dân, sử dụng có hiệu quả liên doanh hợp tác, sự giúp đỡ của Trung ương để đẩy nhanh nhịp độ phát triển tiến kịp với yêu cầu cả nước và các tỉnh bạn. Ra sức xây dựng kinh tế, đồng thời chăm lo cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị". Với các mục tiêu chủ yếu là:

- Ổn định và phát triển sản xuất toàn diện, ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân, xóa đói giảm nghèo. Đến năm 1995, dân số tự nhiên tăng 2,1%, tốc độ phát triển bình quân năm 1992-1995 của tổng sản phẩm xã hội là 8%, thu nhập quốc dân 7%. Giá trị sản lượng nông nghiệp tăng bình quân 7%, công nghiệp tăng 10%. Giá trị xuất khẩu đạt trên 12 triệu USD. Sản lượng lương thực 135.000 tấn. Sản lượng hải sản đánh bắt 18.000 tấn. Phấn đấu động viên nguồn thu từ nội bộ nền kinh tế 16-18% và dành từ 25-30% vốn ngân sách cho đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của nền kinh tế.

- Ra sức phát triển kinh tế-xã hội miền núi, tạo bước chuyển rõ nét về kinh tế - xã hội và đời sống, căn bản khắc phục đói giáp hạt ở miền núi.

- Tăng cường quản lý đi đôi với xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động văn hóa xã hội, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng xuống cấp của các lĩnh

vực này.

- Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh, xây dựng lực lượng đi đôi với tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị kỹ thuật cho quốc phòng và an ninh.

- Thực hiện có kết quả yêu cầu đổi mới và chỉnh đốn Đảng gắn với củng cố, kiện toàn tổ chức và hoạt động bộ máy Nhà nước, các đoàn thể nhân dân, nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm với nhiệm vụ mới.

- Thực hiện dân chủ hóa xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực đi đôi với đề cao pháp luật, đảm bảo kỷ luật, kỷ cương và trật tự an toàn xã hội.

Để thực hiện những mục tiêu trên, Đại hội đề ra 7 chính sách và giải pháp lớn: Bám chắc các chủ trương, quan điểm và mục tiêu kinh tế-xã hội Đại hội đề ra, quán triệt trong Đảng bộ và toàn dân; sắp xếp lại các đơn vị kinh tế quốc doanh và tập thể; đẩy mạnh việc cấp quyền sử dụng ruộng đất và giao đất, giao rừng; thực hiện chính sách miễn giảm thuế với người trực tiếp sản xuất; huy động mọi nguồn vốn của các thành phần kinh tế; có chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và chính sách xã hội; cải tiến phương thức lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng bộ có hiệu quả.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 35 đồng chí, Ban Thường vụ Tỉnh ủy có 11 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Trung Hậu được bầu làm Bí thư, hai đồng chí Châu Thanh Xuân và Nguyễn Văn Hương làm Phó Bí thư Tỉnh ủy.

Đại hội ra lời kêu gọi toàn Đảng bộ và nhân dân Ninh Thuận phát huy truyền thống đoàn kết, tự lực tự cường, phấn đấu xây dựng Ninh Thuận ngày càng giàu đẹp.

Thời gian này, trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và những khó khăn thử thách trong nước, một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân tỏ ra hoang mang, dao động, thiếu tin tưởng vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Do vậy, mối quan tâm hàng đầu của Đảng bộ là nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về đường lối đổi mới và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Tháng 6-1992, Trung ương Đảng ra Nghị quyết 03 (Khóa VII) về quốc phòng an ninh, công tác đối ngoại, xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Tỉnh ủy Ninh Thuận ra Nghị quyết 02 ngày 14-12-1992 thực hiện nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo gồm có 7 đồng chí do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy trực tiếp làm Trưởng ban và chọn 7 điểm chỉ đạo rút kinh nghiệm chung cho toàn tỉnh. Sau đó tỉnh ban hành một số văn bản cụ thể để chỉ đạo các điểm và các cấp ủy trong

tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 theo kế hoạch của Tỉnh ủy đề ra.

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy Đảng, nâng cao chất lượng và phát triển đội ngũ đảng viên, kiện toàn đội ngũ cán bộ, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh, thắt chặt mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân. Đảng bộ xác định: đổi mới chỉnh đốn Đảng ở cơ sở là khâu trọng tâm của toàn bộ việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng, trong đó đổi mới về công tác tư tưởng, đổi mới về phương thức lãnh đạo là nhiệm vụ hàng đầu của các cấp ủy Đảng. Các bộ phận của công tác tư tưởng: báo chí; phát thanh truyền hình; thông tin tuyên truyền; sưu tầm, biên soạn lịch sử Đảng, lịch sử truyền thống... hoạt động tích cực, có hiệu quả. Tỉnh đẩy mạnh việc củng cố các tổ chức cơ sở Đảng, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Đảng gắn liền với việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế, chính trị của địa phương, chấn chỉnh, tăng cường một bước công tác cán bộ, đảng viên và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên.

Qua thực hiện nhiệm vụ đổi mới, chỉnh đốn Đảng, phần lớn đội ngũ đảng viên vẫn giữ được bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động, bi quan trước diễn biến phức tạp của quốc tế và trong nước, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và đường lối đổi mới do

Đảng đề ra. Các cấp ủy Đảng đã củng cố sắp xếp các Đảng bộ, chi bộ phù hợp với nhiệm vụ chính trị; xây dựng quy chế hoạt động các loại hình tổ chức Đảng. Tính đến cuối năm 1993 có 174/229 tổ chức cơ sở Đảng đã xây dựng xong quy chế. Qua phân tích chất lượng tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên có 9 tổ chức cơ sở Đảng yếu kém và 23 tổ chức cơ sở Đảng chưa tự xếp loại được (chủ yếu là số đơn vị mới thành lập và đơn vị đang chờ giải thể), trong 3.486 đảng viên có 2.170 đảng viên phẩm chất tốt và có năng lực công tác, 1.204 phần đầu còn hạn chế. Trong năm 1993, đã xử lý khai trừ 13 đảng viên, cách chức 4, cảnh cáo 14, khiển trách 8 và truy tố trước pháp luật 5, giải quyết 28 vụ tố cáo đảng viên và 1 vụ tố cáo tổ chức Đảng. Sau một năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) và Nghị quyết 02 của Tỉnh ủy, Đảng bộ Ninh Thuận “đã nâng một bước về năng lực lãnh đạo và quản lý điều hành các hoạt động về lĩnh vực kinh tế-xã hội, an ninh quốc phòng, về xây dựng Đảng và công tác quần chúng¹. Tuy nhiên “chưa nâng cao chất lượng lãnh đạo của Đảng bộ cơ sở, nhất là các Đảng bộ sản xuất kinh doanh. Chất lượng đảng viên còn những mặt yếu, nhất là trình độ và năng lực tiếp cận nhanh nhạy với công cuộc đổi mới”². Việc xây

1. Báo cáo sơ kết triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 về “đổi mới và chỉnh đốn Đảng”.

2. Văn kiện Hội nghị Đảng bộ tỉnh giữa nhiệm kỳ khóa VIII.

dựng Đảng về tổ chức, quy hoạch cán bộ làm chậm, chưa thực sự quan tâm bồi dưỡng cán bộ trẻ để kế cận những cán bộ lớn tuổi, năng lực yếu. Trong phương thức lãnh đạo của các cấp ủy Đảng từng lúc từng nơi còn lúng túng, chưa linh hoạt trong thực hiện cơ chế mới, chưa bám sát quy chế để hoạt động.

Với cơ cấu kinh tế được xác định trong nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII: “Nông, ngư, lâm nghiệp, công nghiệp chế biến, dịch vụ, du lịch”, Ninh Thuận tập trung phát triển kinh tế theo các lợi thế của địa phương (5 cây-3 con)¹. Hai năm đầu tái lập tỉnh, Ninh Thuận đã từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, tỷ trọng ngành công nghiệp từ 33% năm 1992 lên 34,2% năm 1993; ngành nông nghiệp từ 51% xuống còn 50,8% năm 1993; dịch vụ từ 9,4% năm 1992 lên 9,5% năm 1993. Tuy nhiên, sản xuất công nghiệp chưa phát triển theo chiều sâu, tỷ trọng nông nghiệp giảm nhưng giá trị tuyệt đối của ngành lại tăng, dịch vụ nhìn chung vẫn chưa tăng mạnh.

Chuyển biến rõ nét trong cơ cấu nông nghiệp là đã thực sự phá thế độc canh cây lúa, từ sản xuất tự túc trước đây sang sản xuất hàng hóa với sản lượng khá

1. Năm cây: lúa, nho, thuốc lá, mía, bông vải; 3 con: trâu, bò, dê, cừu.

cao, cây lúa đã chuyển vụ Đông-Xuân thành vụ sản xuất chính có năng suất từ 13-15 tấn/ha/năm ở những vùng chủ động được nước tưới tiêu của 4 huyện, thị. Điều có ý nghĩa nhất là nông dân đã mạnh dạn trồng các giống mới có năng suất và giá trị thương phẩm cao như giống bắp lai Pacific được trồng ở các xã vùng núi và trung du huyện Ninh Sơn, Ninh Phước, thị xã Phan Rang-Tháp Chàm; cây thuốc lá sợi vàng được trồng ở một số vùng thuộc huyện Ninh Sơn, Ninh Phước. Giống mía Đài Loan, Cu Ba có năng suất cao đang được trồng thí điểm để thay thế dần giống mía cũ năng suất thấp. Cây hành tây, nho đang phát triển nhanh về diện tích.

Chăn nuôi đang trở thành ngành sản xuất chính với sự tăng lên về quy mô và chủng loại, không chỉ có trâu, bò, heo mà cả dê, cừu, vịt đàn. Giá trị sản phẩm của chăn nuôi ngày càng tăng so với trồng trọt, năm 1992 chiếm 33,24% trong tổng giá trị sản phẩm ngành nông nghiệp, năm 1993 tăng lên 34,06%. Trong thành phần kinh tế hộ đã hình thành những đàn bò 20-30 con, nhiều hộ có quy mô 50-100 con, cá biệt có hộ trên 1.000 con bò.

Miền núi vùng cao chiếm 2/3 diện tích tự nhiên của tỉnh, nên lâm nghiệp được tỉnh chú trọng đầu tư phát triển. Hai năm 1992-1993 đã triển khai 14 dự án phủ xanh đất trống, đồi trọc và định canh, định cư; tiến hành giao đất, giao rừng cho đồng bào miền núi chăm

sóc và trồng rừng theo mô hình nông - lâm kết hợp. Đến năm 1993 đã giao 68.680 ha rừng cho các tổ chức Nhà nước và hộ gia đình quản lý, trong đó giao 12.460 ha cho 978 hộ ở các xã thuộc huyện miền núi Ninh Sơn.

Trong ngư nghiệp được tập trung cho việc phát triển đánh bắt và nuôi tôm để phục vụ nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu. Toàn tỉnh hiện có hơn 500 ha địa tôm công nghiệp và bán công nghiệp, hàng năm cung cấp khoảng 50 triệu con tôm giống đáp ứng nhu cầu của địa phương và trao đổi với tỉnh bạn.

Giá trị tổng sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp hai năm 1992-1993 tăng bình quân 8,8%. Công nghiệp tuy nhỏ nhưng đã được đầu tư để phát huy lợi thế của tỉnh. Tập trung vào sản xuất xi măng, muối công nghiệp, chế biến hải sản xuất khẩu. Một số sản phẩm chủ yếu tăng khá, xi măng từ 11.400 tấn năm 1992 tăng lên 15.000 tấn năm 1993; muối công nghiệp từ 58.000 tấn lên 74.000 tấn; vật liệu xây dựng, chế biến thủy hải sản... đều tăng

Những kết quả đạt được nêu trên chỉ là bước đầu trong quá trình chuyển đổi cơ chế mới theo Nghị quyết Đại hội VII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII. Sau 2 năm xây dựng tỉnh mới, nhờ có sự thay đổi cơ cấu sản xuất nên đã đáp ứng một phần hàng hóa

cho nhu cầu thị trường trong và ngoài tỉnh, tạo điều kiện cho hoạt động dịch vụ phát triển. Trong năm 1993 giá cả hàng hóa và dịch vụ ít biến động, chỉ số tăng giá bình quân 0,32%/tháng. Tổng giá trị hàng xuất khẩu 7,5 triệu USD đạt 125% kế hoạch. Tổng doanh thu kinh doanh du lịch 10,6 tỷ đồng đạt 116,5% kế hoạch, tăng 67% so với năm trước. Tuy nhiên, nền kinh tế Ninh Thuận còn trong tình trạng sản xuất hàng hóa nhỏ mang nặng tính nông nghiệp, chưa tạo được ngành kinh tế mũi nhọn, chưa có sản phẩm chủ lực cạnh tranh trên thị trường, sản phẩm xuất khẩu chủ yếu tập trung là hải sản nhưng tốc độ phát triển chậm, chưa mở rộng được liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư với các tỉnh bạn, nước ngoài, không có mặt hàng mới, chưa tương xứng với tiềm năng của địa phương

Nhằm tạo sự chuyển biến tích cực và phát triển toàn diện hơn về nông nghiệp và nông thôn ở Ninh Thuận, từ ngày 23 đến ngày 25-8-1993, Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh họp mở rộng quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) về "Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế-xã hội nông thôn". Hội nghị đã xây dựng chương trình hành động và xác định phương hướng tới: Gắn phát triển nông nghiệp với xây dựng công nghiệp chế biến nông-lâm-hải sản và ngành nghề truyền thống. Sắp xếp củng cố các đơn vị kinh tế quốc doanh nông

ng nghiệp, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động các hợp tác xã theo quan điểm mới. Tăng hộ giàu, giảm hộ nghèo; đồng thời đề ra các giải pháp cụ thể chỉ đạo các địa phương thực hiện. Những định hướng lớn về đẩy mạnh đổi mới nông nghiệp và nông thôn cùng các giải pháp cụ thể được các địa phương nhanh chóng triển khai thực hiện đã tạo động lực cho các thành phần kinh tế phát triển, làm ăn có hiệu quả hơn trong cơ chế thị trường. Kinh tế quốc doanh được sắp xếp, củng cố ổn định sản xuất. Cuối năm 1993 có 33 doanh nghiệp Nhà nước đã đăng ký theo Nghị định 338 của Chính phủ. Một số doanh nghiệp bước đầu đã đổi mới công nghệ và phương thức sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp quốc doanh đã đóng góp từ 40-42% nguồn thu cho ngân sách tỉnh.

Kinh tế tập thể đã chuyển đổi cơ chế quản lý. Năm 1993, toàn tỉnh có 97 hợp tác xã nông nghiệp và 5 hợp tác xã nghề cá, trong đó có 6 hợp tác xã nông nghiệp đã chuyển hướng theo cơ chế mới, hướng dẫn kỹ thuật và làm dịch vụ cho kinh tế hộ trong các khâu làm đất, giống, vật tư kỹ thuật, thủy nông, bảo vệ thực vật, tín dụng được hộ nông dân tin tưởng. Hơn 53% tổng số hợp tác xã đang bước đầu chuyển hướng trong việc giảm bộ máy quản lý, tổ chức làm một số khâu dịch vụ tuy mức độ đáp ứng cho sản xuất còn thấp. Các hợp tác xã nghề cá đã chuyển hình thức sang đơn vị thuyền hoạt động

tỉnh có 10 đơn vị và 100 hộ sản xuất giỏi với mức thu nhập từ 12 triệu đồng/năm trở lên¹.

Tiềm năng và thế mạnh về lâm nghiệp của Ninh Thuận những năm qua chưa được khai thác đúng mức, huyện miền núi Ninh Sơn có nhiều gỗ quý như pơmu, giáng hương, cẩm lai, gõ, sao, dầu và nhiều lâm sản có giá trị như dầu rái, chai cục, dầu ngo, song mây và một số khoáng sản quý..., nhưng đây cũng là vùng có khí hậu khô hạn khắc nghiệt, thường bị hạn hán nên năm nào cũng diễn ra đói giáp hạt, đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn. Trong Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận lần thứ VIII xác định công tác miền núi đối với tỉnh có vị trí rất quan trọng, đã đề ra nhiệm vụ phải tập trung lãnh đạo làm chuyển biến một bước rõ nét tình hình miền núi trong nhiệm kỳ Đại hội. Để đánh giá sâu sắc, toàn diện hơn về công tác miền núi theo tinh thần Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị và Quyết định số 72 của Hội đồng Bộ trưởng, tháng 4-1993, Tỉnh ủy mở Hội nghị sơ kết tình hình miền núi Ninh Thuận (1991-1993) và đề ra phương hướng, mục tiêu và những giải pháp thực hiện từ năm 1993-1995 nhằm đưa kinh tế-xã hội miền núi phát triển nhanh và vững chắc hơn. Hội nghị khẳng định: qua 3 năm thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị và Quyết định 72 của Hội đồng Bộ

1. Báo cáo năm 1992-1993 của Hội Nông dân tỉnh.

trường, tình hình kinh tế-xã hội miền núi phát triển khá hơn. Đường sá, cầu cống được đầu tư xây dựng, sửa chữa đi lại dễ dàng hơn trước, điều kiện ăn ở được cải thiện một bước, diện tích đói thu hẹp dần. Các công trình thủy lợi, trạm xá, trường học được quan tâm đầu tư hơn trước. An ninh chính trị được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể được từng bước củng cố. Tuy nhiên tình hình các mặt của miền núi chuyển biến còn chậm, không đều, khó khăn lớn nhất là khi có thiên tai, nạn đói giáp hạt thường xảy ra. Do vậy, Tỉnh ủy chỉ đạo miền núi cần phấn đấu xóa đói giảm nghèo, thu hẹp diện tích đói là nhiệm vụ cấp thiết, trước mắt, giải quyết được vấn đề cơ bản này mới có thể tạo động lực để miền núi tiến kịp miền xuôi về mọi mặt.

Từ một tỉnh mới tách với cơ sở vật chất phục vụ đời sống, sản xuất còn nghèo nàn, thiếu thốn, Ninh Thuận đã chú ý đầu tư xây dựng cơ bản đúng hướng, tập trung vào những công trình thiết yếu phục vụ sản xuất, phúc lợi xã hội và kết cấu hạ tầng như tu bổ nâng cấp 14 công trình thủy lợi lớn, nhỏ, diện tích được tưới nước tăng 1.125 ha; tu bổ 40 km đường giao thông vào vùng sâu, vùng xa; nâng cấp đường nội thị, cống thoát nước; xây dựng các công trình văn hóa, giáo dục, y tế; hiện đại hóa hệ thống thông tin viễn thông... Với cơ cấu đầu tư hợp lý nên sau hai năm tái lập, tỉnh đã tạo được một số cơ sở thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống, thay

đối bộ mặt nhiều vùng trong tỉnh. Kết quả đầu tư nói trên tuy còn thấp so với yêu cầu phát triển kinh tế nhưng đã có bước cải thiện đáng kể, góp phần thúc đẩy nhịp độ phát triển kinh tế và nâng phúc lợi xã hội so với trước khi tách tỉnh.

Tuy nhiên, trong tình hình thế giới diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch đẩy mạnh chống phá, gây chia rẽ nội bộ, đáng chú ý là chúng ra sức kích động tư tưởng kỳ thị, chia rẽ dân tộc, phát triển tôn giáo vào vùng dân tộc ít người tạo ra nhiều diễn biến phức tạp về an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Trước thực trạng trên, tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII), Đảng bộ đã lãnh đạo, chỉ đạo các ngành chức năng đảm bảo an ninh-quốc phòng, trật tự xã hội theo tinh thần: nhanh chóng ổn định tổ chức bộ máy để phát huy hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện ở các cấp, các ngành; tập trung đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế cùng với tăng cường tiềm lực cho quốc phòng-an ninh, trong đó việc đấu tranh chống “diễn biến hòa bình” của địch được đặt lên hàng đầu.

Ngày 21-8-1993, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ra Nghị quyết 05 về tăng cường nhiệm vụ an ninh-quốc phòng, nhằm thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới. Nghị quyết của Tỉnh ủy nhấn mạnh phải: “nhận thức sâu sắc âm mưu của địch, nâng cao cảnh giác, phát huy sức mạnh tổng hợp các lực

lượng, đẩy mạnh phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng thế trận an ninh nhân dân, kết hợp với thế trận quốc phòng toàn dân". Thực hiện Nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh ủy, các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương, các đơn vị cơ sở thường xuyên tổ chức học tập, sinh hoạt thời sự nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên trước những luận điệu xuyên tạc của kẻ địch, củng cố niềm tin đối với quan điểm đổi mới của Đảng. Đồng thời tăng cường công tác quản lý văn hóa phẩm, nhất là nguồn từ nước ngoài đưa vào, chỉ đạo các cơ quan tuyên huấn, thông tin văn hóa, giáo dục, thông tin tuyên truyền đúng hướng, chống lại các luận điệu xuyên tạc của địch. Ngành Công an tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ra Chỉ thị 35 thực hiện Quyết định 1388 của Bộ Văn hóa Thông tin, phối hợp kiểm tra việc thực hiện ở các địa bàn trọng điểm, phát hiện xử lý những trường hợp vi phạm pháp luật, tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ của đông đảo quần chúng nhân dân, từng bước lập lại trật tự trên lĩnh vực văn hóa.

Để chống lại những âm mưu, thủ đoạn của địch đang ra sức kích động quần chúng gây rối, bạo loạn, Đảng bộ đã chỉ đạo ngành Công an và Mặt trận phối hợp nắm tình hình, xác định nguyên nhân, trên cơ sở đó tham mưu, đề xuất cấp ủy, chính quyền có biện pháp giải quyết ổn định tình hình ở các điểm nóng. Đồng thời chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đông bào có

đạo, đồng bào dân tộc, qua đó tranh thủ sự đồng tình của quần chúng, tập trung củng cố phong trào quần chúng tự quản về an ninh, đưa phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc đi vào chiều sâu, phát hiện và kiên quyết đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội. Các lực lượng công an, bộ đội, dân quân tự vệ, phối hợp chặt chẽ cùng toàn dân phát hiện và tích cực đấu tranh chống tệ tham nhũng, buôn lậu. Trong 2 năm 1992-1993, tỉnh đã phát hiện 70 vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, đã thanh tra, điều tra, kết luận 55 vụ, gây thiệt hại 2,3 tỷ đồng, xử lý hành chính và truy tố 39 đối tượng, thu hồi cho Nhà nước 1.056 tỷ đồng. Cũng trong thời gian này, dưới sự chỉ đạo của Thường vụ Tỉnh ủy, các ngành công an, quân sự, biên phòng tỉnh thống nhất chỉ huy triển khai kế hoạch *Đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, bảo vệ an ninh-quốc phòng trong tình hình mới*. Tỉnh đã xây dựng kế hoạch và triển khai tổ chức diễn tập phương án chung và phương án cho từng địa phương về chống bạo loạn, lật đổ, kịp thời phát hiện ngăn chặn các trường hợp gián điệp xâm nhập thu thập tin tức tình báo, phát hiện xử lý các tàu thuyền nước ngoài xâm phạm lãnh hải, bảo vệ an toàn hoạt động của tàu thuyền trên biển. Nhờ vậy, qua 2 năm tách tỉnh, tuy tình hình an ninh trật tự còn diễn biến phức tạp, những

1. Theo Chỉ thị số 18-CT/LB Nội vụ-Quốc phòng ngày 17-11-1992.

yếu tố, mầm mống gây mất ổn định còn tồn tại nhưng về cơ bản tình hình an ninh trật tự Ninh Thuận được giữ vững, tạo thuận lợi cho việc phát triển kinh tế xã hội và thực hiện các chương trình chính sách của Đảng ở địa phương.

II. GIỮ VỮNG ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN, TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (NĂM 1994 ĐẾN THÁNG 4-1996)

Sau những năm thực hiện công cuộc đổi mới, nhất là hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, Ban Chấp hành Trung ương quyết định triệu tập Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ từ ngày 20 đến ngày 25-1-1994, nhằm tổng kết một bước thực tiễn, rút ra những bài học kinh nghiệm để tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới đến thắng lợi và đúng hướng. Hội nghị xác nhận, đất nước đạt được 3 thành tựu: khắc phục một bước rất quan trọng tình hình khủng hoảng kinh tế-xã hội; tiếp tục giữ vững và củng cố ổn định chính trị; mở rộng quan hệ đối ngoại. Tuy nhiên, cũng còn tồn tại 3 mặt yếu kém: nền kinh tế còn mang tính chất nông nghiệp lạc hậu; văn hóa - xã hội vẫn là lĩnh vực có nhiều vấn đề lớn, bức xúc chưa được giải quyết; tình hình chính trị vẫn còn nhiều nhân tố phức tạp. Hội nghị cũng nêu lên 4 nguy cơ lớn: nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế; khả năng đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa; nạn tham nhũng và tệ quan liêu; âm mưu và hành động "diễn

Đảng, chính quyền còn nhiều lúng túng, ít hiệu quả.

Trên cơ sở phân tích rõ hơn tiềm năng và thế mạnh kinh tế của Ninh Thuận, cũng như rút kinh nghiệm những mặt yếu kém, tồn tại trong quản lý điều hành, Hội nghị đã chỉ ra nhiệm vụ chủ yếu của tỉnh nhà trong thời kỳ phát triển mới của đất nước: ra sức đẩy lùi đồng thời 4 nguy cơ¹, không xem nhẹ nguy cơ nào nhưng cần ra sức khắc phục nguy cơ tụt hậu về kinh tế so với các tỉnh trong vùng và cả nước, xem đây là tiền đề cho việc thực hiện những nhiệm vụ còn lại của nhiệm kỳ Đại hội.

Để giành được thắng lợi có ý nghĩa quyết định trên, Đảng bộ đề ra phương hướng và giải pháp chủ yếu về phát triển sản xuất, kinh doanh - dịch vụ của các thành phần kinh tế. Đặc biệt là tập trung đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa kinh tế nông nghiệp, nông thôn; sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước, các hợp tác xã nông-ngh nghiệp theo tinh thần đổi mới của Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII). Khuyến khích tư nhân đầu tư vốn vào sản xuất, chế biến nông, hải sản, chăn nuôi... Phát triển tiểu thủ công nghiệp; mở rộng và phát triển kinh tế đối ngoại, tăng kim ngạch xuất khẩu; đẩy mạnh việc tạo nguồn vốn cả bên trong và bên ngoài; chăm lo tốt

1. Bốn nguy cơ mà Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng đã nói tới.

hơn các vấn đề xã hội như giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, phát triển giáo dục-đào tạo, y tế, khoa học-công nghệ, nhất là tạo bước chuyển biến về kinh tế-xã hội, an ninh-quốc phòng và xây dựng Đảng ở miền núi và vùng đồng bào dân tộc.

Từ sau Hội nghị giữa nhiệm kỳ, Đảng bộ và nhân dân Ninh Thuận tiếp tục tập trung mọi nguồn lực, phát triển kinh tế xã hội, tạo đà thúc đẩy cho việc hoàn thành kế hoạch 2 năm 1994-1995, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII đã đề ra.

Nhằm chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa, trên cơ sở quán triệt và tiếp tục thực hiện Nghị quyết 10 Bộ Chính trị (khóa VI) về đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp, Nghị quyết 05 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, Tỉnh ủy đã quyết định các chủ trương, giải pháp chính về nông nghiệp như: quy hoạch vùng lúa cao sản 8.000 ha, chuyển vụ Đông-Xuân thành vụ chính, thay đổi cơ cấu giống các cây lương thực, cây công nghiệp, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào các khâu sản xuất, phát triển chăn nuôi lên miền núi... Các giải pháp đó đã thúc đẩy nông nghiệp phát triển tương đối toàn diện về chiều rộng lẫn chiều sâu. Từ năm 1992-1995, nhịp độ phát triển nông nghiệp tăng bình quân hàng

năm 8,9% (chỉ tiêu đề ra 7%), sản lượng lương thực đạt 140.000/135.000 tấn, năng suất bình quân lúa trên diện tích gieo trồng từ 38,3 tạ năm 1991 lên 44 tạ năm 1995, căn bản cân đối được lương thực trong tỉnh. Các loại cây công nghiệp và cây thực phẩm có giá trị kinh tế cao như nho, mía, thuốc lá, hành, tỏi không ngừng tăng nhanh về diện tích và sản lượng. Sản lượng chăn nuôi tăng bình quân là 7,7%, đàn bò tăng 10.000 con, đàn heo và dê cừu tăng gấp đôi so với năm 1992. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong tỉnh được cải thiện một bước, gần 70% số hộ ở nông thôn đã có điện, số hộ giàu từ 5,7% năm 1992 lên 6,06% năm 1995, số hộ trung bình và khá từ 66,2% lên 71,21%, số hộ nghèo từ 28,1% giảm xuống còn 22,7%¹.

Từ yêu cầu phát triển sản xuất trong cơ chế thị trường, hầu hết các lâm trường quốc doanh đã chuyển hướng từ quản lý sản xuất sang làm dịch vụ và hướng dẫn kỹ thuật, các lâm trường trong tỉnh chuyển sang trồng rừng, phát triển kinh tế miền núi theo chương trình 327, nhờ vậy hạn chế dần nạn khai thác và buôn bán gỗ trái phép. Một số hợp tác xã đã chuyển từ chế độ bao cấp sang chức năng kinh doanh ở các khâu dịch vụ mà kinh tế hộ làm ít có hiệu quả như làm đất, thủy nông, giống,

1. Báo cáo số 28/BC, ngày 27-07-2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh-Biểu tổng hợp.

cung ứng vật tư, tiêu thụ nông sản... đã có tác dụng phát huy quyền tự chủ sản xuất của hộ nông dân. Tuy vậy, số hợp tác xã chuyển đổi có kết quả này chiếm tỷ lệ rất ít (13,2%), phần lớn hợp tác xã còn nhiều hạn chế, lúng túng trong việc xác định phương hướng kinh doanh và quản lý nên hiệu quả thấp, ít lãi, một số hợp tác xã thuộc vùng màu sản xuất bắp bênh đã tự tan rã. Ở nông thôn, hình thức hợp tác mới bắt đầu xuất hiện dưới dạng hợp tác lao động như: tổ làm đất, tổ thu hoạch, tổ làm thủy lợi...; trong nghề cá đang hình thành hợp tác xã theo đơn vị thuyền nghề, các thành viên góp cổ phần để mua sắm phương tiện và phân phối theo vốn, theo lao động đóng góp. Tuy chưa đủ yếu tố là một đơn vị kinh tế nhưng các tổ chức này đã giúp hộ nông dân một số khâu trong quá trình sản xuất, tạo tiền đề cho sự hình thành các hợp tác xã mới khi có đủ điều kiện.

Với chủ trương đổi mới nội dung và hình thức quản lý các hợp tác xã nông nghiệp, cùng với việc triển khai mạnh việc cấp quyền sử dụng ruộng đất lâu dài đến các hộ nông dân đã ngày càng phát huy vai trò tự chủ trong sản xuất kinh doanh của hộ nông dân. Được sự hướng dẫn của chính quyền các cấp, các hộ nông dân tập trung đầu tư chủ yếu vào các cây công nghiệp, thực phẩm có giá trị kinh tế cao và các ngành nghề có thế mạnh của địa phương, đã dẫn đến sự hình thành nhanh

chống các vùng chuyên canh sản xuất lớn như những cánh đồng nho tập trung ở các xã Phước Dân, Phước Hữu, Phước Nam, An Hải, Phước Thuận, Phước Sơn (Ninh Phước), Tấn Tài, Thành Hải (Phan Rang), đưa diện tích trồng nho từ 500 ha năm 1991 lên 2.120 ha năm 1995. Tạo thêm các vùng sản xuất mới của cây hành ở Nam Cường, Tuấn Tú, Sơn Hải (Ninh Phước), Thái An, Mỹ Hòa (Ninh Hải), tăng diện tích từ 113 ha năm 1991 lên 250 ha năm 1995. Cây thuốc lá được tập trung sản xuất ở các xã Phước Sơn, Nhơn Sơn, Mỹ Sơn. Ngành thủy sản bước đầu có những phát triển về khai thác, nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu. Khai thác trên biển được chú ý đầu tư trang bị kỹ thuật mới, từng bước vươn ra khơi, sản lượng đánh bắt tăng 19.500/18.000 tấn. Nghề nuôi trồng thủy sản phát triển khá mạnh, đã hình thành 2 vùng nuôi tôm lớn tại Đầm Nai và Phú Thọ, đặc biệt nghề nuôi tôm giống đang trở thành nghề sản xuất kinh doanh không những cung cấp đủ con giống cho địa phương mà còn xuất mạnh vào các tỉnh Nam Bộ. Qua thực tế này chúng ta vai trò kinh tế hộ có tiềm năng vươn lên rất lớn khi hộ tự chủ về sản xuất kinh doanh trong cơ chế mới.

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn Ninh Thuận bước đầu có sự chuyển dịch theo hướng sản xuất nông-thủy sản hàng hóa, tăng giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích. Bộ mặt nông thôn được đổi mới;

hệ thống giao thông, thủy lợi, điện, trường học, trạm y tế, phát thanh truyền hình... được nâng cấp và xây dựng mới. Tuy nhiên, việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn vẫn còn chậm, thiếu các chương trình cụ thể và các giải pháp có hiệu quả, đáng chú ý là về vốn, công nghệ, thị trường. Nông nghiệp chưa thoát khỏi sản xuất độc canh và thuần nông. Ngành nghề chậm phát triển, nông sản hàng hóa ít, lao động thiếu việc làm còn nhiều. Ninh Thuận vẫn chưa có đủ điều kiện về nhân lực và tài lực để xây dựng, phát triển đội tàu đánh bắt xa bờ.

Chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa trên địa bàn tỉnh được thực hiện có kết quả. Kinh tế Nhà nước được sắp xếp lại, bước đầu thích nghi với cơ chế thị trường và vẫn giữ vị trí quan trọng trong nền kinh tế. Số doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả tăng lên, mức nộp ngân sách chiếm tỷ trọng gần 50% trong tổng số thu từ khu vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Các sản phẩm như xi măng, vật liệu xây dựng, hàng hải sản xuất khẩu, một số mặt hàng nông sản được người tiêu dùng trong và ngoài nước tín nhiệm. Kinh tế ngoài quốc doanh được khuyến khích phát triển, đặc biệt loại hình kinh doanh tư nhân có quy mô vừa và nhỏ, đầu tư ít và mau thu hồi vốn tăng gấp 3 lần so với năm 1992 tạo ra khối lượng hàng

hóa và dịch vụ khá lớn góp phần đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội.

Tuy nhiên, kinh tế Nhà nước ở Ninh Thuận quy mô còn nhỏ, trình độ sản xuất, kinh doanh chưa theo kịp với yêu cầu, một số doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, tồn tại chỉ mang tính hình thức. Các loại hình hợp tác xã kiểu cũ không còn phát huy tác dụng, hoạt động kém hiệu quả, thiếu mạnh dạn và lúng túng trong việc chuyển sang mô hình mới; những mô hình hợp tác mới ra đời chưa được hướng dẫn và nhân rộng. Đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, còn thiếu các chính sách khuyến khích, động viên các thành phần kinh tế tư nhân đầu tư vào khu vực sản xuất công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản, hàng tiêu dùng; đáng chú ý là chưa thu hút nhiều các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài (các liên doanh muối Dầm Vua, sản xuất rượu Nho, xây dựng cầu tàu Cà Ná chỉ mới là dự án). Kim ngạch xuất khẩu tuy đạt chỉ tiêu đề ra là 12 triệu USD (năm 1994) nhưng chiếm 95% vẫn là hàng thủy sản, các mặt hàng nông sản và công nghiệp chiếm tỷ lệ quá ít, chưa thực sự là những ngành sản xuất mũi nhọn của địa phương mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII đã đề ra¹.

1. Chỉ tiêu đến năm 1995 hàng nông sản và công nghiệp chiếm 30% giá trị xuất khẩu.

Quán triệt quan điểm chỉ đạo phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII), tháng 11-1994 Ban Chấp hành Đảng bộ Ninh Thuận họp mở rộng và ra Nghị quyết 23 về “Phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp, khoa học-công nghệ và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn 1994-1995 và đến năm 2000”. Đảng bộ khẳng định vai trò của khoa học, công nghệ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tầm quan trọng của việc xây dựng đội ngũ công nhân trong tình hình mới. Nhận thức khoa học-công nghệ là nhân tố hết sức quan trọng để khắc phục sự tụt hậu về mặt kinh tế của tỉnh, trong những năm đổi mới, Đảng bộ đã chú trọng đến việc tiếp thu các công nghệ tiên tiến, triển khai công nghệ ứng dụng tạo nên sự chuyển biến bước đầu quan trọng trong các ngành kinh tế, làm cho cơ cấu kinh tế công nghiệp của Ninh Thuận ngày càng chuyển dịch theo hướng tích cực.

Từ năm 1992 đến năm 1995, Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường (khi tách tỉnh là Ban Khoa học - kỹ thuật tỉnh) đã tiến hành nghiên cứu hàng chục đề tài thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản và công nghiệp; một số đề tài đã áp dụng vào thực tế có hiệu quả như: lai tạo giống dê, bò, trồng thử nghiệm các giống ngô lai,

bông lai, nho, xử lý môi trường nuôi tôm... Các hoạt động khuyến nông, khuyến ngư, chương trình IPM của tỉnh ngày càng được nông dân, ngư dân hưởng ứng, mang lại hiệu quả thiết thực đối với sản xuất.

Hướng chuyển dịch cơ cấu đối với công nghiệp tập trung vào hiện đại hóa công nghiệp chế biến, sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, giá trị tổng sản lượng công nghiệp đạt nhịp độ bình quân hàng năm 9,1% (chỉ tiêu là 10%). Tỉnh tập trung đổi mới thiết bị công nghệ sản xuất một số mặt hàng có nhu cầu tiêu thụ lớn trong và ngoài nước như muối công nghiệp, đường, xi măng, chế biến hải sản; đầu tư cho ngành xây dựng, máy công cụ sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp, phương tiện giao thông vận tải, trang bị cho công nghiệp chăn nuôi và trồng trọt, chế biến thủy hải sản...; đồng thời coi trọng việc xây dựng các cơ sở công nghiệp mới như chế biến rượu vang nho, gạch Tuynen; cải tạo và mở rộng mạng lưới truyền tải điện, bưu chính viễn thông... tạo được một số tiền đề cho bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh trong giai đoạn tiếp theo. Tiểu thủ công nghiệp phát triển đa dạng với nhiều ngành nghề tập trung vào các ngành sửa chữa, xay xát lương thực; bước đầu đã khôi phục một số hàng thủ công mỹ nghệ: đồ gốm, thổ cẩm, dệt chiếu... góp phần tạo việc làm cho hàng ngàn người lao động.

Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng công nghiệp còn chậm,

không đạt chỉ tiêu đề ra. Tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu các ngành kinh tế vẫn còn thấp so với cả nước: 13,7/29,6% (tính đến năm 1995). Phần lớn trang thiết bị máy móc ở các cơ sở sản xuất rất cũ kỹ, lạc hậu, nhiều thiết bị được sản xuất trước năm 1945 như ở xí nghiệp muối Cà Ná, nhà máy đường Tháp Chàm, nhà máy xay xát Phũ Hà, xí nghiệp sản xuất thạch cao... chưa được đổi mới thay thế. Một số cơ sở được trang bị từ sau ngày giải phóng nhưng không đồng bộ, lại lạc hậu nên năng suất lao động thấp, sản phẩm làm ra chất lượng kém, thiếu sức cạnh tranh trên thị trường. Nhìn chung, trình độ công nghiệp hóa ở các ngành còn thấp, phần lớn sản phẩm xuất khẩu còn ở dạng thô hoặc chế biến đơn giản, giá trị kinh tế thấp. Công nghiệp xây dựng, du lịch và dịch vụ còn yếu, loại hình kinh tế tư nhân và hợp tác xã có phát triển nhưng chưa đáng kể. Đội ngũ cán bộ quản lý còn yếu về chuyên môn và kinh nghiệm. Công nhân lành nghề đang rất thiếu, các ngành nghề đào tạo chưa gắn với nhu cầu phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu nghề trên địa bàn tỉnh.

Dầu tư cơ bản trên địa bàn tỉnh 4 năm qua tăng khá và có hiệu quả, bước đầu tạo tiền đề cho sự tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tỉnh đã tranh thủ được nguồn vốn của Trung ương và khai thác nguồn lực địa phương tập trung đầu tư cho sản xuất và xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội với tổng vốn chiếm 89%,

trong đó chú trọng sửa chữa và xây mới các công trình thủy lợi, cảng cá, đường giao thông nông thôn và nội thị, tăng năng lực sản xuất một số ngành quan trọng như: đường, muối công nghiệp, chế biến thủy sản xuất khẩu... Tuy nhiên, mặc dù kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội trên phạm vi toàn tỉnh có cải thiện nhưng về cơ bản còn thiếu thốn và lạc hậu, khoảng cách giữa thu và chi ngân sách còn lớn (89,6/150,9 tỷ năm 1995), hàng năm Trung ương còn phải hỗ trợ ở mức cao.

Trong những năm đổi mới, đời sống văn hóa-văn nghệ cũng không thoát khỏi những khó khăn, thử thách chung của đất nước. Mặt trái của nền kinh tế thị trường đã tạo điều kiện cho các loại văn hóa độc hại du nhập tràn lan vào nước ta gây tác động xấu về tư tưởng, đạo đức, lối sống đối với cán bộ, đảng viên, nhất là thế hệ trẻ. Quan điểm thực dụng chi phối mạnh mẽ đã bộc lộ khuynh hướng thương mại trong giáo dục, văn hóa, nghệ thuật... Mặt khác, sự buông lỏng quản lý Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật càng làm tăng thêm mức độ gay gắt của những thách thức này. Để giải quyết những vấn đề bức xúc đặt ra từ thực tiễn cuộc sống, Nghị quyết 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Khóa VII (ngày 14-1-1993) đã có những chủ trương, định hướng lớn cho hoạt động văn hóa-nghệ thuật của đất nước. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, Tỉnh ủy Ninh Thuận ra Nghị quyết 13 đề ra các mục tiêu, phương

hướng cụ thể đối với sự nghiệp phát triển văn hóa, văn nghệ tỉnh nhà. Nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền về vị trí, vai trò quan trọng của sự nghiệp văn hóa - văn nghệ có chuyển biến rõ hơn và từ đó có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, đầu tư về cơ sở vật chất, kinh phí tốt hơn. Mức đầu tư kinh phí cho các hoạt động văn hóa ngày càng tăng, các hoạt động thông tin tuyên truyền, văn hóa - văn nghệ quần chúng được duy trì và phát triển.

Công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực văn hóa - văn nghệ từng bước được chấn chỉnh và đi dần vào nề nếp. Các đoàn kiểm tra văn hóa liên ngành được thành lập và tăng cường công tác quản lý. Nhờ đó, trật tự kỷ cương nhìn chung được giữ vững. Bên cạnh việc tăng cường chống văn hóa độc hại, phản động, tỉnh cũng đẩy mạnh các hoạt động văn hóa theo phương hướng giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Ngành văn hóa thông tin tăng cường các đoàn cán bộ đi công tác ở cơ sở, miền núi, đi xây dựng các làng văn hóa. Các đơn vị thông tin lưu động, chiếu bóng, đoàn nghệ thuật bán chuyên Chăm, Nhà Bảo tàng, Thư viện, Nhà Văn hóa... đều hướng về cơ sở hoạt động. Các đoàn nghệ thuật có sự đổi mới, đa dạng, nhiều đoàn nghệ thuật đạt giải cao trong các hội diễn khu vực và trên toàn quốc. Sở Văn hóa Thông tin tích cực triển khai công tác quản lý, bảo vệ các di tích lịch sử và di tích

cách mạng, chú trọng việc bảo tồn, phát huy văn hóa nghệ thuật dân gian các dân tộc trong tỉnh, tiến hành xây dựng thí điểm các làng văn hóa¹ để nhân ra diện rộng. Mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân trong tỉnh không ngừng được nâng lên.

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo của Ninh Thuận khi tách tỉnh gặp không ít khó khăn, thử thách: học sinh phổ thông bỏ học với tỷ lệ cao, nhất là các xã miền núi tỷ lệ bỏ học có lúc lên tới 33,52%, giáo viên bỏ ngành gia tăng, quy mô dạy nghề, trung học chuyên nghiệp thu hẹp... Điều này dẫn đến tình trạng giáo dục suy giảm, không đáp ứng yêu cầu. Trước tình hình đó, vận dụng những quan điểm, chủ trương của Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ VII và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 4 (khóa VII) về đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo, Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết 08-NQ/TV (ngày 18-11-1993) xác định: giáo dục-đào tạo là quốc sách hàng đầu, với nhiệm vụ là tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo, nhằm “nâng cao dân trí, đào tạo bồi dưỡng nhân tài”, đồng thời chủ trương “phải huy động toàn xã hội làm giáo dục, động viên nhân dân chăm lo sự nghiệp giáo dục, vừa mở rộng quy mô đào tạo phù hợp với phương hướng phát triển, vừa ra sức nâng cao chất lượng đào tạo, hiệu quả

1. Tiến hành thí điểm từ năm 1993.

giáo dục... Mạnh dạn đa dạng hóa hình thức đào tạo, mở rộng hoạt động hướng nghiệp dạy nghề, coi trọng giáo dục vùng núi, vùng dân tộc ít người, vùng xa xôi hẻo lánh". Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, ngành giáo dục và chính quyền các cấp; sự nghiệp giáo dục và đào tạo Ninh Thuận những năm 1992-1995 từng bước được đổi mới, phát triển.

Các trường lớp tiếp tục mở rộng theo hướng xã hội hóa, đa dạng hóa các loại hình đào tạo, bước đầu ngăn chặn tỷ lệ học sinh lưu ban, bỏ học. Số học sinh phổ thông tăng từ 75.940 học sinh (năm 1992) lên 93.200 học sinh (năm 1995). Số người được huy động ra các lớp phổ cập từ 1.434 người năm 1992 tăng lên 6.000 người năm 1995. Tỉnh đã hoàn thành việc tách cấp I thành bậc Tiểu học, đào tạo đa hệ ở trường Sư phạm, hình thành các trường, lớp bán công, thí điểm trường chuyên ban, trường chất lượng cao. Đáng chú ý là loại hình bán công, mẫu giáo tư thục phát triển khá nhanh, mở thêm trường bán trú ở 2 xã miền núi Phước Đại và Ma Nới... góp phần giúp học sinh tỉnh nhà, nhất là học sinh ở miền núi, vùng sâu, vùng xa thuận lợi trong việc đến trường, lớp, tạo khả năng thu hút tối đa số học sinh bậc tiểu học và nhờ đó giảm dần đối tượng phổ cập tiểu học. Hệ đào tạo tại chức, chuyên tu, đào tạo ngoại ngữ, tin học... thu hút ngày càng nhiều lực lượng cán bộ, công nhân viên chức, học sinh phổ thông, thanh niên

Từ phường, xã đến các khu dân cư, công tác tuyên truyền, vận động gắn với dịch vụ kế hoạch hóa gia đình được chú trọng triển khai đến từng đối tượng. Nhờ vậy, đến năm 1995 đã giảm tốc độ phát triển dân số tự nhiên từ 3,18% năm 1992 xuống còn 2,53% (mục tiêu là 2,1%). Việc thực hiện mục tiêu tuy chưa đạt yêu cầu đề ra, song trong điều kiện còn nhiều khó khăn của một tỉnh mới tách thì thành tích trên là cố gắng lớn của hoạt động dân số - kế hoạch hóa gia đình.

Tuy vậy, trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân còn bộc lộ nhiều yếu kém, nhất là thái độ phục vụ của một số cán bộ y tế. Vấn đề bảo hiểm y tế chữa bệnh cho người nghèo chưa có biện pháp giải quyết tốt. Công tác quản lý y dược tư nhân, vệ sinh phòng dịch, vệ sinh thực phẩm làm chưa chặt chẽ, gây nỗi lo cho nhân dân. Tỷ lệ phát triển dân số của Ninh Thuận vẫn còn cao so với bình quân cả nước. Trang thiết bị và trình độ cán bộ y tế ở tuyến huyện và cơ sở vừa thiếu, vừa yếu, chất lượng điều trị còn hạn chế.

Cùng với việc tập trung phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế... các cấp ủy Đảng, chính quyền đã quan tâm giải quyết các chương trình xã hội với những mục tiêu, giải pháp cụ thể. Bên cạnh việc sử dụng các nguồn vốn theo chương trình Nhà nước như nguồn vốn 327, vốn định canh định cư, vốn giải quyết việc làm, vốn xóa đói giảm nghèo... Tỉnh còn khuyến khích các tổ

chức quần chúng như nông dân, phụ nữ, thanh niên xây dựng các phong trào giúp nhau làm kinh tế, hỗ trợ vốn góp phần quan trọng giải quyết việc làm, thực hiện xóa đói giảm nghèo. Nhờ vậy, hàng năm giải quyết trên 4.000 lao động có việc làm. Số hộ nghèo đã giảm đáng kể và ngày càng xuất hiện nhiều hộ khá giả, giàu có. Điều kiện ăn ở, đi lại, học tập, chữa bệnh và sinh hoạt của đại bộ phận nhân dân đã được cải thiện một bước.

Đối với các hộ nghèo và vùng đồng bào dân tộc miền núi, tỉnh đã thực hiện nhiều chính sách ưu đãi. Người nghèo được ưu tiên vay vốn với nhiều nguồn vốn khác nhau, được hướng dẫn cách làm ăn và được hưởng một số chính sách ưu đãi xã hội khác... Những năm 1993-1995, đời sống người nghèo có chuyển biến khá hơn, riêng miền núi đã hạn chế nạn thiếu đói giáp hạt, trong 3 năm có hơn 1.600 hộ được giao khoán bảo vệ rừng tạo điều kiện cho gần 10% hộ miền núi giảm bớt khó khăn về đời sống. Hầu hết các thôn bản đã có lớp tiểu học, các xã đều có trạm y tế. Công tác chăm sóc sức khỏe và đời sống vùng đồng bào dân tộc có khá hơn trước.

Cuộc vận động “đền ơn đáp nghĩa” đối với những người có công với cách mạng, thương binh, gia đình liệt sĩ đã thu hút sự quan tâm và tham gia của các tổ chức trong xã hội. Nhiều doanh nghiệp, cơ quan, đoàn thể

đã tặng sổ tiết kiệm, nhận nuôi dưỡng các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ... góp phần giảm bớt khó khăn cho các đối tượng chính sách, tạo thêm niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước.

Chương trình “xóa đói giảm nghèo” vẫn còn có mặt hạn chế. Nhiều địa phương còn lúng túng trong việc lập phương án, xây dựng kế hoạch, điều phối lồng ghép để thực hiện chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo với các chương trình kinh tế-xã hội khác. Việc đào tạo hướng nghiệp dạy nghề, giải quyết việc làm cho những người trong độ tuổi lao động còn chậm. Lao động chưa có việc làm vẫn còn nhiều ở thị xã và nông thôn. Phong trào “đền ơn đáp nghĩa” chưa thực sự trở thành phong trào rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân.

Ninh Thuận là địa bàn có vị trí quan trọng về kinh tế, quốc phòng và gồm nhiều dân tộc, tôn giáo. Trong điều kiện mở cửa, lợi dụng danh nghĩa các đoàn từ thiện, đi du lịch hoặc về thăm thân nhân, một số phần tử phản động ở nước ngoài đã tìm cách móc nối, kích động các phần tử xấu trong tỉnh, tăng cường các hoạt động phá hoại bằng nhiều thủ đoạn thâm độc. Nổi lên là các hoạt động lợi dụng, đội lốt tôn giáo, dân tộc, và các đối tượng trong số nguy quân, nguy quyền cũ không chịu cải tạo, khôi phục hình thành tổ chức cũ và các tổ chức trá hình để đẩy mạnh các hoạt động chống đối.

Trước tình hình phức tạp trên, thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII), Đảng bộ luôn quán triệt hai nhiệm vụ chiến lược: vừa tập trung phát triển kinh tế-xã hội, vừa xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh. Cuối năm 1993, Tỉnh ủy tổ chức sơ kết một năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 và ra Chỉ thị chỉ đạo tăng cường nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới. Đến năm 1995, lực lượng vũ trang của tỉnh có bước trưởng thành trên cả ba mặt: tư tưởng, tổ chức và trang bị khí tài. Các địa phương đã xây dựng và hoàn thiện dần các phương án A1, A2, tổ chức diễn tập phòng thủ cấp tỉnh, huyện đạt kết quả tốt, trình độ tổ chức chỉ huy và hợp đồng tác chiến được nâng lên. Bộ đội chủ lực, dân quân tự vệ và quân dự bị động viên không ngừng tăng về số lượng, nâng cao ý thức cảnh giác, khả năng phòng thủ trong tình hình mới. Công tác tuyển quân hàng năm đều đạt chỉ tiêu đề ra.

Việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 về quốc phòng- an ninh gắn với xây dựng củng cố tổ chức cơ sở Đảng và các nghị quyết của Bộ Chính trị về xây dựng các đoàn thể quần chúng; xây dựng lực lượng công an, quân sự xã - phường làm nòng cốt cho phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc... đã tạo được chuyển biến tích cực: Mô hình tổ chức thôn được hình thành rộng rãi, các mô hình quần chúng tự quản về an ninh, trật tự được củng cố và phát triển đi vào hoạt động có hiệu quả, nhiều hình thức hoạt động phong phú. Đó là những

yếu tố cơ bản để phát huy phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc và tăng cường công tác bảo vệ an ninh chính trị nội bộ nhằm chủ động đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của địch. Lực lượng công an có sự phối hợp đồng bộ với các đoàn thể, ban ngành và sự giúp đỡ của nhân dân chủ động phát hiện và xử lý tốt các điểm nóng, mở các cao điểm tấn công tội phạm, giữ vững ổn định về an ninh chính trị và tạo bước chuyển biến về trật tự an toàn xã hội. Từ năm 1992-1995, tỉnh đã phát hiện xử lý hơn 100 vụ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa; ngăn chặn hàng ngàn vụ vận chuyển hàng lậu; vận động được 48 đối tượng phạm tội đang lẩn trốn ra đầu thú, hầu hết được giáo dục, quản lý tại địa phương.

Sau khi tái lập tỉnh, các cấp ủy Đảng đã quan tâm chỉ đạo củng cố bộ máy và tăng cường công tác cán bộ, nhất là sau kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp (20-11-1994), bộ máy chính quyền các cấp được củng cố và kiện toàn một bước cả về hiệu quả, hiệu lực điều hành. Đã đề bạt, bổ nhiệm 56 cán bộ trưởng, phó các sở, ban, ngành và các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp; tiếp nhận và bố trí công tác 256 sinh viên tốt nghiệp; tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho 715 đại biểu Hội đồng nhân dân. Bước đầu thực hiện một số công tác về cải cách hành chính theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII). Hầu hết các cơ quan cấp tỉnh, huyện, thị

xã có quy chế làm việc, quy chế trình tự giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân góp phần giải quyết kịp thời những phát sinh trong nội bộ nhân dân.

Quán triệt Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật. Công tác điều tra, xét xử các vụ án, công tác thanh tra và đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu được thực hiện có tiến bộ so với trước. Trong 3 năm 1993-1995, các cơ quan chức năng đã phát hiện 81 vụ tham nhũng, xử lý thu hồi vào công quỹ 1,7 tỷ đồng, 160 chỉ vàng, phát hiện nhiều vụ buôn bán hàng cấm và kinh doanh lậu thuế, truy thu kịp thời vào ngân sách Nhà nước, phát hiện các vụ sai phạm ở một số đơn vị gây thiệt hại công quỹ Nhà nước và đã thu hồi 2,4 tỷ/5,1 tỷ đồng.

Công tác mặt trận và đoàn thể được Đảng bộ quan tâm chỉ đạo sâu sát. Các nghị quyết của Trung ương về công tác dân vận, mặt trận, đoàn thể được Tỉnh ủy nhanh chóng cụ thể hóa thành các nghị quyết, chương trình hành động triển khai đến tận cơ sở; tiến hành sơ kết việc thực hiện Nghị quyết 8B (khóa VI), rút ra những bài học kinh nghiệm để đưa công tác vận động quần chúng của Đảng bộ đạt được những kết quả ngày càng tốt hơn. Thời gian qua việc thực hiện công tác quần chúng ở Ninh Thuận có những chuyển biến tiến bộ, đã góp phần tích cực trong việc tập hợp đoàn kết

các lực lượng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân và giữ vững ổn định chính trị - xã hội.

Từ sau tách tỉnh, Mặt trận và các đoàn thể đã lần lượt tiến hành đại hội các cấp của mình, xác định rõ nhiệm vụ của mặt trận và các đoàn thể trong thời kỳ mới. Bố trí sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, trẻ hóa dần đội ngũ và chú ý nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ. Mặt trận và các đoàn thể không ngừng đổi mới về tổ chức và phương thức, nội dung hoạt động, đã quan tâm đến các quyền lợi thiết thực của quần chúng, vận động quần chúng thực hiện thắng lợi các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, cũng như các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Mặt trận Tổ quốc các cấp đã có nhiều hình thức tập hợp các tầng lớp nhân dân, các dân tộc và tôn giáo, nhân sĩ, trí thức, những gia đình có người thân ở nước ngoài và có nhiều hoạt động thiết thực nhằm củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tỉnh lên tầm cao mới, chiều sâu mới theo tinh thần Nghị quyết 7 của Bộ Chính trị về "Đại đoàn kết dân tộc và tăng cường mặt trận dân tộc thống nhất". Ủy ban Mặt trận phát huy có hiệu quả vai trò là trung tâm đoàn kết thông qua hiệp thương, hòa giải các mâu thuẫn trong quần chúng nhân dân, góp phần giải quyết các vấn đề trong tôn giáo, dân tộc, duy trì khối đại đoàn kết toàn dân.

Các đoàn thể đặc biệt chú trọng đến việc chăm lo bảo vệ lợi ích cho đoàn viên, hội viên. Hội Nông dân và Hội Liên hiệp phụ nữ phối hợp xây dựng các hình thức tín chấp cho nông dân và phụ nữ nghèo vay vốn phát triển sản xuất; thông qua các chương trình, dự án cho đoàn viên, hội viên vay vốn lãi suất ưu đãi nhằm thực hiện mục tiêu “xóa đói giảm nghèo”. Các hình thức giúp nhau làm kinh tế gia đình trong đoàn viên, hội viên, đoàn thể ngày càng được mở rộng và thu được những kết quả thiết thực. Đoàn thanh niên chú ý đến các hoạt động văn-thể-mỹ, giáo dục truyền thống cách mạng, phát triển sâu rộng phong trào “Thanh niên lập nghiệp, tuổi trẻ giữ nước” để vận động giáo dục thanh niên ý thức trách nhiệm đối với đất nước; khuyến khích, phát huy các tài năng trẻ. Hội Liên hiệp phụ nữ chú trọng vấn đề kế hoạch hóa gia đình, nuôi con khỏe, dạy con ngoan, phòng chống các tệ nạn xã hội, xây dựng hạnh phúc gia đình, chống nạn suy dinh dưỡng ở trẻ em... Liên đoàn lao động tập trung đổi mới phương thức hoạt động, phát huy dân chủ nội bộ, xây dựng các phong trào lao động giỏi, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, đảm bảo việc làm và các chế độ chính sách cho người lao động, tổ chức các nghiệp đoàn ngoài quốc doanh... Hội Cựu chiến binh tăng cường công tác giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ, đồng thời khuyến khích đoàn viên, hội viên, các hội nghề nghiệp nâng cao nghiệp vụ chuyên môn. Hội Chữ thập

đỏ và Hội Y học cổ truyền đi sâu vào công tác nhân đạo từ thiện, hỗ trợ đồng bào các vùng dân tộc, vùng khó khăn.

Tuy đội ngũ cán bộ làm công tác quần chúng ở các cấp được củng cố và tăng cường một bước, nhưng việc đổi mới công tác quần chúng thời gian qua còn nhiều thiếu sót, tồn tại. Mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng chưa thật gắn kết chặt chẽ. Nhận thức, quan điểm và cách thức tiến hành công tác quần chúng của các cấp, các ngành chưa theo kịp với sự phát triển của tình hình mới. Tư tưởng coi nhẹ công tác quần chúng vẫn còn. Tình trạng quan liêu xa dân, cửa quyền chưa được khắc phục triệt để. Sự phối hợp giữa các tổ chức Đảng, chính quyền với mặt trận và đoàn thể các cấp trong công tác quần chúng chưa đồng bộ, chặt chẽ, chưa giải quyết kịp thời những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, khiếu tố của công dân còn hạn chế, có nơi còn đùn đẩy trách nhiệm, gây tổn kém và phiền hà cho dân. Những tồn tại thiếu sót trên cũng chính là những yêu cầu bức xúc của nhân dân đang đặt ra mà tỉnh cần có hướng khắc phục trong thời gian tới.

Để thực hiện có kết quả các nhiệm vụ kinh tế xã hội, giữ vững quốc phòng an ninh, Đảng bộ Ninh Thuận xác định điều quan trọng trước hết phải tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ

chức Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên và phát triển đội ngũ đảng viên, kiện toàn đội ngũ cán bộ, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII). Các cấp ủy Đảng đã chú trọng đổi mới phương pháp và hình thức hoạt động công tác chính trị - tư tưởng; triển khai nhanh các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống, giúp cán bộ, đảng viên và quần chúng hiểu được chủ trương của Đảng, biến nghị quyết của Đảng thành hành động cách mạng của quần chúng. Trong công tác tổ chức, Đảng bộ thường xuyên tiến hành nhiệm vụ chỉnh đốn Đảng để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với cả hệ thống chính trị. Hầu hết các cấp ủy Đảng, chi bộ có bước cải tiến về nội dung sinh hoạt, thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình hàng năm. Hệ thống tổ chức Đảng ở các cấp được chấn chỉnh một bước theo hướng tinh gọn, tình trạng mất đoàn kết trong nội bộ ở một số tổ chức cơ sở Đảng được giải quyết và khắc phục kịp thời. Nhiều Đảng bộ đạt và giữ vững danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh, nhiều đảng viên, kể cả đảng viên có chức, có quyền vẫn giữ được vai trò tiên phong gương mẫu trong điều kiện cơ chế thị trường. Kết quả phân tích chất lượng đảng viên năm 1995 có 97,4% đảng viên đủ tư cách (trong đó có 72,6% đảng viên phấn đấu tốt), còn 1,7% đảng viên vi phạm tư cách và 0,05% đảng viên không đủ tư cách phải đưa ra

khỏi Đảng¹.

Cấp ủy các cấp đã thực hiện một bước đổi mới công tác cán bộ, đưa công tác cán bộ đi vào nề nếp theo nguyên tắc Đảng trực tiếp và thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ, thực hiện đúng quy trình tuyển chọn và dân chủ hóa trong khâu đánh giá, bầu cử, bổ nhiệm cán bộ. Công tác quy hoạch cán bộ cũng được các ngành và địa phương quan tâm. Đội ngũ cán bộ Đảng, chính quyền các cấp và các đoàn thể quần chúng được đào tạo, đào tạo lại để có đủ trình độ kiến thức, nghiệp vụ, trình độ chính trị - tư tưởng đáp ứng nhiệm vụ trước mắt cũng như lâu dài của tỉnh nhà trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong tình hình đất nước và tỉnh nhà chuyển sang giai đoạn mới, nhằm tăng cường sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng, Đảng bộ chú trọng xây dựng đội ngũ đảng viên không ngừng tăng lên cả về số lượng lẫn chất lượng. Từ năm 1992-1995, Đảng bộ Ninh Thuận kết nạp được 843 đảng viên mới, làm tốt công tác nâng cao chất lượng đảng viên bằng cách thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện, quản lý đội ngũ đảng viên. Công tác kiểm tra giữ gìn kỷ luật của Đảng được tăng cường bằng những chương trình, quy chế, kiểm

1. Báo cáo tổng kết 3 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 về "Đổi mới và chỉnh đốn Đảng".

tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước, bảo đảm được đoàn kết và dân chủ trong Đảng.

Bốn năm qua, cùng với cả nước, Ninh Thuận đã trải qua một thời kỳ khó khăn phức tạp. Trong thiếu thốn, gian khổ của tỉnh mới tái lập, Đảng bộ đã có nhiều biện pháp sáng tạo, vận dụng linh hoạt các chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương. Dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Đảng bộ, quân và dân Ninh Thuận đã kiên trì phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, vững bước đi lên giành được những thành tựu rất quan trọng "...vừa xây dựng ổn định tình hình các mặt, vừa đẩy mạnh sản xuất có bước phát triển khá, liên tục tăng trưởng trên các mặt nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp, xuất nhập khẩu, kinh tế đối ngoại và dịch vụ. Cơ sở vật chất của nền kinh tế và cơ sở hạ tầng xã hội được tăng cường đáng kể. Văn hóa - xã hội có nhiều chuyển biến... Đời sống nhân dân ổn định và cải thiện một bước. Hệ thống chính trị được củng cố, quốc phòng an ninh được giữ vững"¹. Những thành tựu này đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ninh Thuận có bước phát triển cao hơn trong giai đoạn kế tiếp.

1. Báo cáo Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận lần thứ IX (tháng 4 năm 1996).

III. ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA (1996-2000)

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII và 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII, Đảng bộ, quân và dân Ninh Thuận đoàn kết, năng động, sáng tạo nỗ lực phấn đấu và đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, hoàn thành vượt mức các mục tiêu quan trọng do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII đề ra. Ninh Thuận đã vượt qua thời kỳ khó khăn, thiếu thốn và có bước phát triển trên nhiều mặt đời sống xã hội. Tuy nhiên, Ninh Thuận vẫn còn là tỉnh nghèo, kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội còn nhiều mặt yếu kém, đời sống nhân dân miền núi và các đối tượng chính sách còn nhiều khó khăn, trình độ và năng lực của đội ngũ cán bộ chưa tương ứng với yêu cầu. Những khó khăn này sẽ là thách thức lớn đối với Đảng bộ trong những năm cuối thế kỷ XX.

Trong bối cảnh đó, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX nhiệm kỳ 1996 - 2000, được tổ chức tại thị xã Phan Rang - Tháp Chàm từ ngày 24 đến ngày 27-4-1996. Về dự Đại hội có 224 đại biểu chính thức đại diện cho hơn 4.000 đảng viên của 256 tổ chức cơ sở Đảng, thuộc 4 đảng bộ huyện, thị và 4 đảng bộ trực thuộc tỉnh.

Đại hội đã tập trung vào 3 nội dung chính: thảo luận, thông qua những ý kiến đóng góp về dự thảo chính trị trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng; thảo luận và hoàn chỉnh Báo cáo chính trị của Đại hội Đảng bộ tỉnh; bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IX và bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng cấp trên.

Đại hội nghiêm túc đánh giá những thành tựu đã đạt được và những khó khăn còn tồn tại. Trên cơ sở đó, Đại hội đã đề ra mục tiêu tổng quát đến năm 2000: “đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế có hiệu quả và vững chắc hơn, đồng thời giải quyết tốt những vấn đề bức xúc về xã hội, giữ vững quốc phòng và an ninh, xây dựng tiềm lực kinh tế, phấn đấu đưa tỉnh ta vượt qua tình trạng nghèo và kém phát triển, nâng cao tích lũy nội bộ, cải thiện mức sống nhân dân, thu hẹp khoảng cách tụt hậu, tạo tiền đề cho bước phát triển mạnh hơn sau năm 2000”.

Nhiệm vụ trọng tâm của 5 năm tới là: “Thúc đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trước hết đối với các ngành nông nghiệp, nghề cá, công nghiệp, xây dựng và xuất nhập khẩu”. Xây dựng ngành công nghiệp chế biến và thủy sản thành 2 ngành kinh tế mũi nhọn.

Đến năm 2000 phấn đấu đạt một số mục tiêu chủ

Phó Bí thư. Đại hội đã bầu 11 đồng chí đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII.

Từ ngày 28-6 đến ngày 1-7-1996, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng được tổ chức ở thủ đô Hà Nội. Đại hội đã tổng kết 10 năm đổi mới đất nước và đánh giá đúng đắn kết quả 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng, rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu cho con đường đi lên của dân tộc.

Đại hội khẳng định tiếp tục sự nghiệp đổi mới, mà nhiệm vụ trọng tâm là nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận lần thứ IX và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, các cấp ủy Đảng và chính quyền tập trung chỉ đạo khai thác mọi nguồn lực, thế mạnh, tiềm năng để phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Năm năm cuối cùng của thế kỷ XX, tình hình thế giới và khu vực có những biến động lớn, khó lường. Đặc biệt, cuộc khủng hoảng tài chính-tiền tệ bùng nổ, ảnh hưởng đến nhiều nước ở châu Á và thế giới.

Điều đó đã tác động xấu đến kinh tế - xã hội nước ta, nhất là trên lĩnh vực kinh tế đối ngoại và tài chính. Tình hình đó đã ảnh hưởng đến sự tăng trưởng kinh tế của Ninh Thuận. Tuy một số chỉ tiêu kinh tế không đạt nhưng cơ cấu kinh tế chung và trong từng ngành bước đầu chuyển dịch cơ bản đúng hướng. Phát huy được thế mạnh nông - lâm - thủy sản và hướng vào xuất khẩu. Kinh tế - xã hội của Ninh Thuận cơ bản ổn định và có hướng phát triển. Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội 5 năm qua khoảng 1.350 tỷ đồng, tăng gần 2 lần thời kỳ 1992-1995. Kết cấu hạ tầng, đô thị, nông thôn, miền núi được đầu tư xây dựng, nâng cấp và cải thiện rõ nét. Hiệu quả kinh tế - xã hội từng bước được nâng lên.

Nông nghiệp và thủy sản Ninh Thuận trong những năm 1996-2000 phát triển tương đối ổn định. Việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, cải biến cơ cấu kinh tế nông thôn được đẩy mạnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ (khóa IX) đã nêu rõ: Tiếp tục phát triển và đổi mới cơ cấu nông, lâm, ngư nghiệp và kinh tế nông thôn gắn với công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản, dịch vụ, tạo việc làm tại chỗ, từng bước xây dựng mô hình nông thôn mới có kinh tế phát triển, văn hóa xã hội lành mạnh, dân trí được nâng cao, cơ sở hạ tầng được cải thiện. Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, Ninh

Thuận đã tạo được bước chuyển biến đáng kể về sản xuất lương thực. Năm 1998 và 2000, mặc dù chịu ảnh hưởng rất lớn của lũ lụt nhưng sản lượng lương thực đến năm 2000 vẫn vượt chỉ tiêu đề ra (đạt 164.000/145.000 tấn). Diện tích cây lương thực giảm (từ 73% năm 1995 xuống 67% năm 2000), tăng cây công nghiệp và cây ăn quả từ 14,9% năm 1995 lên 19% năm 2000. Chăn nuôi gia súc tiếp tục phát triển, giá trị tăng bình quân hàng năm là 5,3%. Gia súc có sừng phát triển khá nhanh và xuất hiện ngày càng nhiều trang trại chăn nuôi tập trung từ hàng trăm đến hàng ngàn con. Hàng năm đưa ra thị trường từ 8-10 ngàn tấn thịt hơi các loại, việc trồng rừng và bảo vệ rừng được chú trọng, trồng rừng phòng hộ ven biển bằng giống xoan chịu hạn đạt hiệu quả. Sản lượng gỗ khai thác từ rừng tự nhiên đã chủ động giảm bớt 50%.

Nhận thức được thế mạnh của ngành thủy sản đối với nền kinh tế Ninh Thuận, Đảng bộ đã quan tâm chỉ đạo cụ thể bằng việc ban hành Nghị quyết 5 (khóa IX) và Quyết định số 92 của Ủy ban nhân dân tỉnh về “Chương trình nhiệm vụ phát triển ngành thủy sản đến năm 2000”. Trong quá trình tổ chức thực hiện, tỉnh đã xác định khâu đột phá của ngành là tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nghề cá mà trước hết là xây dựng các cảng cá, hình thành các trung tâm nghề cá gắn với làng cá, đồng thời khuyến khích nhân dân đầu tư vốn, khai thác lợi thế về tự nhiên, mặt đất, mặt

nước để phát triển nuôi trồng thủy sản, hình thành các vùng nuôi tôm thịt và sản xuất tôm giống tập trung. Ngành thủy sản phát triển với tốc độ cao, tăng bình quân 12,7% vượt chỉ tiêu đề ra (10,9%). Sản lượng thủy sản năm 2000 tăng 11.500 tấn so với năm 1995 (trong đó giá trị khai thác tăng bình quân 10,4%, giá trị nuôi trồng tăng 24,8%/năm). Các thuyền nghề được chuyển dịch theo hướng vươn khơi gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Công suất thuyền đánh bắt tăng 102% so với năm 1995, thuyền công suất trên 90CV đã có 140 chiếc. Hầu hết các thuyền từ 45CV trở lên đều được trang bị máy tầm ngư, máy thông tin và 40% được trang bị máy định vị. Các cảng cá ở Đông Hải, Cà Ná, Ninh Chữ được đầu tư xây dựng, sửa chữa đáp ứng đủ lượng thuyền đánh cá thông qua cảng. Đặc biệt ngành nuôi trồng thủy sản, nhất là nghề nuôi tôm đã phát triển mạnh trở thành phong trào rộng rãi trong toàn tỉnh. Sản lượng tôm thịt năm 2000 đạt 1.800 tấn, tăng 3 lần so với năm 1995. Ba trung tâm sản xuất tôm giống với quy mô trên 240 trại tập trung ở Văn Hải, An Thạnh, Khánh Hội đã sản xuất hơn 1,5 tỷ con giống trở thành vùng sản xuất tôm giống lớn của cả nước.

Với kết quả đầu tư và phát triển của ngành thủy sản trong những năm qua, bước đầu đã góp phần giải quyết việc làm, cải thiện rõ nét đời sống nhân dân ở vùng biển, vùng nuôi tôm, vị trí kinh tế mũi nhọn của ngành

thủy sản từng bước được khẳng định. Tuy nhiên, ngành thủy sản của Ninh Thuận còn gặp nhiều khó khăn và tồn tại, đó là lực lượng sản xuất nghề cá còn ở trình độ thấp với 70% là thuyền nhỏ dưới 45 CV, công nghệ khai thác và bảo quản còn lạc hậu. Diện tích nuôi tôm quy mô nhỏ, tiềm ẩn dịch bệnh dễ phát sinh ở những nơi nuôi tôm tự phát thiếu quy hoạch, chưa có biện pháp phòng ngừa hữu hiệu. Xuất khẩu thủy sản vẫn là khâu yếu, kim ngạch xuất khẩu giảm sút liên tục, thị trường bị thu hẹp. Tốc độ phát triển nghề cá giữa các địa phương không đồng đều, nhiều vùng biển còn nghèo, nộp ngân sách nghề cá chưa tương xứng với tiềm năng và tốc độ phát triển. Trong việc thực hiện mục tiêu xây dựng ngành thủy sản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn vẫn còn một số mặt chưa toàn diện.

Kinh tế nông nghiệp - nông thôn đã có sự chuyển dịch về cơ cấu từ thuần nông sang các ngành nghề khác. Kinh tế nhiều thành phần phát triển ngày càng đa dạng, phong phú, đáng chú ý ở nông thôn đang phát triển mạnh mô hình sản xuất trang trại chăn nuôi, sản xuất nông lâm kết hợp nuôi trồng thủy sản. Kết cấu hạ tầng điện, đường, trường, trạm... được tỉnh chú trọng đầu tư ở tất cả các vùng nông thôn. Nhìn chung, bộ mặt nông thôn Ninh Thuận đã thay đổi rõ nét, đời sống nhân dân, nhất là nông dân không ngừng được nâng cao về vật chất và đời sống tinh thần.

Ngành công nghiệp Ninh Thuận do tác động của khủng hoảng tài chính, tiền tệ khu vực đã ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất của ngành, một số dự án đầu tư không ra đời được. Mặt khác, do xuất phát điểm Ninh Thuận là một tỉnh nghèo, kết cấu hạ tầng kém; nguồn nguyên liệu nông, lâm, thủy sản phong phú đa dạng về chủng loại nhưng số lượng nhỏ, chất lượng chưa cao; tài nguyên khoáng sản chủ yếu là vật liệu xây dựng thông thường... nên chưa hấp dẫn thu hút đầu tư từ bên ngoài. Từ ngày tách tỉnh, nội lực của ngành vẫn còn rất nhỏ cả về quy mô và số lượng. Để tháo gỡ vấn đề này, ngày 18-9-1997, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa IX) họp và ra Nghị quyết chuyên đề về việc phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đến năm 2000 và 2010.

Với sự quan tâm chỉ đạo điều hành của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành chức năng, cùng những nỗ lực phấn đấu của các doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, 5 năm qua giá trị sản xuất công nghiệp tuy không đạt mục tiêu đề ra nhưng vẫn giữ được nhịp độ phát triển và tăng thêm năng lực sản xuất mới của ngành ở cả khu vực Nhà nước và dân doanh. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp từ 11,4% năm 1996 lên 12,9% năm 2000¹. Đến năm 2000, toàn ngành có 3.315 cơ sở

1. Kỳ yếu Đại hội X Đảng bộ Ninh Thuận - một số chỉ tiêu chủ yếu.

sản xuất, vốn kinh doanh đạt 422 tỷ đồng (so với năm 95 tăng thêm 700 cơ sở sản xuất và 130 tỷ đồng vốn). Sản phẩm công nghiệp địa phương phát triển tương đối đa dạng, một số sản phẩm tăng trưởng khá: đường, muối công nghiệp, điện thương phẩm, xi măng, gạch nung... Các sản phẩm mới ra đời như hạt điều, gạch tuy nèn, phân vi sinh... đã có được thị trường, từng bước ổn định và phát triển. Công nghiệp ngoài quốc doanh phát triển đa dạng, bước đầu thoát khỏi tình trạng trì trệ và đang có dấu hiệu tăng trưởng ở một số ngành nghề, nhất là chế biến lương thực, thực phẩm, thủy sản, cơ khí nhỏ ở nông thôn.

Tốc độ tăng trưởng bình quân của ngành công nghiệp có cao hơn so với giai đoạn 1992-1995, nhưng vẫn thấp so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ IX đề ra (11,5%/20,1%), tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu chung của nền kinh tế còn thấp, tốc độ tăng trưởng chậm. Quy mô các xí nghiệp công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp còn nhỏ bé, thiết bị và công nghệ chưa cao nên hiệu quả kinh doanh thấp. Nguyên nhân chủ yếu là trong quá trình chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp thiếu tính quyết tâm cao "chưa kiên quyết tập trung, chỉ đạo đúng mức để phát triển công nghiệp, nhiều dự án công nghiệp lớn nghị quyết đề ra để lỡ thời cơ không thực hiện được"¹.

1. Nghị quyết hội Đảng bộ Ninh Thuận lần thứ X.

Các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản có bước tăng trưởng với nhịp độ cao hơn trước đã tạo điều kiện cho hoạt động thương mại, dịch vụ, xuất - nhập khẩu, du lịch... có những chuyển biến mạnh mẽ hơn. Trong những năm 1996-2000, hoạt động thương mại nội địa và các loại hình dịch vụ phát triển khá sôi động, đáp ứng nhu cầu cung ứng vật tư cho sản xuất, hàng tiêu dùng cho nhân dân các vùng trong tỉnh. Tỷ trọng GDP của ngành Thương mại - dịch vụ chiếm bình quân 30-31% GDP toàn tỉnh. Mạng lưới kinh doanh được mở rộng cả trên 3 địa bàn đô thị, nông thôn và miền núi, với nhiều hình thức kinh doanh linh hoạt và đa dạng như đại lý, ủy thác, bán trả góp, trả chậm. Tổng mức mua bán hàng hóa, dịch vụ tăng bình quân hàng năm 8,65%. Dịch vụ vận tải đáp ứng được nhu cầu lưu thông hàng hóa và đi lại của nhân dân. Dịch vụ bưu chính-viễn thông có bước phát triển và hiện đại hóa nhanh, đáp ứng khá tốt nhu cầu của nhân dân và phát triển kinh tế. Số thuê bao điện thoại đạt bình quân 3 máy/100 dân. Các dịch vụ điện, cấp nước, thoát nước được cải tạo, nâng cấp đã đảm bảo cung ứng kịp thời cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Tính đến năm 2000, 100% xã, phường được nối vào mạng thông tin cả nước và đã có mạng lưới điện. Hoạt động du lịch có bước phát triển mới. Trong 5 năm (1996-2000), Ninh Thuận đã đầu tư hàng chục tỷ đồng cho việc xây mới, nâng cấp nhà hàng, khách sạn. Số khách du lịch đến tỉnh

tăng hơn so với những năm trước (bình quân tăng 15,2%) bước đầu hình thành cụm du lịch - dịch vụ Cà Ná, Ninh Chữ, Bình Sơn. Tuy nhiên, ngành du lịch Ninh Thuận vẫn còn nhiều yếu kém so với các tỉnh xung quanh, chưa khai thác được thế mạnh và tài nguyên du lịch của tỉnh, hiệu quả kinh tế và lợi nhuận thấp. Công tác quy hoạch và lập các dự án để kêu gọi đầu tư trong và ngoài nước triển khai còn chậm.

Sự biến động về tài chính và tiền tệ của khu vực và thế giới đã khiến thị trường xuất khẩu trong nước bị thu hẹp, nhất là mặt hàng nông sản và hải sản. Đây cũng là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Ninh Thuận. Những năm 1996-2000 kim ngạch xuất nhập khẩu liên tục giảm sút¹ và không đạt chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX đề ra (mục tiêu đến năm 2000 phải đạt từ 30-32 triệu USD). Trong chuyến thăm và làm việc tại Ninh Thuận ngày 16-7-1999, Thủ tướng Phan Văn Khải cũng đánh giá kim ngạch xuất khẩu của Ninh Thuận thuộc diện thấp nhất nước và đề nghị tỉnh cần nghiên cứu phát triển xuất khẩu thủy sản, nông sản có hiệu quả. Nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này là thiếu sự quan tâm của cấp ủy và chính quyền các cấp trong việc đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và tìm

1. Năm 1996 kim ngạch xuất khẩu đạt 10.951 triệu USD; 1997 là 8.948 triệu USD; 1998 là 6.146 triệu USD; 1999 là 6.173 triệu USD và năm 2000 là 9.170 triệu USD.

kiểm mở rộng thị trường. Đề ra hướng khắc phục, Đảng bộ chỉ đạo các cấp, các ngành phải chú ý nâng cấp, mở rộng dây chuyền sản xuất, cải tiến chất lượng và giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản, thủy sản, tạo thêm tiền đề cho xuất khẩu những năm sau 2000.

Các ngành kinh tế Ninh Thuận 5 năm qua có sự chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng nông lâm nghiệp và tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng, dịch vụ và khai thác hải sản (nông - lâm nghiệp: tỷ trọng trong GDP giảm từ 44,3% năm 1995 xuống còn 34,38% năm 2000; thủy sản từ 12,6% năm 1995 tăng lên 18,63% năm 2000; công nghiệp - xây dựng từ 11,4% năm 1996 tăng lên 12,9% năm 2000; thương mại - dịch vụ từ 29,4% năm 1995 tăng 34,05% năm 2000¹. Đối với nội bộ các ngành kinh tế, đã có sự chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng các sản phẩm có giá trị năng suất và hiệu quả: ngành nông nghiệp chuyển dịch theo hướng tỷ lệ trồng trọt giảm, chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp phát triển; ngành thủy sản theo hướng giảm tỷ trọng các nghề khai thác thủy sản, tăng tỷ trọng các nghề nuôi trồng, dịch vụ thủy sản; ngành công nghiệp - xây dựng chuyển dịch theo hướng phát triển mạnh công nghiệp chế biến thủy sản, lương thực, thực phẩm; ngành kinh doanh dịch vụ du lịch khách sạn bước đầu bước vào

1. Kỳ yếu Đại hội X Đảng bộ Ninh Thuận-một số chỉ tiêu chủ yếu.

quỹ đạo phát triển.

Cơ cấu các thành phần kinh tế của tỉnh những năm qua chuyển dịch theo hướng tỷ trọng thành phần kinh tế quốc doanh tăng dần, kinh tế ngoài quốc doanh và đầu tư nước ngoài giảm dần (xu hướng ngược so với sự chuyển dịch của cả nước và các tỉnh trong khu vực), điều này ảnh hưởng lớn đến khả năng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đến khả năng huy động vốn đầu tư của các thành phần kinh tế trong cơ chế thị trường thời kỳ đổi mới đất nước.

Quy mô và cơ cấu đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tăng nhanh và đúng hướng đã cải thiện một bước về kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống, tạo được một số năng lực mới cho trước mắt và những năm tiếp theo. Nhiều dự án cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hàng loạt các công trình kết cấu hạ tầng đã và đang được tiến hành như xây dựng và nâng cấp các công trình thủy lợi vừa và nhỏ, xây mới hồ Tân Giang với tổng vốn đầu tư 157 tỷ đồng (đưa vào sử dụng năm 2002), xây mới và tiếp tục hoàn chỉnh đường 16/4, đường Yên Ninh, Phan Rang-Đông Hải, Bác Ái, tỉnh lộ 703, 704..., bê tông hóa đường giao thông nội phường, nội xã, cải tạo hệ thống cấp thoát nước, lưới điện... từng bước làm thay đổi bộ mặt thị xã và nông thôn, ngày càng khang trang, sạch đẹp, nâng cao năng lực một số ngành dịch vụ và sản xuất, cải thiện rõ rệt kết cấu hạ tầng.

Cùng với những kết quả đạt được trong đầu tư phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu thu ngân sách cũng có những chuyển biến tích cực. Tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh 5 năm 1996-2000 tăng 88,6% so với những năm 1991-1995; thu ngân sách hàng năm đều đạt và vượt dự toán do Bộ Tài chính và Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Các khoản thu về thuế, thu từ lĩnh vực sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong tổng thu ngân sách, nếu năm 1996 các khoản thu về thuế chỉ chiếm tỷ trọng 66% thì đến năm 2000 là 78,6%. Việc thực hiện luật ngân sách và các luật thuế mới¹ bước đầu có kết quả theo hướng thúc đẩy sản xuất - kinh doanh và động viên nguồn lực trong nhân dân vào ngân sách Nhà nước.

Hoạt động tín dụng ngân hàng và quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia có bước cải tiến, tích cực huy động vốn trong dân cư bằng nhiều hình thức như phát hành kỳ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi nên việc huy động vốn dài hạn đã tăng lên chiếm 20% trên tổng nguồn vốn huy động, đồng thời mở rộng phạm vi, quy mô và đối tượng cho vay, góp phần phát triển kinh tế, khôi phục sản xuất ở những nơi bị thiên tai, lũ lụt. Đến năm 2000 đã có hơn 20.000 hộ nghèo được vay vốn để sản xuất

1. Luật Thuế giá trị gia tăng và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, có hiệu lực từ ngày 01-01-1999.

kinh doanh ở mức bình quân 2 triệu đồng/hộ.

Bên cạnh những kết quả về thu ngân sách và tài chính, mặt khó khăn đối với Ninh Thuận là quy mô thu ngân sách còn nhỏ, hàng năm thu ngân sách mới cân đối được từ 35-40% nhiệm vụ chi. Tốc độ tăng thu và tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách đạt còn thấp so với mặt bằng chung của cả nước. Điều này đặt ra nhiệm vụ cho tỉnh trong thời gian tới là cần có những giải pháp quan trọng để thúc đẩy nền kinh tế của Ninh Thuận tăng trưởng nhanh và bền vững, tạo tiền đề để thu ngân sách đạt tốc độ và quy mô ngày càng cao hơn.

Trong 5 năm cuối của thế kỷ XX, nền kinh tế Ninh Thuận bước đầu có những chuyển biến tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhưng yếu kém vẫn còn nhiều. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế có xu hướng chậm lại, kim ngạch xuất khẩu, chuyển dịch cơ cấu kinh tế không đạt chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX đề ra. Trình độ kỹ thuật, công nghệ của lực lượng sản xuất còn thấp. Phần lớn thiết bị, công nghệ sản xuất còn lạc hậu, chậm thay đổi. Việc sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước tiến hành chưa tốt. Quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn chậm được xây dựng và điều chỉnh sát hợp.

Cùng với việc tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế,

Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cấp ủy Đảng, chính quyền rất coi trọng phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học-công nghệ... Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX đã chỉ rõ: Phải tạo sự chuyển biến quan trọng trên tất cả các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Tiếp thu Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về “Định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000”, và “Định hướng chiến lược phát triển Khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000”, trong 3 ngày 21, 22, 23-10-1997, Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa IX) thông qua Nghị quyết về phát triển giáo dục - đào tạo đến năm 2000, nêu rõ những thành tựu và tồn tại của giáo dục - đào tạo Ninh Thuận trong thời gian qua; đồng thời nhấn mạnh phải quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương: Thực sự coi giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu; là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân; phát triển giáo dục - đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Nghị quyết chỉ rõ: Nhiệm vụ của ngành giáo dục - đào tạo Ninh Thuận là phát huy những thành tựu đã đạt được, khắc phục các mặt yếu kém, nâng cao chất lượng, hiệu quả và mở rộng quy mô giáo dục, phấn đấu phổ cập tiểu học. Xây dựng cơ chế

chính sách nhằm huy động nguồn lực để tăng đầu tư nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà.

Thực hiện sự chỉ đạo của Đảng bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có nhiều chủ trương lớn, nhiều biện pháp tích cực để triển khai công tác giáo dục- đào tạo một cách khẩn trương, hiệu quả như ban hành Chỉ thị 37/CT-UBND về việc triển khai thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học, đã xây dựng quy hoạch phát triển giáo dục đến năm 2010; Đề án phổ cập trung học cơ sở với mục tiêu phấn đấu đạt chuẩn vào năm 2008; Đề án đổi mới phương pháp dạy học...

Ngành Giáo dục cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh ủy với quyết tâm, nỗ lực lớn. Sau nhiều năm phấn đấu tích cực, đến tháng 5-2000, Ninh Thuận đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, phấn đấu đến năm 2005 thị xã và các xã đồng bằng, thị trấn được công nhận đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Số học sinh phổ thông tăng nhanh ở cả 3 cấp học, đến năm 2000 đạt quy mô bằng 1,35 lần năm 1995, đặc biệt học sinh trung học phổ thông tăng gấp 2,14 lần, trong đó số học sinh ngoài công lập chiếm 38,5% tổng số học sinh bậc học này. Số học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia ngày một tăng, các kỳ thi Olympic đều có học

sinh tham gia và đạt huy chương, tỷ lệ lên lớp ở các cấp học, bậc học đạt 95%. Đáng chú ý là số học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm, Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp dạy nghề, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trường Chính trị tăng khá nhanh so với trước.

Đội ngũ giáo viên từ chỗ thiếu trầm trọng ở những năm đầu tái lập tỉnh, đến năm 2000 cơ bản đáp ứng về số lượng, tổng số giáo viên đứng lớp tăng 2 lần so với năm 1995, tỷ lệ đạt chuẩn giáo viên phổ thông cao hơn tỷ lệ chung của toàn quốc. Tỉnh ban hành một số chế độ thu hút, ưu đãi đối với nhà giáo ở vùng khó khăn và sinh viên đang học ở các Trường Đại học sư phạm. Đời sống của nhà giáo ngày càng được cải thiện và ổn định, nhất là vùng miền núi, vùng khó khăn. Mạng lưới trường lớp được quy hoạch và xây dựng khá tập trung, đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục trên địa bàn toàn tỉnh. Tính đến năm 2000 hầu hết các cụm dân cư trong tỉnh đều có trường lớp, không có điểm trắng đối với tiểu học, mỗi xã hoặc liên xã, phường đều có trường trung học cơ sở; đã nâng cấp Trường Sư phạm thành Trường Cao đẳng sư phạm đa hệ¹. Các cơ sở ngoài công lập, Trung tâm Giáo dục thường xuyên, các Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp dạy nghề góp phần

1. Được công nhận từ ngày 02-10-2000.

đáp ứng nhu cầu học sinh học nghề phổ thông, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ và nhân dân. Hệ thống trường dân tộc nội trú được đầu tư khá tốt, toàn tỉnh có 4 trường dân tộc nội trú, thu nhận trên 1.000 con em các dân tộc thiểu số vào học từ tiểu học đến trung học phổ thông. Phong trào toàn dân chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục bước đầu đã có sự chuyển động và có hiệu quả thiết thực như thành lập Hội khuyến học, Quỹ khuyến học từ tỉnh đến cơ sở; một số nơi đã làm khá tốt việc phối hợp 3 môi trường giáo dục: gia đình - nhà trường - xã hội để giáo dục học sinh. Nhìn tổng quát, công tác giáo dục-đào tạo những năm qua được triển khai khá tốt, phục vụ có hiệu quả sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Cùng với việc ban hành Nghị quyết về phát triển giáo dục - đào tạo, tỉnh ra Nghị quyết về phát triển khoa học - công nghệ đến năm 2000 và 2010. Nghị quyết đánh giá thực trạng, thành tựu và những yếu kém của khoa học - công nghệ trong những năm qua và đề ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ đến năm 2000 và 2010. Mục tiêu tổng quát: Đẩy mạnh phát triển công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp với nhịp độ tăng trưởng cao, theo hướng nâng cao tỷ trọng ngành công nghiệp trong cơ cấu kinh tế toàn tỉnh, trọng tâm là tập trung đầu tư xây dựng ngành công nghiệp chế biến trở thành ngành kinh tế

mũi nhọn, đưa phần lớn nguyên liệu nông-lâm-thủy sản, khoáng sản vào chế biến phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng nội địa. Bảo đảm ngành công nghiệp giữ vai trò động lực thúc đẩy các ngành kinh tế phát triển sau năm 2000.

Sau những năm triển khai thực hiện nghị quyết, khoa học - công nghệ của Ninh Thuận đã có những bước tiến khá nhanh và đạt được những thành tựu quan trọng. Trong những năm 1996 - 2000, tỉnh đã triển khai được 87 đề tài nghiên cứu khoa học với mức đầu tư bình quân khoảng 0,6% tổng chi ngân sách của tỉnh (riêng năm 2000 đạt trên 1,2% ngân sách chi), trong đó 30% dành cho nghiên cứu khoa học. Các đề tài khoa học xã hội mang lại nhiều hiệu quả thiết thực trong công tác quản lý, hoạch định các cơ chế chính sách, chủ trương của Đảng bộ, chính quyền và các cấp, các ngành. Khoa học tự nhiên tập trung vào giải quyết các vấn đề bức xúc trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và thủy sản, nhiều đề tài được ứng dụng mang lại hiệu quả thiết thực trong đời sống như lựa chọn các giống cây trồng, vật nuôi có hiệu quả đưa vào sản xuất, cải tiến quy trình nuôi tôm thịt, tôm giống, đánh bắt cá xa bờ... đã góp phần quan trọng tăng nhanh sản lượng lương thực và thủy sản, bảo vệ môi trường. Số lượng cán bộ có trình độ từ cao đẳng trở lên (số do cơ quan nhà nước quản lý) trong giai đoạn 1996 - 2000 tăng bình quân 8%/năm, với số lượng gần 1500 người, đa số còn

trẻ đang ở độ tuổi cống hiến, có kinh nghiệm hoạt động và ngày càng trưởng thành.

Tuy có những bước phát triển tiến bộ nhưng sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền về giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ còn nhiều vấn đề đã và đang đặt ra. Chất lượng dạy và học trong hệ thống phổ thông chưa cao, giáo viên bậc trung học cơ sở còn thiếu nhiều, nhất là ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa. Cơ cấu đào tạo chưa hợp lý giữa các ngành, nghề, vùng. Tình trạng dạy thêm, học thêm tràn lan chưa được khắc phục. Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ của tỉnh còn hạn chế về số lượng và chất lượng. Các điều kiện về đáp ứng nhu cầu thông tin, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ tại chỗ còn rất hạn chế so với các tỉnh khác. Điều này đòi hỏi phải củng cố, đầu tư, đổi mới chính sách và xây dựng chiến lược để phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ của tỉnh trong những năm đầu thế kỷ XX.

Công tác y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình trong những năm 1996-2000 tiếp tục có những bước phát triển mới. Hệ thống y tế Nhà nước từ tỉnh đến cơ sở được củng cố và phát triển đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân. Tính đến năm 2000, toàn tỉnh không còn xã trắng, 100% xã có cán bộ y tế, nữ hộ sinh, 100% thôn bản có cán bộ y tế cộng đồng. Các cơ sở khám chữa bệnh miễn phí cho nhân dân được tăng

cường. Ngành y tế được bổ sung và đổi mới trang thiết bị chuyên môn theo hướng hiện đại hóa. Kết hợp chặt chẽ y học hiện đại với y học cổ truyền. Chủ động phòng ngừa và ngăn chặn kịp thời dịch bệnh. Mở rộng và đổi mới hoạt động bảo hiểm y tế. Công tác bảo vệ bà mẹ, trẻ em, kế hoạch hóa gia đình có những bước chuyển biến tích cực. Sau 5 năm phấn đấu, toàn tỉnh đã có 75 cơ sở khám chữa bệnh trực thuộc ngành y tế và một bệnh viện ngành, 3 trạm xá của lực lượng vũ trang. Các Hội y học cổ truyền, Hội chữ thập đỏ với hàng ngàn hội viên và cộng tác viên chăm sóc sức khỏe cộng đồng rộng khắp đã góp phần tích cực vào công tác xã hội hóa y tế.

Các chương trình y tế quốc gia như phòng chống sốt rét, tiêm chủng mở rộng, phòng chống bướu cổ, phòng chống lao, phòng chống sốt xuất huyết, vệ sinh an toàn thực phẩm được triển khai và đạt kết quả tốt. Số người điều trị sốt rét năm 1996-2000 giảm 48,06% so với năm 1992-1995, dịch sốt rét đã được khống chế. Từ một trong bốn tỉnh có tỷ lệ bệnh phong cao nhất nước, đến năm 2000 Ninh Thuận đã đạt tiêu chuẩn loại trừ bệnh phong, tỉnh cũng hoàn thành mục tiêu thanh toán bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh. Công tác bảo vệ bà mẹ, trẻ em và kế hoạch hóa gia đình tập trung vào thực hiện chỉ tiêu: Dân số - kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em, phòng chống suy dinh dưỡng... Tỷ lệ dân

số đã giảm từ 2,53% năm 1995 xuống còn 1,94% vào năm 2000. Chất lượng khám chữa bệnh toàn tỉnh được nâng cao nhiều mặt, tỷ lệ tử vong giảm. Các đối tượng người nghèo, đồng bào dân tộc miền núi và những người có công với nước được quan tâm cấp sổ khám bệnh và miễn giảm viện phí, công bằng xã hội trong y tế được thực hiện ngày càng tốt hơn.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về "Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc", ngày 11-11- 1998, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động số 14-NQ/TU, thống nhất đánh giá thực trạng tình hình văn hóa Ninh Thuận, nhất là về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và đề ra những chủ trương, giải pháp nhằm xây dựng, phát triển văn hóa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà. Cụ thể hóa Chương trình hành động số 14 của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh phát động phong trào thi đua thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) rộng khắp trong toàn tỉnh, phấn đấu đến năm 2000 tỉnh xóa xong nạn mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học đạt chuẩn quốc gia; các xã, phường đều có thiết chế văn hóa, quy ước văn hóa; xây dựng làng văn hóa, khu phố văn hóa, trong đó có 40% làng văn hóa, khu phố văn hóa được công nhận; 60% gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn

kinh tế -xã hội miền núi”¹.

Đi đôi với nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội, Đảng bộ đã quan tâm gắn với củng cố quốc phòng-an ninh ở địa phương theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII). Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX đề ra nhiệm vụ: Tiếp tục tăng cường tiềm lực quốc phòng-an ninh đủ sức ngăn chặn và kịp thời đập tan mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, đảm bảo sự phát triển kinh tế -xã hội của Ninh Thuận theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở quán triệt, nắm vững đường lối quân sự của Đảng, thực hiện nhiệm vụ chính trị-quân sự của địa phương trong công cuộc đổi mới đất nước, các cơ quan chỉ huy quân sự đã thực hiện tốt chức năng tham mưu cho các cấp ủy, chính quyền địa phương. Phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với âm mưu và hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Thế trận quốc phòng toàn dân được củng cố từ cơ sở đến tỉnh. Các kế hoạch tác chiến phòng thủ (A, A2, A4) được bổ sung ở các cấp. Lực lượng vũ trang của tỉnh kết hợp với Công an, Bộ đội biên phòng và các đơn vị thuộc các quân, binh chủng đóng tại địa phương

1. Báo cáo của Đoàn công tác Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Hà Nội, ngày 9-7-1999).

nắm vững tình hình địa bàn, chủ động đối phó với các tình huống bất ngờ xảy ra, đảm bảo địa bàn được an toàn tuyệt đối. Bằng nguồn ngân sách địa phương, tỉnh đã xây dựng, hoàn thành các công trình quân sự trên hướng phòng thủ chủ yếu với kinh phí hàng tỷ đồng và nâng cấp 15 tuyến đường dài 300km, vừa đáp ứng yêu cầu quốc kế dân sinh, vừa sẵn sàng phục vụ công tác phòng thủ ở địa phương.

Nhằm đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong những năm qua, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm để tăng cường chỉ đạo xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, đáp ứng nhiệm vụ quốc phòng trong tình hình mới, Tỉnh ủy đã tiến hành tổng kết 7 năm (1992-1999) về "Nhiệm vụ quốc phòng và bảo vệ an ninh quốc gia" và tổng kết 3 năm (1996-1999) về "Xây dựng bộ đội biên phòng trong tình hình mới". Cùng với tổng kết thực tiễn, tỉnh đã tăng cường giáo dục quốc phòng cho cán bộ lãnh đạo các cấp, ban ngành, đoàn thể, học sinh, sinh viên. Ý thức cảnh giác của cán bộ, Đảng viên và quần chúng về âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch được nâng lên một bước. Công tác tuyển quân hàng năm đều đạt kế hoạch được giao. Cơ quan quân sự các cấp có sự phối kết hợp với các cơ quan chức năng, đoàn thể thường xuyên làm tốt công tác chính sách hậu phương quân đội, khen thưởng và giải quyết những tổn động sau chiến tranh.

Tính đến năm 2000, tỉnh đã đề nghị Nhà nước tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân cho 17 đơn vị, 6 cá nhân; phong tặng, truy tặng cho 142 Bà mẹ Việt Nam anh hùng, trong đó có 15 mẹ còn sống được các cơ quan, đơn vị, đoàn thể phụng dưỡng suốt đời.

Việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trong 5 năm (1996 - 2000) đạt một số kết quả đáng khích lệ, song vẫn còn những hạn chế. Nhận thức về nhiệm vụ quốc phòng toàn dân, kết hợp kinh tế với quốc phòng trong một bộ phận cán bộ, Đảng viên có mặt chưa sâu. Chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang được nâng lên nhưng một số mặt chưa ngang tầm với đòi hỏi tình hình. Đời sống của một số đối tượng chính sách còn khó khăn, nhiều cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang xuất ngũ, dự bị động viên chưa có việc làm ổn định.

Trong thời kỳ mở cửa và hội nhập với khu vực và thế giới, công tác bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh có nhiều diễn biến phức tạp. Công an tỉnh đã làm tốt chức năng tham mưu và hoàn thành tốt nhiệm vụ với mục tiêu giữ vững ổn định chính trị. Các âm mưu và hành động lợi dụng dân chủ, nhân quyền để xuyên tạc, chống phá cách mạng được ngăn chặn kịp thời, không để xảy ra hậu quả xấu. Lực lượng Công an đã phát hiện xử lý

nhiều vụ phạm pháp hình sự, các hoạt động xâm phạm lãnh hải; tham nhũng, buôn lậu; ngăn chặn các loại văn hóa phẩm độc hại... góp phần có hiệu quả vào công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thực hiện chương trình quốc gia phòng chống tội phạm của Chính phủ, ở cấp tỉnh, huyện đã thành lập Hội đồng phổ biến, giáo dục pháp luật theo Nghị quyết 09/CP ngày 31-7-1998 về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, Quyết định 138/1998/QĐ-TTg ngày 31-7-1998 về phê duyệt chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, 139/1998/QĐ-TTg ngày 31-7-1998 về chương trình hành động phòng chống ma túy giai đoạn 1998-2000, nhằm kìm chế sự gia tăng hoạt động của bọn tội phạm và các tệ nạn, giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Tỉnh ủy chỉ thị các cấp, các ngành chú trọng giải quyết tốt các đơn thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân ngay tại cơ sở, không để phát sinh thành điểm nóng phức tạp và nghiêm túc triển khai Chỉ thị 32 của Tỉnh ủy về giáo dục, cảm hóa người lầm lỗi tại cộng đồng, góp phần quan trọng củng cố niềm tin ở nhân dân, ổn định tình hình xã hội. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm chỉ đạo, phát triển toàn diện, đi vào chiều sâu và có những nét mới. Các điển hình tiên tiến trong phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự được xây dựng và nhân rộng. Các cơ quan, ngành chức năng đã phối

kết hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể quần chúng giải quyết kịp thời, đúng quan điểm của Đảng và pháp luật của Nhà nước những vấn đề nảy sinh từ tôn giáo, dân tộc, chống tham nhũng, buôn lậu, gian lận thương mại... được dư luận đồng tình ủng hộ.

Với hiệu quả hoạt động những năm qua, công tác quốc phòng - an ninh đã phát huy được sức mạnh của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, xây dựng Ninh Thuận thành khu vực phòng thủ vững chắc, góp phần bảo vệ chủ quyền đất nước, bảo vệ Đảng, chính quyền, nhân dân, bảo vệ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX và các Nghị quyết, Chỉ thị chuyên đề, trong nhiệm kỳ 1996-2000, các cấp ủy Đảng, chính quyền đã tập trung đẩy mạnh đổi mới công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng nhằm phát huy mọi tiềm năng, nguồn lực cho công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội.

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX khẳng định: Phải thực hiện việc đổi mới và chỉnh đốn Đảng theo yêu cầu nhiệm vụ mới trên cả 3 mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Công tác chính trị tư tưởng được Đảng bộ đặc biệt coi trọng. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về "xây dựng và chỉnh đốn Đảng", Nghị quyết 04-

NQ/TU về “Bảo vệ chính trị nội bộ giai đoạn 1997 - 2000”, tỉnh đã tập trung chỉ đạo, xây dựng kế hoạch triển khai đến tận cơ sở.

Ban Tuyên giáo các cấp và lực lượng làm công tác tư tưởng đã làm tốt công tác tuyên truyền, triển khai các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy; đưa pháp luật, chính sách của Nhà nước đi vào cuộc sống. Đại bộ phận cán bộ, Đảng viên và nhân dân qua học tập đều có nhận thức đúng tình hình, nhất trí cao với chủ trương, quan điểm của Đảng, không chấp nhận đa nguyên, đa Đảng. Sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống trong một số cán bộ, Đảng viên được đấu tranh, phê phán và có những chuyển biến căn bản. Các cấp ủy Đảng và chi bộ, đảng viên có ý thức hơn trong việc nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, giải quyết dứt điểm một số vụ việc nổi cộm, ngăn chặn có hiệu quả việc lôi kéo một số đảng viên vào các tổ chức tôn giáo...

Công tác bồi dưỡng giáo dục lý luận chính trị, sâu tâm, biên soạn lịch sử Đảng và giáo dục truyền thống cách mạng được tăng cường đáp ứng kịp thời yêu cầu thực tiễn. Các cơ quan: báo Ninh Thuận, đài Phát thanh - Truyền hình từng bước hiện đại hóa phương tiện kỹ thuật, thường xuyên đổi mới nội dung và phương thức thông tin đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân. Nhiều ấn phẩm mới của báo chí được xuất bản với

nội dung phong phú, đa dạng, bám sát nhiệm vụ chính trị, có ý nghĩa giáo dục và thẩm mỹ góp phần đắc lực cho công tác chính trị, tư tưởng. Ngày 25-11-1997, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ra Chỉ thị số 18CT/TU về “Tăng cường việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng”. Báo Đảng, tạp chí Cộng sản được phát hành đến từng Đảng bộ cơ sở, khắc phục hiệu quả tình trạng cơ sở trắng báo, tạp chí của Đảng.

Nhìn chung, công tác tư tưởng đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị - tư tưởng, nâng cao nhận thức và trình độ lý luận, củng cố lòng tin trong cán bộ Đảng viên và nhân dân, tạo sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng bộ, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh những năm 1996-2000.

Trong công tác xây dựng Đảng, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đảng ta từ ngày thành lập đến nay cũng luôn khẳng định: cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, của đất nước, của chế độ, là khâu then chốt trong toàn bộ hoạt động của Đảng. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX nhấn mạnh “Phải đổi mới công tác cán bộ, làm tốt công tác tuyển chọn tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Hoàn thành việc xây dựng quy hoạch cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý trong các ngành, các cấp xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo cán bộ một cách

căn bản nhằm khắc phục sự hẫng hụt trong đội ngũ cán bộ các cấp của tỉnh". Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ ba (khóa VIII), tháng 6-1997 đã ra hai Nghị quyết: "về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh" và "Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước". Ngày 12-12-1997, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết 09 về xây dựng đội ngũ cán bộ tỉnh đến năm 2000 và 2010.

Các cấp ủy Đảng đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, đào tạo, nâng cao một bước trình độ lý luận chính trị, kiến thức chuyên môn của đội ngũ cán bộ Đảng viên; xây dựng tiêu chuẩn các chức danh từng loại cán bộ theo yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Hoạt động của Trường Chính trị tỉnh và các Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện, thị (thành lập từ năm 1995) ngày càng đi vào nề nếp, có hiệu quả, đã góp phần tích cực vào việc bồi dưỡng, đào tạo cán bộ. Trong 5 năm (1996-2000) đã có 9.677 lượt cán bộ được đào tạo cả về chính trị, chuyên môn và một số ngành nghề khác; tăng thêm 55 cán bộ nghiên cứu sinh và cao học, 68 cán bộ được bồi dưỡng sau đại học. Trình độ lãnh đạo, quản lý, tri thức của đội ngũ cán bộ đã có sự tích lũy; tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ dân

tộc trong hệ thống chính trị tăng hơn trước. Công tác quy hoạch cán bộ đã giúp các cấp ủy chủ động hơn trong việc đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ dự nguồn vào các vị trí theo yêu cầu quy hoạch. Quy trình đánh giá, bổ nhiệm tuyển dụng cán bộ được công khai, dân chủ, chặt chẽ hơn trước, đây cũng là cơ sở giúp cho các cấp ủy Đảng lãnh đạo tốt công tác nhân sự bầu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999-2004 và nhân sự Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2000-2005 trong toàn tỉnh.

Sau những năm công tác phát triển Đảng gặp khó khăn do tác động xấu của biến động chính trị ở Liên Xô và các nước Đông Âu, từ năm 1996 số người xin gia nhập Đảng ngày càng nhiều, phát triển đảng viên mới những năm 1996-2000 tăng gấp 2,3 lần so với năm 1991-1995. Điều này cho thấy nhận thức của các tầng lớp nhân dân về Đảng, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội được nâng lên, uy tín của Đảng được khôi phục, củng cố. Trong nhiệm kỳ 1996-2000, Đảng bộ đã kết nạp được 2.026 đảng viên mới, đưa tổng số đảng viên của toàn Đảng bộ vào năm 2000 lên 6.076 người, sinh hoạt trong 297 tổ chức cơ sở Đảng¹.

Về tổ chức bộ máy, thực hiện Nghị quyết Trung

1. Năm 1996 phát triển 392 đảng viên; 1997 là 418; 1998 là 405; 1999 là 431 và năm 2000 là 380 đảng viên.

ương 7 (khóa VIII), Tỉnh ủy đã xây dựng kế hoạch triển khai, tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy Đảng, chính quyền, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở. Tỉnh đã tiến hành rà soát sắp xếp, tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; bổ sung chức năng, nhiệm vụ của một số sở, ban ngành gắn với chương trình cải cách hành chính, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; điều chỉnh, bố trí lại cán bộ cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ đồng thời tích cực chuẩn bị nhân sự cho Đại hội Đảng bộ các cấp và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X.

Bên cạnh những chuyển biến tích cực, công tác xây dựng Đảng về tổ chức và cán bộ còn nhiều hạn chế, đáng chú ý là chưa ngăn chặn được sự suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, nhất là với cán bộ có chức, có quyền, làm giảm uy tín của Đảng đối với nhân dân. Chậm tổng kết, nâng cao chất lượng tổ chức Đảng ở các loại hình tổ chức cơ sở. Tình trạng mất đoàn kết, cục bộ còn xảy ra ở một số địa phương. Nội dung sinh hoạt cấp ủy, chi bộ còn giản đơn, chưa thiết thực, tính đấu tranh tự phê bình và phê bình còn biểu hiện nể nang, né tránh. Công tác tổ chức bộ máy và cán bộ trong hệ thống chính trị còn nhiều mặt yếu, chưa tạo được sự chuyển biến tích cực để đáp ứng nhu cầu, nhiệm vụ. Công tác quy hoạch cán bộ đạt hiệu quả chưa cao. Một số cán bộ

được bố trí không tương xứng với cương vị và trách nhiệm được giao nhưng chậm điều chỉnh nên hiệu quả hoạt động còn thấp.

Thực hiện Chỉ thị 29 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác kiểm tra Đảng trong tình hình mới, công tác kiểm tra của Đảng bộ Ninh Thuận từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, được xác định là nhiệm vụ quan trọng của các cấp ủy và đảng viên. Các cấp ủy đã nhận thức đầy đủ hơn về vai trò, trách nhiệm đối với công tác kiểm tra và mở rộng dân chủ trong sinh hoạt Đảng. Các cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra các cấp chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, thực hiện quy chế hoạt động, phát huy dân chủ để mọi cán bộ, đảng viên có quyền và trách nhiệm tham gia công tác kiểm tra. Tăng cường kiểm tra thực hiện Nghị quyết, kiểm tra đảng viên và tổ chức Đảng (nhất là ở cấp dưới) có dấu hiệu vi phạm, tập trung giải quyết tốt đơn thư tố cáo, khiếu nại. Toàn Đảng bộ năm 2000 có 6.076 đảng viên, bình quân mỗi năm phát triển trên 400 đảng viên mới, hàng năm dự phân loại là 87,87%. Qua phân tích chất lượng đảng viên từ năm 1996-2000, hàng năm có 85,25% đủ tư cách, 13,02% đủ tư cách nhưng còn hạn chế và 1,79% vi phạm tư cách phải xử lý; tổng số đảng viên phải đưa ra khỏi Đảng là 42, số tổ chức cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh năm 2000 là 65,74% và 2,76% yếu kém.

Công tác kiểm tra của các cấp ủy đã góp phần tích cực vào công tác xây dựng Đảng, xử lý kịp thời những sai phạm, làm trong sạch Đảng, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên. Trong nhiệm kỳ, Ủy ban Kiểm tra các cấp tiến hành kiểm tra 390 đảng viên có dấu hiệu vi phạm, qua kết luận có 109 đảng viên vi phạm và đã xử lý 96 đảng viên (chiếm 88,5% số đảng viên có vi phạm). Kiểm tra đảng viên và tổ chức Đảng cấp dưới có dấu hiệu vi phạm là nhiệm vụ mới được Điều lệ Đảng Đại hội VIII quy định, nên thời gian đầu nhiệm kỳ, Ủy ban Kiểm tra các cấp còn nhiều lúng túng về xác định đối tượng, nội dung trong thực hiện quy trình, cách làm. Sau kết quả chỉ đạo làm điểm ở một số cơ sở, tỉnh đã tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm để triển khai ra diện rộng, đưa công tác này dần đi vào hoạt động thường xuyên. Công tác giải quyết đơn thư tố cáo góp phần quan trọng giải quyết tình hình phức tạp ở một số địa phương, cơ sở. Tình hình đơn thư diễn biến phức tạp và số đơn vượt cấp còn nhiều. Đối tượng bị tố cáo chiếm tỷ lệ cao là đảng viên nắm giữ các cương vị lãnh đạo cấp tỉnh, huyện¹. Nội dung tố cáo chủ yếu về tinh thần trách nhiệm, chấp hành Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, pháp luật Nhà nước không nghiêm, cố ý làm trái nguyên tắc quản lý

1. Báo cáo tổng kết công tác kiểm tra nhiệm kỳ Đại hội VIII Đảng bộ tỉnh (1996-2000).

tài chính, vi phạm phẩm chất, lối sống, mất đoàn kết nội bộ... Tỉnh ủy đã chỉ đạo Ủy ban Kiểm tra cùng với các ban ngành, cơ quan chức năng tích cực xem xét giải quyết. Qua giải quyết đơn thư tố cáo đã góp phần xử lý cán bộ, đảng viên vi phạm, minh oan cho một số đồng chí, đồng thời giúp cấp ủy lựa chọn, đánh giá và sử dụng cán bộ đúng đắn hơn. Tuy còn nhiều thiếu sót, tồn tại nhưng công tác kiểm tra đã giữ vị trí quan trọng làm trong sạch, tăng cường giữ vững kỷ luật, kỷ cương và sự đoàn kết trong Đảng.

Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng được các cấp ủy nghiêm túc quán triệt, chuẩn bị khá chu đáo về nội dung, kế hoạch các bước tiến hành. Việc tổ chức kiểm điểm tập thể và cá nhân lãnh đạo được tiến hành theo Kế hoạch 35 của Tỉnh ủy, trong đó đi sâu giải quyết các tồn tại, yếu kém về lãnh đạo, chỉ đạo của tập thể và cá nhân cấp ủy các cấp. Từ tỉnh đến cơ sở đã thể hiện tinh thần tự phê bình và phê bình thẳng thắn, nghiêm túc, chỉ ra những yếu kém của tập thể cấp ủy và cá nhân. Một số cơ quan, đơn vị xảy ra tình trạng mất đoàn kết được khắc phục và củng cố tốt. Một số cán bộ các cấp, các ngành (kể cả diện thuộc tỉnh quản lý) có đơn thư khiếu tố về những vấn đề tiêu cực đã được xem xét, kết luận, xử lý kịp thời. Việc lắng nghe ý kiến của nhân dân và thái độ tiếp thu phê bình đối với cán bộ, đảng viên có sự chuyển biến tốt. Chúc năng, nhiệm

vụ và mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp được xác định rõ hơn, bước đầu khắc phục được sự chồng chéo lẫn lộn trong lãnh đạo điều hành của cấp ủy đối với chính quyền, đoàn thể. Qua thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), kết quả bước đầu tạo được sự nhất trí cao trong toàn Đảng bộ, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Trên cơ sở những mặt làm được và chưa được, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) gắn với việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế - chính trị - xã hội của địa phương.

Trước yêu cầu đổi mới đất nước trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, công tác xây dựng và củng cố chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh thực sự là chính quyền của dân, do dân và vì dân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền có ý nghĩa hết sức quan trọng và cấp bách. Cụ thể hóa Nghị quyết Trung ương 3, ngày 5-9-1997, Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết 06 đề ra Chương trình hành động về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước trong sạch vững mạnh. Mục tiêu tổng quát đến năm 2000: Tập trung làm chuyển biến rõ hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và quản lý nhà nước, tiếp tục dân chủ hóa các hoạt động kinh tế-xã hội. Mọi công việc về kinh tế-xã hội ở địa

phương nhân dân phải biết và được bàn, được kiểm tra dưới nhiều hình thức thích hợp. Đội ngũ cán bộ, viên chức trong cơ quan chính quyền các cấp phải được nâng cao trình độ, năng lực, trước hết phải nâng cao giác ngộ chính trị. Cán bộ công chức phải thật sự là công bộc của dân, phải làm trong sạch đội ngũ công chức.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết của Thường vụ Tỉnh ủy, các cấp ủy tập trung xây dựng, củng cố, điều chỉnh tổ chức bộ máy chính quyền từ tỉnh đến cơ sở; nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, từng bước thực hiện chế độ dân chủ trực tiếp của nhân dân... Ba năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, Hội đồng nhân dân Ninh Thuận hoạt động có hiệu quả hơn, bám sát các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Các nghị quyết và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đề ra phù hợp với tình hình địa phương. Công tác giám sát, thẩm tra được nâng lên một bước, đa số đại biểu Hội đồng nhân dân đã thể hiện được vai trò trách nhiệm dân cử của mình. Bộ máy các cơ quan nhà nước được sắp xếp một bước. Hiệu lực quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân các cấp nhìn chung có tiến bộ, đạt được kết quả bước đầu về cải cách thủ tục hành chính theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII), giải quyết đơn thư, khiếu nại, khiếu tố của nhân dân. Tệ quan liêu, hách dịch xa rời quần chúng

nhân dân của đội ngũ công chức được khắc phục một bước.

Nhận thức tầm quan trọng của việc phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa để tạo động lực thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội trong tỉnh, trên cơ sở những kết quả đạt được trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII), Đảng bộ Ninh Thuận đề ra nhiệm vụ: các cấp ủy Đảng và chính quyền phải thực hiện tốt đường lối quan điểm và các chính sách của Đảng đối với các dân tộc, tôn giáo và các tổ chức xã hội nhằm động viên mọi tiềm năng, đóng góp của nhân dân phục vụ cho nhiệm vụ kinh tế - xã hội tỉnh nhà. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các đoàn thể quần chúng, đa dạng hóa các hình thức tập hợp gắn bó với công tác bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đoàn viên, hội viên. Nhằm quán triệt nhiệm vụ của Đảng bộ, các cấp ủy Đảng, chính quyền, tổ chức đoàn thể đã cố gắng truyền đạt, phổ biến các chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng đến các tầng lớp nhân dân, đáng chú ý là việc thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đã đưa đến những chuyển biến tiến bộ trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Thực hiện Chỉ thị 30 ngày 18-2-1998 của Bộ Chính trị về “Xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở” và tiếp theo là các Nghị định 29, 71 của Chính phủ,

các thông tư, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương về quy chế dân chủ, thực hiện quy chế dân chủ ở xã, phường, cơ quan, ngày 29-7-1998, Tỉnh ủy đã ra Chỉ thị số 25 về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, triển khai thực hiện quy chế dân chủ, gắn với thực hiện phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” ở cơ sở. Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ được thành lập từ tỉnh đến cơ sở; 4 cơ sở xã, phường, thị trấn đại diện cho 4 huyện, thị¹ được chọn làm điểm để rút ra những kinh nghiệm tốt cho việc triển khai đến các cơ sở khác trong toàn tỉnh. Các cơ sở xã, phường, thị trấn đều tổ chức sơ kết mô hình ban quản lý thôn, gắn việc triển khai học tập Chỉ thị 30 với việc thực hiện Chỉ thị 21 của Bộ Chính trị về “Một số vấn đề cấp bách ở nông thôn”. Một số thôn, khu phố bước đầu xây dựng các quy ước, hương ước nhằm xây dựng đời sống văn hóa và cuộc sống mới ở khu dân cư. Các ban của Đảng, các đoàn thể quần chúng, Sở Văn hóa - Thông tin, báo, đài Phát thanh - Truyền hình... tập trung tuyên truyền, nêu các gương điển hình tiên tiến, cách làm hay ở cơ sở, góp phần nâng cao nhận thức của nhân dân về thực hiện Quy chế. Chính quyền các cấp, các sở, ban, ngành bước đầu có chuyển biến trong cải cách hành chính, lề lối làm việc, hạn chế nạn quan

1. Phường Thanh Sơn (thị xã Phan Rang - Tháp Chàm), thị trấn Khánh Hải (huyện Ninh Hải), xã Phước Chính (huyện Ninh Sơn và xã Phước Hữu (huyện Ninh Phước).

liêu, hách dịch với dân. Nhân dân ngày càng có nhận thức đầy đủ hơn về dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” đối với các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, cơ sở.

Trong nhiệm kỳ, các cấp ủy Đảng, chính quyền đã chú trọng tăng cường xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở khối liên minh vững chắc công-nông-trí thức, mở rộng mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ, Liên đoàn lao động, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh... có nhiều đổi mới về hình thức và nội dung hoạt động. Hội viên, đoàn viên được tập hợp rộng rãi, phát huy quyền dân chủ, tích cực tham gia mọi hoạt động xã hội. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng đóng vai trò nòng cốt trong các chương trình xã hội: xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa, giúp nhau làm kinh tế gia đình, hoạt động từ thiện, xây dựng nếp sống văn hóa ở khu dân cư, thúc đẩy phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, giữ gìn an ninh trật tự... Hầu hết ở các cơ sở xã, phường, thị trấn, Mặt trận và các đoàn thể đã tham gia xác định các loại hộ đói nghèo trên từng khu dân cư, chịu trách nhiệm tín chấp để nhân dân, hội viên, đoàn viên vay vốn từ Ngân hàng phục vụ người nghèo, vốn của các quỹ tín dụng nhân dân, giúp cho các hộ nghèo có điều kiện để

sản xuất, cải thiện đời sống. Vận động nhân dân có vốn mạnh dạn đầu tư để phát triển các ngành, nghề sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ... tạo ra không khí thi đua làm giàu chính đáng, giải quyết việc làm cho nhiều lao động. Qua phong trào này, diện đói nghèo giảm dần, hộ khá, giàu tăng lên. Các phong trào đền ơn đáp nghĩa, từ thiện nhân đạo, phòng chống tệ nạn xã hội, kế hoạch hóa gia đình, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng chống tội phạm... được sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa Mặt trận, đoàn thể và các cấp chính quyền, đạt được những thành tựu đáng kể, mang lại hiệu quả thiết thực cho đời sống nhân dân.

Các vấn đề tôn giáo và dân tộc được Tỉnh ủy thường xuyên quan tâm lãnh đạo. Từ tỉnh đến các huyện, thị đều thành lập Ban chỉ đạo công tác tôn giáo, thực hiện nghiêm túc các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề tôn giáo, tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân. Chức sắc và tín đồ các tôn giáo yên tâm phấn khởi, gắn bó với cuộc sống chung của nhân dân. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội đối với đồng bào các dân tộc như các chương trình phát triển kinh tế - xã hội miền núi theo tinh thần Nghị quyết 22/BCT; chương trình hành động thực hiện Thông tri 03/BCT về công tác đối với đồng bào Chăm,

thành lập bộ phận công tác người Hoa trong Ban Dân vận... được triển khai thực hiện có hiệu quả. Nhiều hộ biết thay đổi tập quán sản xuất, dựa vào lợi thế từng vùng để phát triển kinh tế hộ, tạo thu nhập khá. Truyền thống văn hóa các dân tộc được khuyến khích, bảo tồn và phát triển. Công tác vận động đoàn kết dân tộc được thực hiện tốt nên đã hòa giải kịp thời những mâu thuẫn nội bộ. Nhờ vậy, đời sống vật chất và tinh thần các dân tộc trong tỉnh không ngừng được cải thiện, đồng bào ngày càng gắn kết với cộng đồng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Nhằm tạo điều kiện đầu tư kết cấu hạ tầng cho vùng miền núi Bắc Ái, tỉnh đề nghị với Trung ương cho tái lập huyện Bắc Ái. Ngày 6-11-2000, theo Nghị định số 65/2000/NĐCP của Chính phủ, huyện Bắc Ái được thành lập trên cơ sở điều chỉnh địa giới huyện Ninh Sơn. Các ban, ngành của huyện nhanh chóng ổn định về tổ chức và đi vào hoạt động.

Những kết quả và thành tựu mà Đảng bộ và nhân dân Ninh Thuận đạt được là một sự cố gắng lớn trong điều kiện của tỉnh còn rất nhiều khó khăn, thử thách. Tuy nhiên, trong công tác quản lý Nhà nước, sự phối kết hợp giữa các ngành chưa thật chặt chẽ, việc phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn cho một số sở, ban ngành còn chồng chéo, trùng lặp. Năng lực tổ chức thực hiện, điều hành của một bộ phận cán bộ, công chức còn bộc

lộ nhiều yếu kém, lúng túng. Công tác cải cách thủ tục hành chính còn chậm, giải quyết công việc chậm trễ kéo dài, gây phiền hà cho nhân dân. Đây là một trong những nguyên nhân cơ bản làm hạn chế việc thực hiện các nhiệm vụ và mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh. Đảng bộ tỉnh đã thẳng thắn đánh giá những thiếu sót, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng, chính quyền, vận động quần chúng và sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ban thường vụ Tỉnh ủy khóa IX. Những bài học kinh nghiệm quý báu được rút ra từ thực tiễn sẽ là cơ sở cho Đảng bộ phấn đấu đi lên trong nhiệm kỳ mới.

✕ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X - Đại hội kết thúc ✕ thế kỷ XX và mở đầu thế kỷ mới, được khai mạc vào ngày 28-12-2000 tại thị xã Phan Rang-Tháp Chàm. Tham gia Đại hội có 266 đại biểu chính thức đại diện cho 5.919 đảng viên của 297 tổ chức cơ sở Đảng. Đại hội đã giành thời gian nhìn lại chặng đường 10 năm (1991-2000) thực hiện chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là từ khi tái lập tỉnh (1992). Cùng với công cuộc đổi mới của cả nước, Ninh Thuận đã tập trung khắc phục những khó khăn, thiếu thốn, phấn đấu đạt được những thành tích tiến bộ quan trọng trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng Đảng, quốc phòng - an ninh, giữ vững sự ổn định chính trị, tạo ra tiền đề cần thiết cho bước phát triển của Ninh Thuận trong những năm cuối của thế kỷ XX.

Sau khi thảo luận, đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Đại hội đã nghiên cứu, thảo luận Báo cáo chính trị và báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IX. Từ sự phân tích tình hình quốc tế, trong nước và trong tỉnh vào thời điểm hiện tại, cũng như những thuận lợi và thời cơ, khó khăn và thử thách đối với tỉnh, Đại hội cho rằng: “Thách thức lớn nhất hiện nay vẫn là sức sản xuất và trình độ phát triển của nền kinh tế tỉnh ta còn rất thấp... khoảng cách về sự phát triển kinh tế và nguồn thu ngân sách địa phương so với các tỉnh trong khu vực chưa được thu hẹp”. Tình hình đó, đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân Ninh Thuận cần có sự nỗ lực rất lớn, phát huy cao độ tinh tự lực, tự cường, khai thác sử dụng có hiệu quả các tiềm năng và thế mạnh của địa phương, tranh thủ mọi nguồn lực trong và ngoài tỉnh để đưa Ninh Thuận phát triển đi lên.

Từ phương hướng và nhiệm vụ chung của cả nước, căn cứ vào điều kiện cụ thể của tỉnh, Đại hội xác định nhiệm vụ và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010, với mục tiêu tổng quát: Đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế có hiệu quả và vững chắc hơn, đồng thời giải quyết tốt những vấn đề xã hội bức xúc, giữ vững quốc phòng và an ninh. Phấn đấu đưa Ninh Thuận vượt qua tình trạng nghèo và kém phát triển,



Đồng chí Chamaléa Điều
Bí thư Tỉnh ủy Ninh Thuận
(từ tháng 4-1996 đến năm 2000)



Mô hình nuôi tôm trên cát



Chế biến hạt điều xuất khẩu



Nho Phan Rang



Chăn nuôi cừu đàn



Trường mới vùng cao



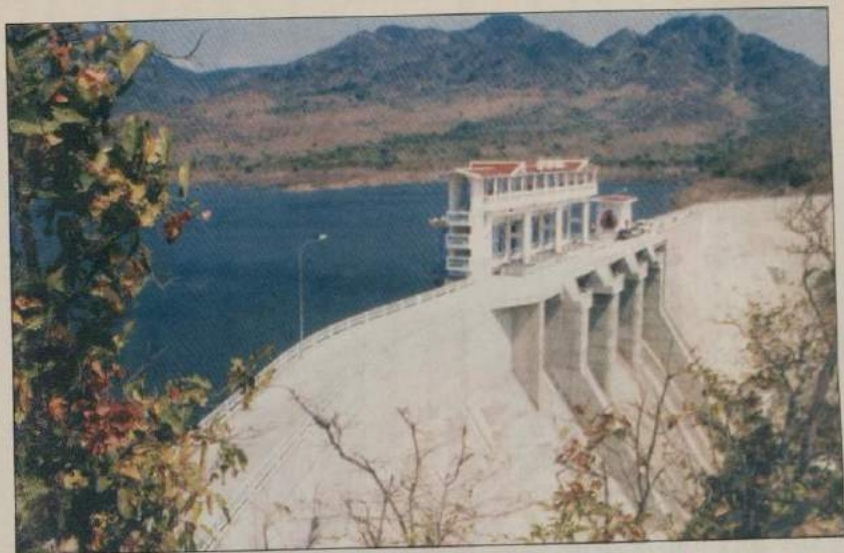
Thường vụ Tỉnh ủy duyệt bản thảo
" Lịch sử Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận 1975 - 2000 "

nâng cao tích lũy nội bộ, cải thiện mức sống nhân dân, thu hẹp khoảng cách tụt hậu, tạo tiền đề cho bước phát triển nhanh hơn sau năm 2000.

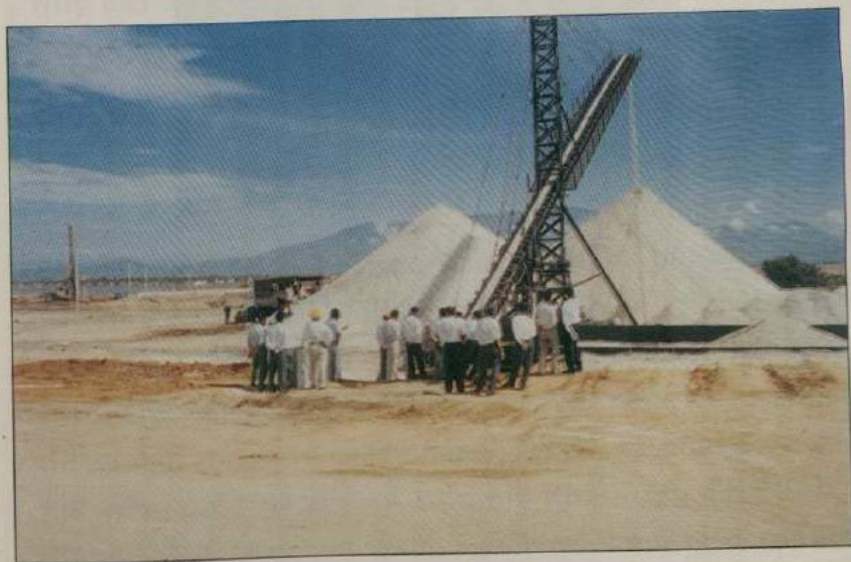
Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận khóa X gồm 43 Ủy viên, Ban Thường vụ có 9 đồng chí. Đồng chí Chamaléa Diêu được bầu lại làm Bí thư, đồng chí Đào Thạm làm Phó Bí thư. Đại hội bầu 11 đại biểu chính thức và 2 đại biểu dự khuyết đi dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX.

Tại phiên bế mạc, Đại hội đã tiến hành biểu quyết các chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế-xã hội của tỉnh đến năm 2005 và 2010 với sự thống nhất cao của các đại biểu. Đại hội kêu gọi toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân, các cấp, các ngành trong tỉnh đẩy mạnh phong trào thi đua góp phần đưa nghị quyết nhanh chóng đi vào cuộc sống.

Thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng và Đại hội lần thứ X của Đảng bộ là niềm vui và nguồn cổ vũ to lớn đối với Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh. Bước vào thời kỳ đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân Ninh Thuận phải tăng cường hơn nữa sự đoàn kết, thống nhất, phát huy nội lực, nắm bắt thời cơ, biến khó khăn thành thuận lợi để đưa Ninh Thuận vững bước tiến vào thế kỷ XXI, bắt kịp tốc độ phát triển chung của cả nước.



Hồ Tân Giang



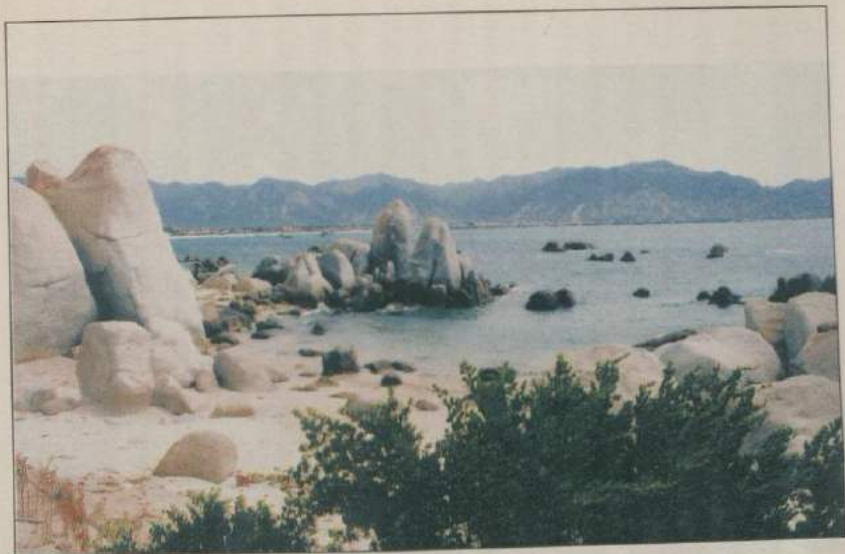
Sản xuất muối công nghiệp



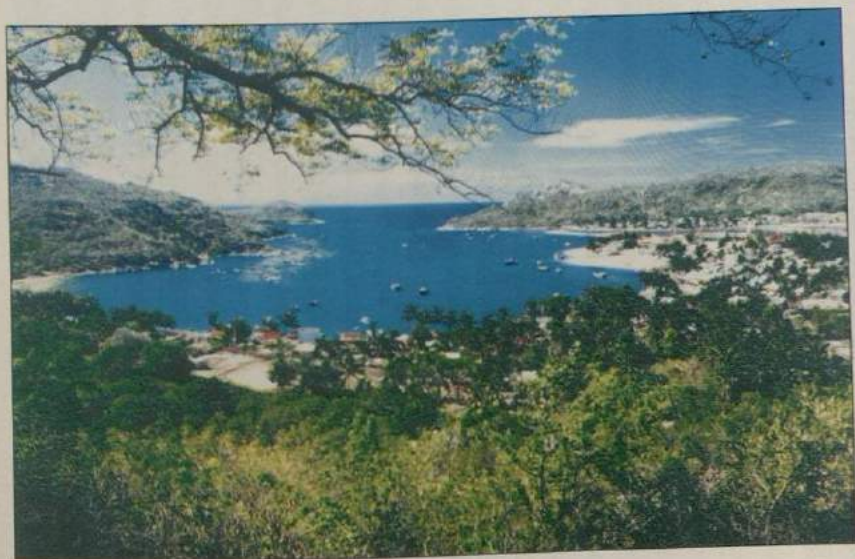
Trồng thực nghiệm giống bông mới có năng suất cao



Cảng cá Đông Hải



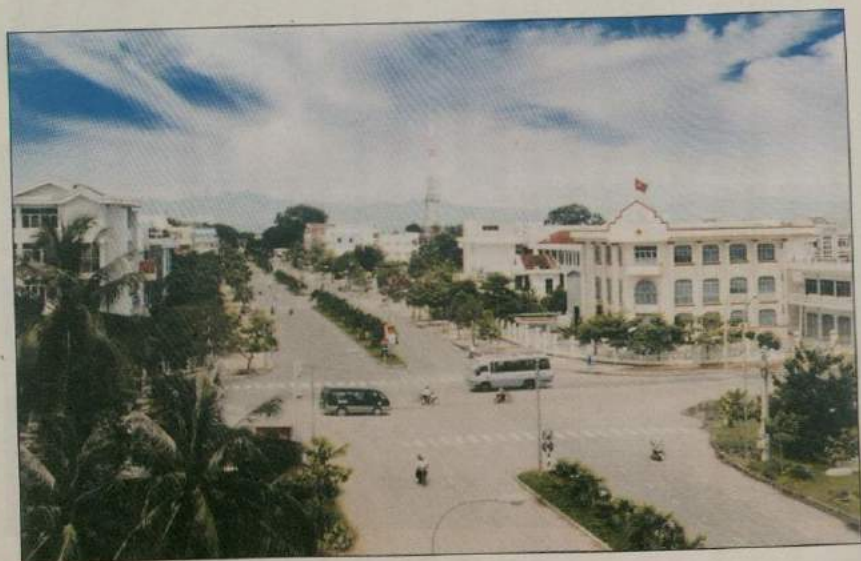
Khu du lịch Hòn Cò - Cà Ná



Khu du lịch Vĩnh Hy



Kỷ niệm 25 năm ngày giải phóng Ninh Thuận



Thị xã Bình Hòa - Thôn Chàm trên đường đổi mới

KẾT LUẬN

Hai mươi lăm năm cuối của thế kỷ XX là một chặng đường tiếp nối truyền thống đoàn kết, đấu tranh kiên cường, lao động sáng tạo của Đảng bộ và nhân dân Ninh Thuận. Từ giai đoạn lãnh đạo, tổ chức nhân dân trong tỉnh trực tiếp chiến đấu trong suốt hai cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, và sau khi Ninh Thuận được giải phóng, tháng 4-1975, Đảng bộ bắt tay ngay vào việc lãnh đạo nhân dân trong tỉnh khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, chuẩn bị tiền đề cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Đây là những năm tháng không kém phần khó khăn, thử thách. Tình hình quốc tế có những biến động nhanh chóng và phức tạp, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, bọn đế quốc cùng các thế lực phản động ráo riết chống phá cách mạng về nhiều mặt. Trong nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội trầm trọng, kéo dài. Từ tháng 2-1976, Ninh Thuận hợp nhất với tỉnh Bình Thuận, Bình Tuy thành

Đội ngũ Đảng viên ngày càng tăng về số lượng, nâng cao về phẩm chất đạo đức, năng lực làm việc, hệ thống chính trị được củng cố, giữ vững khối đại đoàn kết giữa các dân tộc anh em trong tỉnh.

Những thành tựu quan trọng nói trên đã tăng cường sức mạnh tổng hợp, làm thay đổi bộ mặt tỉnh nhà và cuộc sống của nhân dân, góp phần củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

Tuy nhiên, yếu kém, khuyết điểm của tỉnh nhà cũng còn nhiều đã làm hạn chế không nhỏ tới những thành công như: kinh tế phát triển chậm, chưa khai thác tốt các tiềm năng và lợi thế. Nguồn thu ngân sách còn nhỏ bé, chỉ mới đáp ứng hơn 1/3 yêu cầu chi. Lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, khoa học công nghệ có phát triển nhưng chưa tương xứng. Công tác xây dựng Đảng chưa đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới, chưa thật sự vững mạnh làm hạt nhân nòng cốt lãnh đạo phong trào địa phương; tiêu cực, tham nhũng còn diễn biến phức tạp; công tác quy hoạch cán bộ còn chấp vá, cục bộ, thiếu tính chiến lược dẫn đến tình trạng hẫng hụt, vừa thiếu cán bộ vừa hạn chế về trình độ, năng lực; cải cách hành chính chuyển biến chậm. Tuy có những cơ chế chính sách cởi mở nhưng phương pháp lãnh đạo, thủ tục chưa thật thông thoáng, chưa tạo mọi điều kiện để thu hút các thành phần trong và ngoài tỉnh, nước ngoài tham gia đầu tư cho tỉnh, có trường hợp bỏ lỡ

hậu quả sau chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân, khôi phục và phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội, củng cố xây dựng chính quyền nhân dân và các đoàn thể quần chúng. Cũng trong thời kỳ này cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp đã bộc lộ nhiều nhược điểm, không còn phù hợp làm cho sản xuất bị đình đốn, an ninh trật tự diễn biến phức tạp, tiêu cực xã hội phát triển, đời sống nhân dân khó khăn thiếu thốn nhiều mặt. Các kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh Thuận Hải lần thứ II, III, IV đã dành nhiều trí lực tháo gỡ khó khăn. Trước yêu cầu thực tế của cuộc sống và thực hiện chủ trương của Trung ương, từ năm 1980, trên địa bàn tỉnh nhà nông nghiệp được xác định là mặt trận hàng đầu. Chỉ thị 100 của Ban Bí thư và Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị đã tạo bước đột phá mới trong nông nghiệp cả nước, làm chuyển biến nhận thức và tư duy mới về cơ chế quản lý, tạo ra hiệu quả kinh tế lớn về nông nghiệp. Từ những thành công và cả những vấp vấp, khuyết điểm, Đảng bộ ngày càng trưởng thành về nhận thức và phương pháp vận dụng đường lối, chính sách của Đảng và Chính phủ vào điều kiện cụ thể của tỉnh nhà, khắc phục dần những biểu hiện chủ quan, nóng vội, gò ép. với hoàn cảnh một tỉnh có 3 vùng đồng bằng, miền núi, ven biển gồm nhiều dân tộc sinh sống, kinh tế-xã hội kém phát triển, đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân còn thấp... Đảng bộ đã tìm tòi hướng đi, sáng tạo cách làm phù

hợp và đã đưa lại những kết quả thiết thực, tạo được một số tiền đề kinh tế - xã hội cho bước phát triển tiếp theo trong thời kỳ thực hiện đường lối đổi mới.

Những năm 1986-2000, với đường lối đổi mới toàn diện do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đề ra, được Đại hội lần thứ VII bổ sung và phát triển, Đảng bộ đã nhanh chóng nắm bắt đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng, đề ra được các nghị quyết sát hợp với tình hình. Thời kỳ này các thế lực thù địch đẩy mạnh âm mưu “diễn biến hòa bình” chống phá ta về nhiều mặt. Vượt qua khó khăn, thách thức lớn, những quyết sách và giải pháp đúng đắn của Đảng bộ đã đưa kinh tế-xã hội của tỉnh đi dần vào ổn định và tăng trưởng, đời sống nhân dân được cải thiện về nhiều mặt. Từ thế và lực mới, Đảng bộ và nhân dân Ninh Thuận quyết tâm phát huy nội lực, mở rộng quan hệ đối ngoại, hoàn chỉnh định hướng và quy hoạch phát triển kinh tế-xã hội, phấn đấu rút ngắn khoảng cách tụt hậu đối với các tỉnh trong khu vực vào đầu thế kỷ XXI.

Nhìn lại chặng đường 25 năm qua, Ninh Thuận đã có những bước chuyển biến tiến bộ quan trọng: nét nổi bật là từ một nền kinh tế thuần nông với cơ sở vật chất nghèo nàn đã chuyển dịch sang thực hiện cơ cấu kinh tế mới: nông nghiệp-ngư nghiệp-công nghiệp-dịch vụ và du lịch, trên cơ sở xác định đúng và ra sức khai thác các tiềm năng lợi thế. Sản xuất lương thực ổn

định và liên tục tăng, đáp ứng nhu cầu cho địa phương và có xuất khẩu. Bước đầu hình thành các vùng chuyên canh nông sản hàng hóa với các loại cây trồng và vật nuôi đặc thù có giá trị kinh tế cao như: nho, mía, bông, điều, thuốc lá, bò, dê, cừu. Ngành thủy sản có bước phát triển tương đối toàn diện về đánh bắt, nuôi trồng, chế biến, xuất khẩu đang dần khẳng định là ngành kinh tế mũi nhọn trong nền kinh tế. Mô hình kinh tế trang trại nông nghiệp và thủy sản phát triển rộng khắp và hiệu quả. Sản xuất công nghiệp từ chỗ lạc hậu, yếu kém đang xây dựng thành một ngành kinh tế quan trọng với các sản phẩm có lợi thế như muối công nghiệp, chế biến nông-thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng, may xuất khẩu. Ngành bưu điện đạt trình độ ngang tầm quốc gia với trang thiết bị hiện đại, đảm bảo thông tin thông suốt trong nước và quốc tế. Kết cấu hạ tầng từng bước được xây dựng phục vụ cho sản xuất, đời sống nhất là các công trình thủy lợi, điện, đường, trường học, trạm xá, phát thanh-truyền hình... đều phát triển tận cơ sở, bộ mặt nông thôn, thị xã có nhiều khởi sắc. Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội đều có chuyển biến tiến bộ rõ nét: đã đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ-phổ cập tiểu học và đang đẩy nhanh phổ cập giáo dục trung học cơ sở, mở trường dạy nghề, sức khỏe nhân dân được chăm sóc tốt hơn, hộ đói nghèo giảm, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng cải thiện, an ninh quốc phòng được giữ vững.

tỉnh Thuận Hải. Đến tháng 3-1992, tách ra tái lập lại tỉnh Ninh Thuận, các huyện thị trên địa bàn tỉnh cũng sáp nhập nhiều lần, làm cho bộ máy hành chính và tổ chức Đảng của Ninh Thuận thiếu ổn định. Mặt khác, do điều kiện chiến tranh, lượng cán bộ vừa thiếu lại chưa được đào tạo cơ bản để đáp ứng với yêu cầu mới nên trình độ năng lực quản lý kinh tế, xã hội có mặt còn hạn chế. Ninh Thuận lại là tỉnh thường bị thiên tai, lũ lụt, hạn hán, điểm xuất phát nền kinh tế thấp, kết cấu hạ tầng thiếu thốn, có 26 dân tộc thiểu số (chiếm 1/4 dân số), mặt bằng dân trí còn thấp... đã đòi hỏi Đảng bộ và nhân dân Ninh Thuận phải có sự nỗ lực phấn đấu vươn lên rất lớn.

Phát huy truyền thống hào hùng trong kháng chiến, Đảng bộ và nhân dân Ninh Thuận đoàn kết, vững vàng, sáng tạo vượt qua khó khăn, thách thức từng bước đưa tỉnh nhà phát triển đi lên, ngày càng giàu mạnh và đạt được nhiều thành tích quan trọng. Đặc biệt, việc thực hiện đường lối đổi mới của Đảng đã đem lại nhiều đổi thay trên quê hương Ninh Thuận, tạo ra thế và lực mới, cùng với cả nước thoát ra cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội, chuẩn bị những tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Những năm 1975-1985 là thời kỳ mà Đảng bộ và chính quyền các cấp trong tỉnh tập trung giải quyết những

thời cơ. Công tác vận động quần chúng có thời kỳ chưa được nhận thức đầy đủ nên không phát huy được khả năng to lớn của quần chúng.

Qua thực tiễn 25 năm lãnh đạo của Đảng bộ có thể rút ra một số kinh nghiệm chủ yếu sau:

1. Nghiên cứu nắm vững quan điểm, đường lối của Đảng và vận dụng sáng tạo vào thực tiễn của địa phương.

Kinh nghiệm này luôn được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Đảng bộ các cấp quán triệt và đặc biệt coi trọng trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo của mình. Bởi vận dụng đường lối, chủ trương của Đảng một cách sáng tạo, phù hợp với từng hoàn cảnh, điều kiện cụ thể sẽ giúp cho việc chủ động đề ra những nghị quyết và cơ chế, chính sách sát hợp để phát huy tốt tiềm năng, thế mạnh của tỉnh vào sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh. Muốn thực hiện có kết quả thì trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghị quyết phải gắn liền với xây dựng các chương trình, kế hoạch, các đề án, dự án cụ thể có tính khả thi, có phân công tổ chức các cá nhân phụ trách, chú trọng việc kiểm tra, đôn đốc, tiến hành sơ kết, tổng kết và bổ khuyết kịp thời để đưa nghị quyết vào cuộc sống.

Thực tiễn cho thấy, việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương của Đảng bộ những năm qua, đôi lúc thiếu những giải pháp tích cực có tính đột phá, chỉ đạo

chưa thật tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm, thiếu kiểm tra phát hiện kịp thời để tháo gỡ, uốn nắn nên một số chỉ tiêu nghị quyết đề ra không đạt được. Trên cơ sở nắm vững quan điểm, đường lối cách mạng của Đảng ta, Đảng bộ đã tập trung suy nghĩ, tìm tòi phương pháp thích hợp vận dụng vào điều kiện cụ thể của địa phương, từng bước đổi mới phong cách lãnh đạo, đổi mới cơ chế quản lý, tháo gỡ dần cơ chế cũ, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đã xác định. Là một tỉnh còn nhiều khó khăn, Đảng bộ đã biết chọn lợi thế về kinh tế (nông-ngư-lâm nghiệp) làm bước đột phá, tập trung chỉ đạo thực hiện có kết quả, biến khó khăn thành thuận lợi; nhân rộng các mô hình nhân tố mới trong nhân dân để phát triển thành phong trào. Nhờ vậy, đã huy động được nguồn vốn trong dân và các thành phần kinh tế trong, ngoài tỉnh đầu tư vào kinh doanh sản xuất, thúc đẩy nền kinh tế tỉnh nhà ngày càng phát triển.

2. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, tự lực tự cường vượt qua khó khăn, thử thách.

Đoàn kết và tự lực tự cường là truyền thống quý báu và lâu đời của dân tộc ta nói chung và nhân dân Ninh Thuận nói riêng. Truyền thống này càng được phát triển mạnh mẽ qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Phát huy truyền

thống cách mạng, sau ngày giải phóng Đảng bộ Ninh Thuận không ngừng tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân thông qua tổ chức Mặt trận và các đoàn thể trong tỉnh. Qua đó đã động viên, tổ chức nhân dân tham gia một cách tự giác vào các phong trào cách mạng ở địa phương; khơi dậy lòng tự hào, ý thức trách nhiệm, tinh thần tự lực tự cường vượt khó vươn lên không chịu nghèo nàn, tụt hậu của mọi người dân cùng chung sức chung lòng xây dựng quê hương. Một trong những bài học kinh nghiệm của Đảng bộ trong thời gian qua là “sự đoàn kết, nhất trí trong toàn Đảng bộ và trong nhân dân đã phát huy truyền thống cách mạng, tinh thần tự lực tự cường vượt qua khó khăn thử thách, giải quyết được những yêu cầu nhiệm vụ đã đề ra”. Điều này đã được đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đánh giá cao trong chuyến thăm và làm việc tại Ninh Thuận từ ngày 11 đến ngày 14-4-1994, đồng chí Tổng Bí thư cũng căn dặn Đảng bộ cần phát huy hơn nữa nhân tố tích cực này để xây dựng Ninh Thuận ngày càng lớn mạnh.

Ninh thuận còn là tỉnh có nhiều tôn giáo và dân tộc. Những năm qua kẻ thù tìm đủ mọi cách để kích động hận thù dân tộc, chia rẽ tôn giáo gây cho ta nhiều khó khăn, phức tạp. Song dù bất cứ hoàn cảnh, thời điểm nào Đảng bộ vẫn kiên trì thực hiện đúng chính sách đại đoàn kết dân tộc và tôn giáo của Đảng và

Nhà nước ta với những biện pháp linh hoạt khôn khéo, tranh thủ sự đồng tình trong nhân dân đã đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù. Khối đại đoàn kết các dân tộc, tôn giáo càng được củng cố, vững chắc. Giữ vững ổn định chính trị để phát triển kinh tế-xã hội.

Ngày nay, vấn đề dân tộc và tôn giáo luôn là mục tiêu để các thế lực thù địch lợi dụng chống phá cách mạng, tạo ra điểm nóng, làm mất ổn định... Do đó, việc thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết dân tộc, tôn giáo của tỉnh ta trong những năm qua cần được đúc kết và tiếp tục nhân rộng trong thời gian sắp tới.

3. Bám sát cơ sở và tổng kết thực tiễn.

Thực tiễn là cơ sở của lý luận và luôn sôi động, phản ánh thực trạng triển khai chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Do vậy, cần xem trọng việc tổng kết thực tiễn để có chủ trương phù hợp, kịp thời phát huy nhân tố mới, khắc phục yếu kém. Thực tiễn cho thấy chỉ khi nào Đảng bộ và các cấp ủy Đảng coi trọng việc xây dựng, bám sát hoạt động cơ sở, tổng kết thực tiễn thì mới có được những chủ trương, nghị quyết, chương trình và chiến lược phát triển một cách khoa học, phù hợp và đạt hiệu quả cao.

Những năm qua tuy tình hình có nhiều khó khăn, phức tạp nhưng Đảng bộ đã bám sát cơ sở, tổ chức lãnh

đạo nhân dân tiến hành cải tạo, khôi phục và phát triển kinh tế theo đường lối, chủ trương của Đảng, Nhà nước. Trên các lĩnh vực kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và vận động quần chúng, Đảng bộ đã chú trọng tổng kết thực tiễn, đánh giá những mặt làm được và chưa được, qua đó sáng tạo những chủ trương mới làm định hướng phát triển cho thực tiễn. Trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đảng bộ xác định thế mạnh của Ninh Thuận là nông-lâm-ngư nghiệp, do đó đã tập trung đầu tư và có những cơ chế chính sách thông thoáng, cởi mở tạo mọi điều kiện để thu hút các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh, ngoài nước tham gia đầu tư cho tỉnh. Ninh Thuận ngày nay được biết đến như một trung tâm sản xuất nho, hành, tỏi, tôm giống, tôm thịt, muối công nghiệp, chăn nuôi bò, dê, cừu... của cả nước là kết quả một quá trình theo dõi, nắm bắt hoạt động các cơ sở và chú trọng tổng kết thực tiễn của Đảng bộ để có những định hướng đúng đắn cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

4. Thực hiện có hiệu quả tính dân chủ trong nội bộ Đảng và trong nhân dân.

Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, chăm lo khối đoàn kết thống nhất trong Đảng, chính là vấn đề quyết định bảo đảm cho sức mạnh thống nhất của Đảng. Thực tế, ở những thời điểm bước ngoặt, những

lúc khó khăn của đất nước, của tỉnh thì sự đoàn kết thống nhất càng có ý nghĩa rất quan trọng. Trong lịch sử phát triển của Đảng bộ, có lúc vấp phải sai lầm, nguyên tắc tập trung dân chủ chưa được thực hiện nghiêm túc, có biểu hiện mất đoàn kết nội bộ, làm ảnh hưởng đến vai trò lãnh đạo của Đảng bộ ở một số thời điểm. Muốn khắc phục tình trạng mất đoàn kết phải phân tích đúng nguyên nhân và có biện pháp phù hợp. Đặc biệt, cần nắm vững và thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ. Trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, Đảng bộ càng phải kiên định, bảo vệ và làm phong phú thêm nội dung, phương thức thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Dân chủ là cơ sở của tập trung, phải phát huy mạnh mẽ dân chủ trong Đảng nhưng đồng thời dân chủ phải có lãnh đạo, dân chủ phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương.

Để phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng bộ một cách toàn diện, hiệu quả, mỗi cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp cần gắn bó mật thiết với nhân dân, bảo vệ quyền lợi và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, nhân dân được tạo mọi điều kiện để phát huy quyền làm chủ của mình, đặc biệt khi đất nước thực hiện sự nghiệp đổi mới, Đảng bộ càng quan tâm hơn đến lợi ích của nhân dân, phát huy quyền làm chủ và sức sáng tạo của nhân dân. Tiêu biểu như việc triển khai và thực hiện Nghị quyết Trung

ương 3 (khóa VIII) về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, Chỉ thị 30 của Bộ Chính trị về xây dựng Quy chế dân chủ ở cơ sở, bước đầu nhân dân đã “được biết, được bàn, được làm, được kiểm tra” những vấn đề của địa phương. Nhân dân thể hiện quyền làm chủ trên mọi lĩnh vực như tham gia xây dựng nhà nước trong sạch, vững mạnh thông qua việc bầu cử, góp ý dân chủ; tham gia xây dựng Đảng, góp ý phê bình, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên; được làm giàu chính đáng và bình đẳng trước pháp luật... Trong thực tế, vấn đề dân chủ hóa ngày càng trở thành một nhu cầu bức thiết của mỗi người dân. Khi quyền làm chủ của nhân dân được phát huy thực sự sẽ góp phần tích cực trong việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế-xã hội, xây dựng tỉnh ngày càng phát triển giàu mạnh.

5. Chăm lo công tác xây dựng Đảng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo các cấp đủ năng lực và phẩm chất.

Nhận thức được trách nhiệm lãnh đạo của Đảng bộ đối với mọi mặt phát triển của tỉnh. Trước những nhiệm vụ hoàn toàn mới mẻ của một tỉnh mới giải phóng, qua nhiều lần chia tách, dù có lúc khó khăn, vấp vấp, sai lầm nhưng Đảng bộ đã nỗ lực vươn lên, khẳng định vai trò và bản lĩnh chính trị của mình, tập hợp đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân thực hiện có kết quả những

nhiệm vụ mới đặt ra... Thể hiện ở Đảng bộ luôn tăng cường rèn luyện bản chất giai cấp công nhân, tính tiên phong của Đảng. Dù ở thời điểm nào, Đảng bộ cũng luôn chú trọng đến công tác xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Thường xuyên thực hiện phê bình và tự phê bình, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò quản lý và điều hành của chính quyền, tăng cường hoạt động các tổ chức kinh tế và các đoàn thể chính trị, xã hội. Trong công tác xây dựng Đảng, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ năng lực và phẩm chất là rất quan trọng. Cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo có tính quyết đoán và dám chịu trách nhiệm về mình trước cấp trên vì hiệu quả của công việc sẽ dễ dàng lôi cuốn, động viên được mọi người tin theo, phấn khởi làm việc. Thực tiễn của tỉnh nhà trong những thập kỷ qua đã khẳng định rằng cán bộ đóng vai trò quyết định trong công việc. Cả thành tựu và thiếu sót đều phản ánh chất lượng của đội ngũ cán bộ.

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ để đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới, cần chăm lo hơn nữa đến công tác xây dựng Đảng, nhất là các cấp ủy cơ sở phải thực sự vững mạnh, làm nòng cốt lãnh đạo phong trào địa phương, phải có những chủ trương đúng, hợp lòng dân; đấu tranh có hiệu quả chống quan liêu, tham nhũng; xây dựng và củng cố Nhà nước trong sạch, vững

mạnh... làm cho mọi cán bộ, đảng viên thực sự gương mẫu, tiên phong, có đầy đủ phẩm chất, năng lực xứng đáng với sự tin cậy của quần chúng.

Hoạt động thực tiễn 25 năm qua đã ghi đậm dấu ấn sự chuyển đổi to lớn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận trong bước phát triển chung của toàn dân tộc. Những thành quả và kinh nghiệm mà Đảng bộ và nhân dân Ninh Thuận sáng tạo, tích lũy được trong thời kỳ này là hành trang hết sức quý báu trên con đường đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và cũng là phương hướng tiếp tục của công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và vận động quần chúng trong giai đoạn Ninh Thuận cùng cả nước tiến bước sang thế kỷ XXI.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

NHỮNG THAY ĐỔI VỀ ĐỊA DANH, ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH CỦA TỈNH NINH THUẬN

Trước ngày giải phóng (16-4-1975), tỉnh Ninh Thuận có 5 quận: Thanh Hải, An Phước, Bửu Sơn, Du Long và Sông Pha.

Từ tháng 5-1975, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Thuận hợp sắp xếp lại có thị xã Phan Rang - Tháp Chàm, huyện Ninh Hải, huyện An Phước, huyện Ninh Sơn và huyện Bác Ái.

Tháng 2-1976, hợp nhất ba tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Tuy thành tỉnh Thuận Hải theo Quyết định của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III.

Tháng 4-1977, hợp nhất huyện An Phước, huyện Ninh Sơn (gồm Bác Ái), thị trấn Tháp Chàm thành huyện An Sơn. Hợp nhất huyện Ninh Hải, thị trấn Phan Rang và 4 xã (An Hải, Phước Hải, Phước Diêm,

Phước Dinh) của huyện An Phước (dọc theo ven biển) thành huyện Ninh Hải theo Quyết định số 124 của Hội đồng Chính phủ.

Ngày 01-9-1981, Hội đồng Bộ trưởng có Quyết định số 45/HĐBT, hai huyện An Sơn và Ninh Hải được chia tách trở lại thành thị xã Phan Rang - Tháp Chàm, huyện Ninh Sơn, Ninh Hải và Ninh Phước (ngày 1-1-1982 thị xã Phan Rang - Tháp Chàm và 3 huyện chính thức hoạt động).

Ngày 01-4-1992, tỉnh Ninh Thuận chính thức được tái lập và đi vào hoạt động theo Nghị quyết của Quốc hội khóa 8, kỳ họp thứ 10 ngày 26-12-1991.

Tỉnh Ninh Thuận có 4 đơn vị hành chính là thị xã Phan Rang - Tháp Chàm, huyện Ninh Sơn, Ninh Hải và Ninh Phước; với diện tích tự nhiên là 3.530 km², dân số 406.732 người (1992).

Từ ngày tái lập đến nay trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận đã có những thay đổi về địa giới, địa danh như:

- Ngày 03-6-1993, Chính phủ có Nghị định số 33/CP thành lập thị trấn Phước Dân huyện lỵ Ninh Phước (xã Phước Dân và thôn Mỹ Nghiệp).

- Ngày 28-5-1994, Chính phủ có Nghị định số 42/CP

thành lập thị trấn Khánh Hải huyện lỵ Ninh Hải. Thị trấn Khánh Hải thôn Dư Khánh 1, Dư Khánh 2, Ninh Chữ và Cà Đú.

- Ngày 30-8-2000, Chính phủ có Nghị định số 42/CP thành lập thị trấn Tân Sơn huyện lỵ Ninh Sơn.

- Ngày 6-11-2000, huyện Bác Ái được tái lập trên cơ sở điều chỉnh địa giới hành chính huyện Ninh Sơn. huyện Bác Ái có 9 xã, huyện Ninh Sơn có 7 xã và một thị trấn theo Nghị định số 65/2000/NĐ-CP của Chính phủ.

Từ năm 2003, tỉnh Ninh Thuận có một thị xã tỉnh lỵ, 4 huyện, 12 phường, 3 thị trấn, 44 xã.

Phụ lục 2

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
NINH THUẬN SAU NGÀY 16-4-1975 ĐẾN 2-1976
DO BAN CHẤP HÀNH KHU ỦY
KHU VI CHỈ ĐỊNH**

- | | |
|-----------------------------|--|
| 1. Trần Đệ (Ba Công) | Khu ủy viên - Bí thư
Tỉnh ủy |
| 2. Phan Việt Sơn (Năm Tính) | Phó Bí thư, Chủ tịch
Ủy ban nhân dân cách
mạng lâm thời tỉnh |
| 3. Nguyễn Đình Tấn (Ma Ly) | Thường vụ Tỉnh ủy-
Phó Chủ tịch Ủy ban
nhân dân cách mạng
lâm thời tỉnh |
| 4. Nguyễn Đức Thành | Thường vụ Tỉnh ủy-
Trưởng Ban Tuyên
giáo Tỉnh ủy |
| 5. Chama Léa Chấn | Thường vụ Tỉnh ủy-
Bí thư Huyện ủy Bác
Ái |
| 6. Trần Dương | Tỉnh ủy viên-Quyền
Tỉnh đội trưởng |
| 7. Nguyễn Văn Trách (Biên) | Tỉnh ủy viên-Tỉnh
đội phó |
| 8. Nguyễn Kim Thanh | Tỉnh ủy viên-Trưởng |

- | | |
|----------------------------------|---|
| | ty Công an |
| 9. Nguyễn Văn Bửu | Tỉnh ủy viên-Trưởng
Ban Tài chính |
| 10. Trần Hữu Phương | Tỉnh ủy viên-Chủ
tịch Ủy ban nhân dân
cách mạng huyện An
Phước |
| 11. Nguyễn Ninh | Tỉnh ủy viên-Bí thư
Huyện ủy Krông Pa |
| 12. Orai Tiêu | Tỉnh ủy viên-Bí thư
Huyện ủy Anh Dũng |
| 13. Phạm Thân | Tỉnh ủy viên-Trưởng
ban Kinh tế mới |
| 14. Trần Minh | Tỉnh ủy viên-Bí thư
thị xã Phan Rang-
Tháp chàm |
| 15. Nguyễn Văn Diễn | Tỉnh ủy viên-Chính
trị viên phó Tỉnh đội |
| 16. Nguyễn Thế Liêm ¹ | Tỉnh ủy viên |

1. Tháng 5-1975, bổ sung đồng chí Nguyễn Thế Liêm, làm Tỉnh ủy viên chính thức (theo Nghị quyết số 60/NQ/TV của Ban Thường vụ Đồ Sơn).

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH LÂM THỜI
TỈNH ĐẢNG BỘ THUẬN HẢI THÁNG 1-1976**
(theo Quyết định số 05/NQ.NS.TW ngày 6-1-1976
của Ban Chấp hành Trung ương Đảng
Lao động Việt Nam)

A. Ban Chấp hành lâm thời tỉnh Đảng bộ Thuận Hải:

- | | |
|------------------------------|--------------------|
| 1. Lê Hiền (Lê Văn Hiền) | Ủy viên chính thức |
| 2. Trần Đệ (Công) | " |
| 3. Trần Ngọc Trác (Ngọc) | " |
| 4. Nguyễn Tuấn (Đăng) | " |
| 5. Nguyễn Quý Đôn | " |
| 6. Trình Công Hóa (Thành) | " |
| 7. Huỳnh Anh (Huỳnh) | " |
| 8. Nguyễn Trọng Xuyên (Phúc) | " |
| 9. Đỗ Thành | " |
| 10. Nguyễn Văn Ty (Bốn) | " |
| 11. Nguyễn Văn Ngô (Ninh) | " |
| 12. Trần Phú Nhuận (Lương) | " |
| 13. Nguyễn Văn Tố (Nhấn) | " |
| 14. Trần Văn Hiến (Tinh) | " |
| 15. Phan Việt Sơn (Tính) | " |
| 16. Nguyễn Đình Tấn | " |
| 17. Chamaléa Chấn | " |
| 18. Nguyễn Văn Quỳ (Thành) | " |

19. Trần Văn Phòng (Biên) “
20. Huỳnh Trang (Tứ) “
21. Ngô Gia Vị (Việt Hà) “
22. Nguyễn Đăng Kỳ (Bình) “
23. Nguyễn Nhất Tâm “
24. Phạm Ngọc Lựu (Thao) “
25. Nguyễn Thúc Khôi (Bình) “
26. Nguyễn Khuê (Hò-lo) “
27. Lưu Văn Độ (Nghiep) “
28. Nguyễn Thanh Thuần “
29. Lê Văn Tâm (Lâm) “
30. Tấn Dũng (Vũ) Ủy viên dự khuyết
31. Nguyễn Đức Sung (Hong Châu) “

B. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải:

1. Lê Hiền Bí thư Tỉnh ủy
2. Trần Đệ (Công) Phó Bí thư Thường trực
3. Trần Ngọc Trác (Ngọc) Ủy viên Thường vụ/Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh
4. Nguyễn Tuấn (Đăng) Ủy viên Thường vụ
5. Nguyễn Quý Đôn “
6. Trịnh Công Hóa (Thành) “
7. Huỳnh Anh (Huỳnh) “
8. Nguyễn Trọng Xuyên (Phúc) “
9. Đỗ Thành “

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
TỈNH THUẬN HẢI KHÓA I**

(tháng 3-1977)

A. Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

- | | |
|-----------------------------|--|
| 1. Lê Hiền | Bí thư Tỉnh ủy, phụ trách chung |
| 2. Trần Đệ (Ba Công) | Phó Bí thư Thường trực, phụ trách Dân vận |
| 3. Trần Ngọc Trác (Tư Ngọc) | Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban, phụ trách kinh tế chung |
| 4. Nguyễn Tuấn (Ba Đăng) | Phó Chủ tịch Ủy ban, phụ trách ngân tài, công nghiệp |
| 5. Vũ Huỳnh (Chín Huỳnh) | Phụ trách nội chính, Trưởng Công an |
| 6. Nguyễn Quý Đôn (Ba Đôn) | Chuyên trách dân vận, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận |
| 7. Lê Khắc Thành (Ba Thành) | Trưởng Ban Tổ chức |

8. Nguyễn Trọng Xuyên (Sáu Phúc) Phụ trách Quân sự,
Chỉ huy trưởng
9. Đỗ Thành (Thành Thọ) Trưởng Ty Thương
nghiệp
10. Hoàng Từ Trưởng Ban Nông
nghiệp

B. Tỉnh ủy viên:

11. Nguyễn Thúc Khôi (Chín Bình) TUV chính thức,
Phó Chủ tịch Ủy
ban phụ trách khối
văn xã.
12. Nguyễn Khuê (Hồ Lơ) TUV chính thức,
Trưởng Ty Công
nghiệp
13. Trần Văn Lương (Năm Lương) TUV chính thức,
Phó Ty Công an
14. Nguyễn Thanh Thuần TUV chính thức,
Chính ủy BCH
Quân sự tỉnh
15. Trần Văn Phòng (Bảy Biên) TUV chính thức,
Chủ nhiệm Công ty
Vật tư tổng hợp
16. Phan Việt Sơn (Năm Tính) TUV chính thức,
Chủ nhiệm Ban
Thanh tra
17. Nguyễn Nhất Tâm (Bảy Tâm) TUV chính thức,
đang đi học

18. Phạm Ngọc Lưu (Ma Thao) TUV chính thức,
Trưởng Ban kiểm tra
19. Nguyễn Đình Tấn (Ma Ly) TUV chính thức,
đang đi học
20. Chamaléa Chấn TUV chính thức,
đang đi học
21. Đức Thành TUV chính thức, Bí
thư Huyện ủy Ninh
Sơn
22. Nguyễn Ninh TUV chính thức, Bí
thư Huyện ủy Bắc
Bình
23. Nguyễn Nhẫn TUV chính thức, Bí
thư Huyện ủy
Hàm Thuận
24. Trần Văn Hiến (Sáu Tình) TUV chính thức, Bí
thư Huyện ủy Hàm
Tân
25. Lê Văn Tân TUV chính thức,
phụ trách công đoàn
26. Hồng Châu (Nguyễn Đức Tần) TUV chính thức,
Chánh Văn phòng
Tỉnh ủy
27. Hồ Viết Hách (Phước) TUV chính thức,
Trưởng Ban Tuyên
giáo

28. Nguyễn Trung Hậu

29. Phan Minh Đạo

30. Võ Mậu Luân

31. Nguyễn Văn Sự

32. Ngô Triều Sơn

33. Võ Thị Phán

34. Ngô Thanh Bình

35. Vũ Hồng

36. Trần Văn Điểm

37. Nguyễn Ngọc Quỳnh

TUV chính thức,
Trưởng Ty Giáo dục

TUV chính thức,
Trưởng Ty Văn hóa
thông tin

TUV chính thức,
Trưởng Ty Tài chính

TUV chính thức,
Phó Ban Tổ chức
Tỉnh ủy

TUV chính thức,
Phó Ty Văn hóa
thông tin

TUV chính thức,
phụ trách phụ nữ

TUV chính thức, Bí
thư Huyện ủy Đức
Linh

TUV chính thức,
Phó Ban Tuyên giáo

TUV dự khuyết,
Phó Ty Hải sản

TUV dự khuyết,
Phó Chủ nhiệm Ủy
ban kế hoạch

38. Phan Phú

39. Trần Huy Thuyết

TUV dự khuyết,
Quyền Trưởng Ty
Thủ lợi

TUV dự khuyết,
phụ trách thanh
niên

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
TỈNH THUẬN HẢI KHÓA II
(tháng 10-1979)**

A. Các đồng chí trong Thường vụ Tỉnh ủy :

- | | |
|-----------------------|--|
| 1. Lê Văn Hiến | Bí thư Tỉnh ủy |
| 2. Trần Đệ | Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy |
| 3. Trần Ngọc Trác | Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh |
| 4. Nguyễn Tuấn | Ủy viên Thường vụ, Trưởng Ban KT-KH Tỉnh ủy |
| 5. Nguyễn Thanh Thuận | Ủy viên Thường vụ, Chính ủy Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh |
| 6. Vũ Huỳnh | Ủy viên Thường vụ, Trưởng ty Công an tỉnh |
| 7. Hoàng Từ | Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách nông nghiệp |
| 8. Nguyễn Quý Đôn | Ủy viên Thường vụ, Trưởng Ban Dân vận-Mặt trận Tỉnh ủy |
| 9. Lê Khắc Thành | Ủy viên Thường vụ, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy |

10. Nguyễn Nhất Tâm Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
11. Vũ Hồng Ủy viên Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
12. Nguyễn Ninh Ủy viên Thường vụ, Trưởng ty Thương nghiệp
13. Mãn Tấn Dũng Ủy viên Thường vụ, Bí thư Thị ủy Phan Thiết

B. Tỉnh ủy viên chính thức:

1. Lê Hải Anh Phó Trưởng Ban Công nghiệp Tỉnh ủy
2. Hồ Ngọc Ẩn Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, phụ trách khối công nghiệp
3. Vương Hồng Châu Dự kiến phân công làm thư ký liên hiệp Công đoàn
4. Chamaléa Chấn Trưởng Ban Dân tộc Tỉnh ủy
5. Phan Minh Đạo Trưởng Ty Văn hóa thông tin
6. Hồ Viết Hách Giám đốc Trường Đảng tỉnh
7. Nguyễn Trung Hậu Trưởng ty Giáo dục
8. Nguyễn Thúc Khôi Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách khối văn xã

- | | |
|-----------------------|--|
| 9. Nguyễn Khuê | Trưởng Ty Nông nghiệp |
| 10. Võ Mậu Luân | Trưởng Ty Tài chính |
| 11. Cao Văn Luật | Chỉ Huy phó BCH QS tỉnh |
| 12. Phạm Ngọc Lưu | Trưởng Ban kiểm tra |
| 13. Trương Thắng Minh | Trưởng Ty Công nghiệp |
| 14. Nguyễn Nhân | Bí thư Huyện ủy Đức Linh |
| 15. Võ Thị Phàn | Dự kiến phân công Chủ
nhiệm Ủy ban bà mẹ-trẻ em |
| 16. Phan Phú | Trưởng Ty Thủy lợi |
| 17. Nguyễn Ngọc Quỳnh | Phó Chủ nhiệm Ủy ban kế
hoạch tỉnh |
| 18. Phan Việt Sơn | Chủ nhiệm Ủy ban Thanh
tra tỉnh |
| 19. Ngô Triều Sơn | Chánh Văn phòng Tỉnh ủy |
| 20. Nguyễn Văn Sự | Phó Trưởng Ban Tổ chức
Tỉnh ủy |
| 21. Nguyễn Đình Tấn | Bí thư Huyện ủy An Sơn |
| 22. Nguyễn Hữu Tín | Phó Trưởng Ty Hải sản |
| 23. Trần Văn Tính | Bí thư Huyện ủy Hàm Tân |
| 24. Nguyễn Kim Thanh | Phó Trưởng Ty Công an |
| 25. Nguyễn Đức Thành | Bí Thư Huyện ủy Ninh Hải,
Trưởng Ty Giao thông |
| 26. Trần Huy Thuyết | Dự kiến phân công làm Bí
thư thị xã PR-TC khi được
thành lập lại |

27. Hứa Minh Trí Trưởng Ty Xây dựng

C. Các ủy viên dự khuyết:

- | | |
|---------------------|--|
| 1. Nguyễn Thị Cạn | Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ |
| 2. Nguyễn Minh Cảnh | Bí thư Tỉnh đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh |
| 3. Nguyễn Đức Châu | Bí thư Huyện ủy Phú Quý |
| 4. Văn Hiệp | Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bắc Bình |

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH THUẬN HẢI KHÓA III

(tháng 3-1983)

A. Các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy :

- | | |
|-----------------------|---|
| 1. Lê Văn Hiền | Bí thư Tỉnh ủy |
| 2. Trần Đệ | Phó Bí thư Tỉnh ủy thường
trực |
| 3. Trần Ngọc Trác | Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ
tịch UBND tỉnh |
| 4. Nguyễn Tuấn | UVTV, Trưởng Ban Kinh tế
- Kế hoạch tỉnh |
| 5. Nguyễn Thanh Thuần | UVTV, Chỉ huy trưởng
Quân sự tỉnh |
| 6. Nguyễn Kim Thanh | UVTV, Phó giám đốc Sở
Công an |
| 7. Nguyễn Nhất Tâm | UVTV, Phó Chủ tịch
UBND tỉnh |
| 8. Hứa Minh Trí | UVTV, Phó Chủ tịch
UBND tỉnh |
| 9. Châu Thanh Xuân | UVTV, Trưởng Ban Kiểm
tra Tỉnh ủy |
| 10. Nguyễn Trung Hậu | UVTV, Trưởng Ban Tuyên
giáo Tỉnh ủy |

- | | |
|-------------------|--------------------------------------|
| 11. Ngô Triều Sơn | UVTV, Bí thư Thị ủy Phan Thiết |
| 12. Mân Tấn Dũng | UVTV, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy |
| 13. Đặng Văn Hải | UVTV, Trưởng Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy |

B. Các đồng chí Tỉnh ủy viên chính thức:

- | | |
|-----------------------|--|
| 1. Hồ Ngọc Ẩn | Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ nhiệm UBKH |
| 2. Nguyễn Văn Bốn | Giám đốc Sở Thương nghiệp |
| 3. Nguyễn Minh Cảnh | Bí thư Tỉnh đoàn TNCSHCM |
| 4. Vương Hồng Châu | Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh |
| 5. Nguyễn Đức Châu | Bí thư Huyện ủy Phú Quý |
| 6. Phạm Hoài Chương | Chỉ huy phó Quân sự tỉnh (chính trị) |
| 7. Nguyễn Đình Chương | Giám đốc Sở Văn hóa-Thông tin |
| 8. Phan Duy Duyên | Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp |
| 9. Phan Minh Đạo | Phó Chủ tịch UBND tỉnh |
| 10. Trần Văn Điểm | Phó Giám đốc Sở Thủy sản |
| 11. Chamaléa Điêu | Chủ tịch UBND huyện Ninh Sơn |

- | | |
|-----------------------|--------------------------------------|
| 12. Văn Hiệp | Trưởng Ban Dân tộc |
| 13. Nguyễn Tri Hóa | Chánh Văn phòng Tỉnh ủy |
| 14. Lê Kim Hoàng | Bí thư Huyện ủy Đức Linh |
| 15. Trần Thị Xuân Lâm | Dự kiến làm Bí thư huyện |
| 16. Nguyễn Thành Lê | Quyền Giám đốc Sở Công nghiệp |
| 17. Đặng Ngọc Lung | Phó Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch |
| 18. Nguyễn Nhân | Bí thư Huyện ủy Tánh Linh |
| 19. Võ Thị Phàn | Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh |
| 20. Phan Phú | Giám đốc Sở Thủy lợi |
| 21. Ông Văn Quát | Giám đốc Công ty Xuất-Nhập khẩu |
| 22. Nguyễn Đình Tấn | Bí thư Huyện ủy Ninh Phước |
| 23. Nguyễn Hữu Tín | Giám đốc Sở Thủy sản |
| 24. Nguyễn Quang Toàn | Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân |
| 25. Hoàng Từ | Phó Chủ tịch UBND tỉnh |
| 26. Bùi Quốc Thắng | Bí thư Huyện ủy Bắc Bình |
| 27. Ngô Minh Thuởng | Bí thư Huyện ủy Hàm Thuận Bắc |
| 28. Trần Hồng Trinh | Phó Giám đốc Sở Công an |

C. Các Tỉnh ủy viên dự khuyết:

- | | |
|----------------------|--------------------------------------|
| 1. Nguyễn Chí Bền | Giám đốc Sở Tài chính |
| 2. Lê Văn Long | Bí thư Huyện ủy Hàm Thuận Nam |
| 3. Nguyễn Thành Long | Quyền Giám đốc Sở Giao thông vận tải |
| 4. Lương Sơn | Phó Trưởng Ban Tuyên giáo |

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
TỈNH THUẬN HẢI KHÓA IV
(tháng 10-1986)**

I. Ban Thường vụ:

1. Mãn Tấn Dũng

2. Nguyễn Trung Hậu

3. Ngô Triều Sơn

4. Hứa Minh Trí

5. Nguyễn Ninh

6. Phan Minh Đạo

7. Châu Thanh Xuân

8. Nguyễn Kim Thanh

9. Phạm Hoài Chương

10. Phan Huy Duyên

11. Nguyễn Hữu Tín

Bí thư Tỉnh ủy¹

Chủ tịch UBND tỉnh

Phó Bí thư thường trực

Phó Chủ tịch UBND tỉnh

Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh
ủy

Trưởng Ban Tuyên giáo
Tỉnh ủy

Phó Chủ tịch UBND tỉnh

Giám đốc Sở Công an

Chỉ huy trưởng BCH Quân
sự

Chủ nhiệm Ủy ban kế
hoạch tỉnh

Giám đốc Liên hiệp Công
ty thủy sản

1. Đến năm 1987, Bộ Chính trị cách chức và đồng chí Nguyễn Trung Hậu thay.

- | | |
|----------------------|---------------------------------------|
| 12. Nguyễn Minh Cảnh | Bí thư Huyện ủy Hàm Tân |
| 13. Bùi Quốc Thắng | Trưởng đoàn chuyên gia
Prétviahia. |

II. Tỉnh ủy viên chính thức:

- | | |
|----------------------------------|---|
| 14. Văn Công An | Bí thư Phan Rang-Tháp
Chàm |
| 15. Nguyễn Chí Bền | Giám đốc Sở Tài chính |
| 16. Nguyễn Văn Bốn | Trưởng Ban cải tạo CTN |
| 17. Nguyễn Đình Chương | Giám đốc Sở VHTT |
| 18. Hoàng Thị Dung | Phó chánh án Tòa án. |
| 19. Trần Văn Diễm | Bí thư Huyện ủy Phú Quý |
| 20. Chamaléa Điêu | Bí thư Huyện ủy Ninh Sơn |
| 21. Nguyễn Ngọc Hoa ¹ | Phó Ban Tổ chức Tỉnh ủy |
| 22. Nguyễn Tri Hóa | Chánh Văn phòng Tỉnh ủy |
| 23. Lê Tú Hoàng | Giám đốc Sở Giao thông
vận tải |
| 24. Nguyễn Hữu Hồng | Phó Tổng giám đốc liên
hiệp Công ty XNK tỉnh |
| 25. Nguyễn Văn Hương | Bí thư Huyện ủy Tuy Phong |
| 26. Lâm Hòa Kháng | Bí thư Tỉnh đoàn thanh niên |
| 27. Trần Khiêm | Phó Giám đốc Sở Nông-
Lâm |

1. Sau bị khai trừ Đảng.

- | | |
|------------------------|--|
| 28. Trần Thị Xuân Lâm | Phó Chủ tịch UBND tỉnh |
| 29. Đặng Ngọc Lung | Phó Chủ nhiệm UB kế hoạch ¹ |
| 30. Nguyễn Thành Lê | Phó Chủ tịch UBND tỉnh |
| 31. Vũ Thị Ngọc Liên | Phó Ban kiểm tra Tỉnh ủy |
| 32. Nguyễn Thành Long | Nghỉ chữa bệnh |
| 33. Nguyễn Văn Lúa | Chủ nhiệm chính trị BCH Quân sự |
| 34. Mai Thị Ngọc Mai | Phó Hội trưởng Phụ nữ. |
| 35. Lê Thị Phượng | Chủ tịch UBND thị xã Phan Thiết |
| 36. Nguyễn Hữu Quý | Phó Giám đốc Sở thủy lợi |
| 37. Lương Sơn | Tổng biên tập Báo Thuận Hải |
| 38. Nguyễn Quang Tường | Bí thư Huyện ủy Đức Linh |
| 39. Nguyễn Thơ | Giám đốc Trung tâm Nha Hố |
| 40. Nguyễn Văn Thuận | Giám đốc Sở Thủy sản. |
| 41. Trần Huy Thuyết | Bí thư Thị ủy Phan Thiết |
| 42. Trần Hồng Trinh | Phó giám đốc Sở Công an |
| 43. Ngô Minh Thuởng | Trưởng Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy |

1. Sau bị kỷ luật cách chức Tỉnh ủy viên.

- | | |
|----------------|---|
| 44. Đinh Trung | Ủy viên thư ký UBND
Thường trực tỉnh |
| 45. Lê Văn Ứng | Chủ tịch UBND huyện Hàm
Thuận Bắc |

III. Tỉnh ủy viên dự khuyết:

- | | |
|-----------------------|----------------------------------|
| 46. Hồ Hữu Hạnh | Bí thư Huyện ủy Ninh
Phước |
| 47. Mã Điền Cư | Phó Ban Dân vận. |
| 48. Đinh Duy Hậu | Chi cục trưởng Chi cục
KLND |
| 49. Nguyễn Ngọc Hưng | Chủ nhiệm Công ty chăn
nuôi |
| 50. Nguyễn Quang Kiệt | Bí thư Huyện ủy Tánh Linh |
| 51. Trần Khán | Bí thư Huyện ủy Bắc Bình |
| 52. Lê Đình Liêm | Bí thư Huyện ủy Hàm
Thuận Nam |
| 53. Huỳnh Thanh Long | Phó Giám đốc Sở Công
nghiệp |
| 54. Đào Thạm | Bí thư huyện Ninh Hải |
| 55. Trần Thịnh | Giám đốc Sở Thương nghiệp |
| 56. Lê Văn Ứng | Phó Giám đốc Sở Giáo dục |

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
TỈNH NINH THUẬN KHÓA VIII
(tháng 10-1992)**

- | | |
|------------------------|---------------------------|
| 1. Văn Công An | 19. Nguyễn Hải Liên |
| 2. Nguyễn Chí Bền | 20. Mai Thị Ngọc Mai |
| 3. Trần Mai Cường | 21. Thiết Ngự |
| 4. Phan Huy Duyên | 22. Nguyễn Văn Ngọt |
| 5. Nguyễn Văn Dy | 23. Nguyễn Thành Nhiên |
| 6. Chamalé Điều | 24. Trương Minh Ngọc |
| 7. Nguyễn Trung Hậu | 25. Nguyễn Trường Sanh |
| 8. Hồ Hữu Hạnh | 26. Lê Đình Sở |
| 9. Nguyễn Văn Hương | 27. Nguyễn Suất |
| 10. Bùi Minh Hớn | 28. Lưu Văn Sinh |
| 11. Nguyễn Tri Hóa | 29. Lê Văn Tiên |
| 12. Nguyễn Hữu Hồng | 30. Trương Xuân Thìn |
| 13. Phạm Hoàng | 31. Đào Thạm |
| 14. Nguyễn Thiếu Hoàng | 32. Nguyễn Thị Minh Trang |
| 15. Trần Minh Hùng | 33. Lê Văn Ứng |
| 16. Nguyễn Loan | 34. Trương Nghiệp Vũ |
| 17. Vũ Công Luận | 35. Châu Thanh Xuân |
| 18. Nguyễn Quang Linh | |

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY KHÓA VIII

- | | |
|---------------------|------------|
| 1. Nguyễn Trung Hậu | Bí thư |
| 2. Châu Thanh Xuân | Phó Bí thư |
| 3. Nguyễn Văn Hương | Phó Bí thư |

CÁC ỦY VIÊN

- | | |
|-------------------|------------------|
| 4. Nguyễn Chí Bền | 8. Chamaléa Điều |
| 5. Phan Huy Duyên | 9. Lưu Văn Sinh |
| 6. Hồ Hữu Hạnh | 10. Nguyễn Suất |
| 7. Bùi Minh Hớn | 11. Lê Văn Tiên |

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH NINH THUẬN KHÓA IX

(tháng 4-1996)

- | | |
|------------------------|------------------------|
| 1. Văn Công An | 20. Huỳnh Công Lai |
| 2. Trương Ngọc Anh | 21. Hoàng Thị Út Lan |
| 3. Nguyễn Hữu Ánh | 22. Đỗ Thị Bích Liên |
| 4. Nguyễn Văn Bình | 23. Nguyễn Quang Linh |
| 5. Hồng Ngọc Chiến | 24. Phạm Văn Muộn |
| 6. Thành Chiểu | 25. Đỗ Hữu Nghị |
| 7. Trần Mai Cường | 26. Trương Minh Ngọc |
| 8. Nguyễn Đức Dũng | 27. Nguyễn Văn Ngọt |
| 9. Phan Huy Duyên | 28. Nguyễn Thành Nhiên |
| 10. Nguyễn Văn Dy | 29. Nguyễn Trường Sanh |
| 11. Trương Văn Dấu | 30. Trần Thị Sơn |
| 12. Chamaléa Điều | 31. Nguyễn Suất |
| 13. Hồ Đông | 32. Trần Văn Tấn |
| 14. Hồ Hữu Hạnh | 33. Chamaléa Tiếp |
| 15. Nguyễn Tri Hóa | 34. Nguyễn Đức Thanh |
| 16. Nguyễn Thiếu Hoàng | 35. Nguyễn Văn Thành |
| 17. Nguyễn Hữu Hồng | 36. Đào Thạm |
| 18. Bùi Minh Hón | 37. Trương Xuân Thìn |
| 19. Nguyễn Văn Hương | 38. Nguyễn Thoại |

- | | |
|---------------------------|----------------------|
| 39. Nguyễn Xuân Thủy | 42. Nguyễn Bắc Việt |
| 40. Nguyễn Thị Minh Trang | 43. Trương Nghiệp Vũ |
| 41. Lê Văn Ứng | |

DANH SÁCH BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY KHÓA IX.

- | | |
|---------------------|------------------------------------|
| 1. Phan Huy Duyên | 7. Huỳnh Công Lai |
| 2. Nguyễn Văn Dy | 8. Nguyễn Trường Sanh ¹ |
| 3. Chamaléa Điêu | 9. Nguyễn Suất |
| 4. Hồ Hữu Hạnh | 10. Đào Thạm |
| 5. Bùi Minh Hớn | 11. Nguyễn Thị Minh Trang |
| 6. Nguyễn Văn Hương | 12. Trương Nghiệp Vũ |

DANH SÁCH BÍ THƯ, PHÓ BÍ THƯ TỈNH ỦY KHÓA IX

- | | |
|---------------------------|-----------------------------------|
| 1. Đồng chí Chamaléa Điêu | Bí thư Tỉnh ủy |
| 2. Đồng chí Hồ Hữu Hạnh | Phó Bí thư, Chủ tịch
UBND tỉnh |

1. Năm 1999, bị cách chức Tỉnh ủy viên.

**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
TỈNH NINH THUẬN KHÓA X
(Tháng 12-2000)**

- | | |
|------------------------|------------------------|
| 1. Văn Công An | 20. Huỳnh Xuân Hiệp |
| 2. Trương Ngọc Anh | 21. Hoàng Thị Út Lan |
| 3. Nguyễn Hữu Ánh | 22. Trương Thanh Liêm |
| 4. Nguyễn Văn Bình | 23. Nguyễn Ngọc Minh |
| 5. Chamalé Bốc | 24. Phạm Văn Muộn |
| 6. Hồng Ngọc Chiến | 25. Nguyễn Thành Nhiên |
| 7. Thành Chiêu | 26. Đỗ Hữu Nghị |
| 8. Trần Mai Cường | 27. Trương Minh Ngọc |
| 9. Phạm Hồng Cường | 28. Nguyễn Văn Ngọt |
| 10. Nguyễn Đức Dũng | 29. Lê Văn Phong |
| 11. Nguyễn Văn Dy | 30. Trần Phong |
| 12. Trương Văn Đẩu | 31. Nguyễn Suất |
| 13. Chamaléa Điều | 32. Trần Thị Sơn |
| 14. Hồ Đông | 33. Trần Văn Tấn |
| 15. Nguyễn Tiến Hải | 34. Đào Thập |
| 16. Phan Đình Hòa | 35. Nguyễn Đức Thanh |
| 17. Trần Xuân Hòa | 36. Nguyễn Văn Thành |
| 18. Nguyễn Thiếu Hoàng | 37. Trương Xuân Thìn |
| 19. Nguyễn Minh Hoàng | 38. Nguyễn Thoại |

- | | |
|---------------------------|---------------------|
| 39. Nguyễn Xuân Thủy | 42. Đoàn Việt Tiến |
| 40. Chamaléa Tiếp | 43. Nguyễn Bắc Việt |
| 41. Nguyễn Thị Minh Trang | |

DANH SÁCH BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY KHÓA X (2001-2005)

- | | |
|----------------------|--------------------------|
| 1. Văn Công An | 6. Hoàng Thị Út Lan |
| 2. Nguyễn Văn Dỵ | 7. Nguyễn Suất |
| 3. Trương Văn Đẩu | 8. Đào Thạm |
| 4. Chamaléa Điêu | 9. Nguyễn Thị Minh Trang |
| 5. Nguyễn Minh Hoàng | |

* Tháng 3-2003, bổ sung hai đồng chí vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

- | | |
|-------------------|--------------------|
| - Nguyễn Bắc Việt | - Trương Minh Ngọc |
|-------------------|--------------------|

DANH SÁCH BÍ THƯ, PHÓ BÍ THƯ TỈNH ỦY KHÓA X

- | | |
|------------------|--------------------------------|
| 1. Chamaléa Điêu | Bí thư |
| 2. Đào Thạm | Phó Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh |

* Tháng 3-2003, đồng chí Nguyễn Văn Giàu, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước được luân chuyển về làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy. Tháng 4-2004, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Chamaléa Điêu nghỉ chữa bệnh, đồng chí Nguyễn Văn Giàu được phân công làm Quyền Bí thư Tỉnh ủy.

CƠ CẤU THÀNH PHẦN VÀ CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN QUA CÁC NĂM 1996-2000

Nội dung	Số lượng				
	1996	1997	1998	1999	11/2000
Tổng số đảng viên	4.696	5.073	5.427	5.802	5.919
-Dự bị	503	539	536	728	684
-Phụ nữ	858	977	1.108	1.255	1.286
-Dân tộc ít người	841	896	918	976	983
-Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	471	625	859	1.008	1.065
-Được miễn công tác, sinh hoạt	147	209	229	201	208
-Cán bộ Đảng, đoàn thể	289	267	296	309	310
-Công chức nhà nước	520	624	731	786	803

-Cán bộ hoạt động sự nghiệp giáo dục, y tế	383	442	517	796	803
-Sĩ quan, chiến sĩ quân đội	317	353	374	392	404
-Sĩ quan, chiến sĩ công an	445	476	506	525	550
-Cán bộ xã, thị trấn	418	470	527	571	603
-Nghề khác (sinh viên, học sinh, nông dân)	187	212	218	241	234
Tuổi đời					
-30 tuổi trở xuống	678	684	800	889	918
-31 đến 40 tuổi	1.968	2.133	2.234	2.255	2.312
-41 đến 50 tuổi	985	1.106	1.212	1.402	1.453
-51 đến 60 tuổi	528	537	563	626	620
-61 tuổi trở lên	537	577	518	630	616

Trình độ học vấn							
-Cấp I	687	689	694	699	669		
-Cấp II	1.299	1.294	1.360	1.361	1.356		
-Cấp III	2.597	2.983	3.261	3.631	3.789		
Chuyên môn nghiệp vụ	997	1.094	1.239	1.305	1.375		
-Trung học chuyên nghiệp 997	890	998	1.248	1.290			
-Cao đẳng, đại học	2	3	3	5	3		
-Phổ tiến sĩ, tiến sĩ							
Lý luận chính trị	896	740	677	790	825		
-Sơ cấp	806	952	1.022	1.018	1.078		
-Trung cấp	187	262	318	331	338		
-Cao cấp							

MỤC LỤC

	trang
Lời Nhà xuất bản	5
Lời giới thiệu	7

Chương I

Đảng bộ lãnh đạo nhân dân khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định tình hình kinh tế, chính trị, xã hội (1975-1976)

I. Tình hình Ninh Thuận sau giải phóng	11
II. Khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định tình hình kinh tế, chính trị, xã hội (1975-1976)	14

Chương II

Đảng bộ lãnh đạo cải tạo xã hội chủ nghĩa - tiếp tục khôi phục và phát triển kinh tế-xã hội (1977-1985)

I. Thực hiện Nghị quyết Đại hội IV của Đảng và các Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh lần thứ I, II (1977-1982)	41
--	----

- II. Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (tháng 3-1982) và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III (từ tháng 3-1983 đến 1985)

67

Chương III

Lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986-1991)

- I. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV-Bước chuyển trên con đường đổi mới 87
- II. Bước đầu thực hiện đường lối đổi mới 93

Chương IV

Đảng bộ Ninh Thuận tái lập, tiếp tục lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1992-2000)

- I. Nhanh chóng ổn định tổ chức, lãnh đạo phát triển kinh tế-xã hội (tháng 4-1992 đến 1993) 119
- II. Giữ vững ổn định và phát triển, tiếp tục thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa (năm 1994 đến tháng 4-1996) 143
- III. Đẩy mạnh công cuộc đổi mới theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (1996-2000) 174
- Kết luận 226
- Phụ lục 241

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TRỊNH THỨC HUỲNH

Chịu trách nhiệm nội dung:

LÊ MINH NGHĨA

Biên tập nội dung:

TRẦN THẾ VINH - PHẠM VĂN THÔNG

Biên tập kỹ, mỹ thuật:

CHI NHÁNH TP HỒ CHÍ MINH

Trình bày, bìa:

CHI NHÁNH TP HỒ CHÍ MINH

Chế bản vi tính:

CHI NHÁNH TP HỒ CHÍ MINH

Sửa bản in:

PHẠM VĂN THÔNG

Đọc sách mẫu:

PHẠM VĂN THÔNG

In 1.500 cuốn, khổ 14,5x20,5cm tại Công ty Hưng Phú TP Hồ Chí Minh. Giấy phép xuất bản số 30-497/CXB-QLXB cấp ngày 7-4-2005. In xong và nộp lưu chiểu tháng 9-2005.



DCS.000056

